

NAM PHONG

VĂN HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

TÔNG-THUẬT SỰ-NGHIỆP NAM-PHONG



« Nam-Phong, Nam-Phong », một ngọn gió mát-mẻ từ phương Nam dư? « Nam-Phong, Nam-Phong », một giọng-diệu thanh-tao điền-nhã của người Nam dư?

Gió Nam mát mặt người đời trong khi bức-nức, tiếng Nam cảm-dộng lòng người đất nước trong lúc bàng-khuâng. Thế thì Tạp-chí Nam-Phong chính là một ngọn gió, ngọn gió thổi bằng một thứ tiếng Nam, một giọng-diệu mát lòng mà dễ cảm của người Nam đó.

Mười-tám năm dằng-dắt, cõ-võ một cung-bạc dịp-dàng mà tiến-bộ, hò-hào một chủ-nghĩa cao-thượng mà cần-thiết, xuy khur một linh-từ êm tai mà thăm sâu. Không vội-vang cũng không chậm-trễ, xét thời-liệu thế, tìm vào chỗ nhu-yếu của giống nòi, mà chọn lấy cái tinh-mĩ của thế-giới, phát-dương bằng một thứ tiếng thiên-lai mà truyền-bá cho rộng ra. Vì vậy mà khắp Nam Bắc, suốt cao-hạ, không đâu chẳng lọt tới, chẳng lướt qua. Tạp-chí Nam-Phong thực đã hiến cho văn-dân người Nam một cái sự-nghiệp khai-mạc đáng ghi nhớ, là cái sự-nghiệp làm tăng-tiến tinh-thần cho tiếng mẹ đẻ.

Sự-nghiệp ấy trong quốc-dân Việt-Nam đều đã công-nhận, những lời phẩm-bình ném châu gieo ngọc của các nhà học-giả, các vị danh-nhân trên các báo-chương, còn phảng-phất trong tai mắt các độc-giả.

Không những trong nước mà ra cả đến nước ngoài. Nhiều độc-giả bên Pháp, chính là những độc-giả trong làng văn, cũng hiểu tới cái sự-nghiệp ấy mà thương đề-lặng cho như vậy.



Trong khi còn đương làm chức-phận mình như một tòa Nội-các, một tòa Nghị-viện, một ban diễn-kịch hay là một vị giáo-sư, nếu là chân-chính mà khiêm-tốn, thì không ai hay đem việc của mình làm mà phò-trương lấy làm công-cán. Vì nó là công hay là tội, là hay hay là dở đã có công-luận ở ngoài. Nhưng đến lúc thoái-vị, lúc công-cuộc của mình đã thành-lưu, lúc từ-giã công-chúng, từ-giã những bạn tri-kỹ những khán-quan tri-âm mà về, màn tuy hạ mà tình nhớ-miền còn dài, thì bấy giờ mới chịu thuật qua mấy điều đại-lược về công-việc của mình đã làm để làm câu chuyện kỷ-niệm lúc cuối-cùng, để tạ thịnh-tình của công-chúng mà giải-tỏ chỗ khổ-tâm tận-lực của mình. Tạp-chí Nam-Phong sở dĩ có bài này cũng là có ý ấy vậy. Hết kỳ này thì Nam-Phong tạm đình-bản, bởi vậy Nam-Phong có bài này cáo-biệt cùng độc-giã, tức là câu chuyện giải-chức của các quan-viên, hay là bài hát giã-dám của các anh em dao kép.

Tuy-nhiên, công hay là tội, dở hay là hay, dư-luận vốn tình và vốn công. Nhưng kẻ đã làm nên việc gì, chính mình phải tự biết cái tính-cách của việc ấy và có thể bày-tỏ tính-cách ấy ra cho chân-thực mà rõ ràng được, thì việc làm do mới là do bản-tâm, có định-kiến, theo chủ-ý của mình mà làm. Vậy thì trước khi từ-giã độc-giã mà về nghỉ, Nam-Phong há không nên tự bày-tỏ lay tính-cách về công-cuộc của mình mà bợc hạch tâm-sự cùng các ngài tri-kỹ.

Sự-nghiệp Nam-Phong cống-hiến cho quốc-dân trong mười-tám năm trời, nay tóm lại không ngoài hai cái tính-cách: một là bắt đầu làm cho tăng-liên trình-độ tiếng Nam, hai là duy-trì chủ-nghĩa quốc gia cho dân-tộc. Hai tính-cách đó theo với việc làm thủy-chung mười-tám năm nay, không lúc nào sai lạc, không lúc nào trễ nải, chắc các độc-giã cũng đã đều thể-nhận mà lượng biết.

Nói về bắt đầu làm tăng-tiến cho trình-độ tiếng Nam.

— Thực ra thì tiếng Nam tiến bộ đã từ hơn một thế-kỷ nay, nhưng trên dân văn-học nó chỉ mới chiếm được cái ghế thì ca mà thôi. Đối với sự nghiệp học-văn ngôn-luận chưa có chút gì. Bởi vậy gần đây tư-tưởng học thuật của Thái-Tây dần dần truyền vào, cái vấn đề dịch sách làm sách bằng quốc-văn nhân đó xuất-hiện, mà cái câu «tiếng ta nghèo» cũng nhân đó hầu thành định-án. Song tiếng ta vốn không phải là nghèo, chỉ vì tiền-nhân chưa biết dùng vào công việc diễn-lã học-văn

ngôn-luận đó mà thôi. Người đời quen nhân việc có sẵn thì dễ, mà làm mới ra vẫn khó, vì khó nên mới có cái án « tiếng ta nghèo ».

Nam-Phong biết vậy, biết rằng tiếng Nam không nghèo. Tiếng Hi-lạp làm cái nguồn hỗ-trợ cho tiếng các dân-tộc Âu-Tây được, thì tiếng Hán-ngữ cũng làm cái nguồn hỗ-trợ cho tiếng Nam được. Hợp hai nguồn Hán Việt lại làm một, thì tiếng ta không những không nghèo mà lại phong-phú nữa. Nam-Phong hiểu vậy, bèn quả-quyết ứng với tiếng gọi của thời-thế mà ra đời. Nam-Phong ra đời, cái chí-nguyện căn-bản là ở chỗ đó.

Một mặt thì phát-huy cái chủ-nghĩa tôn-sùng tiếng Nam mà mấy bậc đàn-anh mới đề-xướng, cho truyền-bá ra thành phong-trào, hiện ra thực-tế. Hễ gặp kẻ địch là giao-chiến cho tất thắng mới nghe.

Một mặt thì mạnh-bạo đem tiếng Nam ứng-dụng ngay vào những lối văn cao-dẳng như những văn khảo-cứu, luận-thuyết, phê-bình và triết-học, chính-trị, kinh-tế, khoa-học, lịch-sử, xã-hội, tôn-giáo, và dịch những văn những sách về những môn-loại trên ấy của Đông-phương và Tây-phương. Vừa làm vừa tìm tiếng tìm phép dùng, dần-dần nghiệm thấy tiếng Nam đủ tư-cách đối-phó và diễn-tả được những tư-tưởng cao-thượng, có thể bước lên chiếm dần lấy cái ghế trong trường học-vấn. Từ đó cái án « tiếng ta nghèo » mới phá tan, mà sự nghiệp trừ-thuật trong nước cũng thấy xuất-hiện ngày một nhiều ra.

Nói về duy-trì chủ-nghĩa quốc-gia cho dân-tộc. — Luân-lý quốc-gia là cái luân-lý rất hệ-trọng của loài người, nước Pháp không những không muốn cho ta quên hẳn cái luân-lý đó, mà lại sẵn lòng giúp đỡ phù-trì cho.

Người Việt-Nam từ xưa vốn không phải là không có tư-tưởng quốc-gia, nhưng cũng như người các nước, ở cái đời bế-quan thì tư-tưởng quốc-gia suy, mà ở đời liệt-quốc giao-thông thì tư-tưởng quốc-gia mới thịnh. Gần đây lòng người phân-vân, lại nhân những tư-tưởng hiếu-kỳ ở ngoài tràn vào, thành ra đối với chủ-nghĩa quốc-gia phi cấp-tiến thì phóng-khi. Cấp-tiến đã không hợp với tình-thế mà phóng-khi lại càng là mình tự-sát mình.

Muốn có sự-nghiệp, trước hãy gây trồng vun tưới lấy tư-tưởng. Bởi vậy Nam-Phong định lấy chủ-nghĩa quốc-gia làm cái gốc về luân-

lý đạo-dức cho người Việt-Nam, mà trước hết hãy chăm-chú về phần tư-tưởng. Cho nên phần những văn-chương nghị-luận gì, Nam-Phong đều không quên những cái tinh-thần quốc-gia ấy bao giờ. Ý-kiến minh-minh bạch-bạch ấy, trên Chính-phủ đã thể lượng cho, mà dưới quốc-dân cũng đều hiểu thấu.

Nam-Phong có đủ ba thứ chữ, nhưng chỉ có phần quốc-văn là chủ, chiếm phần toàn-thể để khuếch-sung phát-huy hai cái tinh-cách trên đó. Còn hai phần Hán-văn và Pháp-văn đều là phụ, giúp ích cho phần quốc-văn mà thôi. Công việc Nam-Phong đáng gọi là sự-nghiệp. cái sự-nghiệp có mục-dịch là ở đó. Mục-dịch ấy đã quyết-dịnh ngay từ khi sáng-lập kia rồi. Đây gọi là mục-dịch Nam-Phong.

Chủ-trương và duy-tri cho mục-dịch Nam-Phong trên ấy là người sáng-lập kiêm chủ-bút — ông Phạm Quỳnh — quan Học-bộ Thượng-thư ngày nay. Hợp lực để giúp nên cho mục-dịch Nam-Phong ấy là mấy bạn đồng-chí trong tòa-soạn còn đến giờ.

Nhờ được một cái công-cuộc hợp-tác do một mối đồng-tâm khăng-khit đó, nên mười-tám năm trời một mục tiến-hành không lúc nào gián-đoạn, không lúc nào biến cải tinh-cách ấy và mục-dịch ấy, mà nên được chút sự-nghiệp đáng ghi nhớ trên văn-dân Việt-Nam này.

Nay tóm đem công việc tiến-hành trong mười-tám năm chia làm ba đoạn-lạc :

Đoạn thứ nhất từ khi Nam-Phong ra đời cho đến hồi ông chủ-bút Phạm Quỳnh đi tây-du. Đoạn này trong thi thí-nghiệm và thực-hành cho cái mục-dịch đã định, ngoài thi cổ-dộng cho khắp quốc-dân biết tới mục-dịch ấy, và sưu-tập lấy những bài thi văn quốc-âm có giá-trị của tiền-nhân mà còn sót lại khắp nơi. Đoạn này là thời-kỳ thanh-thể Nam-Phong truyền-dại khắp cõi tư-tưởng của toàn-quốc.

Đoạn thứ hai từ khi ông chủ-bút Phạm Quỳnh đi tây-du về cho tới ngày về Kinh cung-chức. Đoạn này mục-dịch Nam-Phong đã thịnh-hành, việc lập-cổ ít dần đi mà việc trừ-tác càng thêm nhiều ra. Giá-trị Nam-Phong nhân cuộc tây-du của ông chủ-bút mà đạt sang đến cõi Tây-dương. Đoạn này là thời-kỳ toàn-thịnh và lâu năm nhất cả.

Đoạn thứ ba từ khi ông chủ-bút Phạm Quỳnh vào Kinh cung-chức cho đến bây giờ. Đoạn này có hơn hai năm, một thời-kỳ rất ngắn hơn cả.

Trước đây vài năm, tư-trào quốc-dân có chiều thay-dổi, phong-trào tiến-hóa có phần bước mau hơn; lại tiếp quan Thượng Phạm về Kinh, một là vì xa cách, một là vì nhiều việc công. quan Thượng giao cả công việc đốc biện cho tòa-soạn, tức là mấy người đồng chí làm việc từ trước. Đến đầu năm 1934 thì ông Lê Văn-Phúc làm chủ-nhiệm, cũng ra công chấn-chỉnh, mà đồng-nhân trong tòa-soạn vẫn theo mục-dịch Nam-Phong, cố sức làm cho phấn-chấn, cho khỏi phụ lòng quan Thượng ký-thác. Theo thời tiến-hóa có cạnh cải một đôi chút, như là những bài luận-văn viết ngắn lại và cho thiết-thực giản-minh, và thêm ít nhiều lối văn vui cười có ý nghĩa. Sau lại phân ra mỗi tháng xuất-bản hai kỳ cho khỏi chậm trễ Song dò bắt-quá là đòi mới phần hình-thức, mà tinh-thần vẫn tinh-thần xưa. Cũng may được quốc-dân chiếu-cổ trong hơn năm nay, số độc-giả dần dần tăng lên. Vậy thời-kỳ từ đầu năm 1933 đến bây giờ, tương cũng chẳng hồ đề làm kết-thúc cho sự-nghiệp Nam-phong.

Lại nói về phần Hán-tự. Phần này tuy là phụ mà thực có bổ-ích cho nền quốc-học được nhiều. Phần này với phần quốc-văn cùng nhau cùng ra đời một lúc. Chủ-bút là ông Nguyễn Bá-Trắc (Tổng-đốc Thanh-hóa hiện nay). Nhưng ít lâu thì Nguyễn tiên-sinh về Kinh cung-chức. Phần Hán-văn vẫn theo chí tiên-sinh mà tiến-hành. Chỗ ích-lợi cho quốc-học của phần Hán-văn là sưu-tập và đăng-tái được nhiều áng danh-văn rất quý mà tìm-nặt bỏ sót ở các nơi, bấy nay quốc-dân ít được biết đến, như tập văn của Nguyễn Tráng-Tộ và các thơ văn của các danh-nhân Hậu-Lê v. v. Sách thì như bộ « *Lịch-triều hiên-chương* » là một bộ sử-học có giá-trị, xưa nay chưa in ra được, thế mà vì có Nam-Phong mà đăng-tái lại được một lần.

Đến như phần Pháp-văn thì là phần phụ-trương ra tiếp sau, để đăng tái những bài văn-luận của các danh-nhân hiện-thời bên Pháp và bên ta. Phần này có ít, vì Pháp-văn hiện-thời đương thịnh-hành, báo-chí bằng Pháp-văn đầy dẫy, nên Nam-Phong chỉ chọn lấy những bài cần-dùng, hợp với mục-dịch mình cho cụ-thể mà thôi.

Tóm lại hai tính-cách, ba đoạn-lạc, ba thể văn-tự đã giải-lỏ trên ấy, hình-ảnh Nam-Phong, can-tràng Nam-Phong là đó.

Rồi đây gió Nam qua mùa thi tạm nghỉ, văn Nam-Phong thành-công thi tạm ngơi, nhưng hình-ảnh ấy, can-tràng ấy, giọng-diệu ấy, quyết còn phảng-phất, còn đồng-vọng lâu với thời-gian.

Chẳng thế mà suốt trong nước, không kể nơi thư-viện công, phạm những nhà có chi học-vấn, phần nhiều trong tủ sách còn tàng-trữ Nam-Phong từ số đầu đến giờ. Đong lại làm từng quyển lớn, bìa da chữ vàng, lung-linh đẹp-dẽ, để làm gia-bảo rất qui. Nam-Phong thực lấy điều đó làm tự an-ủi, làm vinh-hạnh cho mình. Rồi đây lảng vãng ai có nhớ Nam-Phong mà hỏi đến, tất lại thấy hình-ảnh can-tràng nhau ở trong những nơi viện sách trân tàng đó.

Coi đó biết trong mười-tám năm, 210 số, Nam-Phong làm một người bạn văn của quốc-dân trong *salon*, một người bạn học của quốc-dân trong viện sách, không đến nỗi là người bạn phiền-quấy dễ dờn phải no người chán nể. Nay đến lúc chia tay, cái hôn kỷ-niệm nồng-nàn, Nam-Phong xin chỉ vào tập sách 210 số có tên bản-chỉ mà dặn cùng các bạn văn, bạn học và các bạn tri-âm một lời rằng:

*Bản văn luận đạo bây nay,
Bạn cùng tri-kỷ còn đây là tình!*

NGUYỄN HỮU-TIẾN



PHỤ-NỮ NHẬT-BẢN ĐỜI NAY



Ở Pháp nghe chuyện dân bà Nhật thường như chuyện thần-tiên. Vin vào mấy bức tranh tố-nữ, mấy quyển tiểu-thuyết, hay một vài vở kịch, thế là họ tưởng-tượng ra một người đàn bà mới son má phấn, tóc nhún như sơn, di đứng dịu dàng, quần áo rực-rỡ, khi nói cười như hoa nở, khi cử-chỉ như bướm bay, một tuyệt-thể giai-nhân suốt đời vui thú cái tuổi xuân không mòn. Từ bà *Chrysanthème* nụ cười xinh-xắn, cho đến bà *Butterfly* giọng nói véo-von, cũng đều ở khuôn ấy mà ra cả.

Nhưng thật ra, thì đàn-bà Nhật có phải thế đâu ! Mà có lẽ lại trái hẳn.

Trong phụ-nữ ở các nước văn-minh trên hoàn-cầu, phụ-nữ Nhật phải chịu một cái đời nghiêm-khắc nhất, có nhiều bổn-phận, mà rất ít lợi-quyền.

Mà có lẽ đó là cái đặc-sắc của họ. Phần nhiều văn-sĩ ngoại-quốc đã ở Nhật đều ca-tụng cái tính nhu-mi, lòng trinh-tiết của họ đối với chồng, và lòng thương yêu con hay cũng có khi cả cái lòng dũng hiệp của họ nữa. Nhiều người cũng lấy vợ Nhật, vì các ông muốn độc-đoan trong gia-dinh thì được người vợ như thế còn gì bằng.

Nhưng khắp các nhà văn-sĩ, cả ông *Lafradio Hearn* là người rất hâm-mộ nước Nhật, cũng đều công-nhận rằng đời đàn-bà Nhật thật đáng thương mà đáng nâng cao hơn mới phải.

Trước khi tới Nhật, tôi cũng đã thấy cái địa-vị thua kém của đàn-bà Nhật rồi. Số là từ Thượng-hải tới Đông-kinh, tôi được gặp một gia-dinh thượng-lưu Nhật mới ở bên Âu về.

Lúc vào buồng ăn, thì người cha đi trước nhất : chân thấp, mình béo giương cánh nghênh-ngang. Rồi đến hai ba đứa con trai, coi bộ đã hung-hăng, chân đi bước lình. Rồi đến mấy đứa con gái. Sau cùng mới đến mẹ. Người đàn-bà này, mặc chiếc áo dài thắm, chân đi rón-rén, nét mặt khiêm-cang. Đức ông chồng tự mình gọi món ăn, không thèm đưa mắt nhìn đến vợ. Rồi ngồi xuống ăn trước với mấy đứa con trai mà chuyện trò vui thú. Còn thừa lại gì thì mẹ con bọn đàn bà lúc bay gió mới được ăn. Dáng-diệu từ-lớn, cử-chỉ rụt-rè, người đàn-bà kia hình như không muốn cho ai để ý đến mình. Một đôi khi, chồng hạ-cổ mà hỏi đến, thì lại gãi tai gật đầu mà gượng cười gượng nói. Rồi lại im phắc không hề hề môi.

Cái cảnh-tượng thương-tâm ấy, thương-nhật tôi lại thấy luôn ở một nhà khách-sạn Đông-kinh. Mà chính tôi cũng nhiều khi ngượng, vì ở đó họ coi mình cũng là « the đàn-bà ». Một hôm tôi đến phòng-văn một nha đại-chính-trị. Trong gian phòng, lại còn có một người cựu sử-thần Nhật và người thông-ngôn của tôi. Một đứa gia-nhân dâng nước vào: bắt đầu đưa ông chủ, rồi đến ông sử-thần, rồi đến người thông-ngôn, sau cùng mới đến tôi. Ấy the mà duy có tôi là cúi mặt cười thắm, còn mọi người đều cho là tự-nhiên.

Ở bên Nhật, không bao giờ một người đàn ông chịu giúp một người đàn bà đi qua phố đông, lên xuống tàu chạt hay nâng đỡ gói nặng như bên

Tây, họ không có cái lòng hào-hiệp mà ra tay giúp đỡ người hèn yếu hơn mình. Ra ngoài đường, dân họ không bao giờ được đi ngang hàng với dân ông: mà dẫu là mẹ hay là chị mà đi với con em cũng phải đi sau mấy bước. Tôi có một người bạn Nhật vào bậc tư-tướng tân-tiến, và vẫn tân-thành sự giải-phóng phụ-nữ. Thế mà cũng nói với tôi rằng: Thà là chịu chết chứ không đời nào chịu hôn vợ trước mặt công-chúng, dẫu đi đâu xa về cũng chỉ chào hỏi qua thôi.

Chính tôi cũng đã được mục-kích một ông quan sáu Nhật bị trọng-thương ở trận Thuận-hải, lúc đưa xuống tàu thì vợ đến thăm. Người vợ ở đằng xa đi lại, thấy chồng thì dừng lại tước mặt, cách mấy bước, rồi cúi mình lạy chao. Thế mà ông tướng kia vẫn điềm-tĩnh như không, chỉ hơi gật đầu đáp lại. Vẫn biết đó chẳng qua là sự lễ-ngiht bề ngoài, song cái lễ-ngiht ấy chẳng đủ tỏ cho ta biết một cái tính-tình bề trong dư?

Người dân-bà Nhật vì câu-thức như thế nên rất kìa-dảo, không hề tỏ bày tâm-sự với ai bao giờ.

Nhiều phen tôi muốn dò ý-kiến họ, cách ứng-đổi tiến-thoái của họ rất nhã-nhận, cách giao-thiệp của họ thì ít kể sánh kịp. Nhưng khi hỏi đến đời riêng của họ hoặc ý-kiến riêng của họ, thì họ cười nhạt mà lảng ra chuyện khác.

Theo ý một người bạn Pháp của tôi, thì cái thái-dộ kìa-dảo ấy có lẽ là bởi sự giáo-dục của họ.

Cách giáo-dục dân-bà Nhật thì thật nghiêm-khắc quả chững. Lúc bấy con nhỏ thì con gái cũng không khác con trai; cũng áo xanh áo đỏ, cũng vui nghịch nô đùa, cái nụ cười thơ ấu,

cũng nhiều khi nở trên khuôn mặt măng lờ.

Nhưng từ bảy tuổi trở đi, là người con gái Nhật đã đem thân vào vòng câu-thức. Tôi đã được nhiều khi trông thấy nữ-học-sinh xếp hàng đi ngoài phố mặc lối thủy-bình, nhứt-nhất như nhau, trên những nét mặt non-nớt kia hình như đã lộ cái vẻ ưu-tư trầm-mặc.

Là vì suốt ngày ngoài những khi học những thiên lịch-sử về vang đề khích-thích lòng ái-quốc, thì người ta dạy cho chúng rằng con gái chỉ có nghĩa-vụ rất nặng-nề, chứ không có quyền-lợi gì. Tuổi chúng còn thơ ngây tuế mà đạo tam-tòng đã in sâu trong óc.

Chúng phải học thuộc lòng những câu cách-ngôn đại-khái như sau này: « Dân-bà phải thờ chồng như dân thờ vua, nhứt nhất phải theo mệnh-lệnh chồng. . . . Nếu chồng có cả giận thì mình phải run sợ mà nhịn nhường. . . Dạy bảo con cũng không đến phần đàn bà, vì lòng từ-mẫn có khi làm thiên mất sự ghét yêu. Bầm-sinh ra đàn-bà là nông-nổi, vậy trong khi xử-thể mình chớ vội tin mình. . . »

Lúc còn nhỏ ở nhà, đứa tiểu-nữ Nhật biết phận mình không sánh được anh em trai, vì đàn bà không nổi dõng cha ông được. Gia-tài của cha mẹ cũng không đến phần mình, vì lúc xuất-gia, mình sẽ là dâu con người khác. Nhưng lúc về làm dâu rồi thì cảnh lại càng đáng thương nữa: một mình thui-thủi khổ hơn lúc ở nhà.

Nhưng đến tuổi trưởng-thành, có thiếu-nữ Nhật cũng được hưởng cảnh trăng tròn hoa nở. Bỏ quần áo học-trò, cô mặc chiếc trường-y thêu hoa màu nhạt. Rồi thì bôi tóc đen nhánh, cặp môi đỏ tươi, cô sẽ tập làm sao cho nét mặt bao giờ cũng in một cái nụ cười.

dụng dàng để thừa-tiếp tân-khách trong khi yến-tiệc. Nhưng ở một vài nhà đại-gia còn theo cổ-tục, con gái không ra khỏi cửa, mà có đi đâu thì cũng có mẹ cha. Vả chẳng, cái tuổi trăng tròn hoa nở kia nó có được dài lâu!

Có thiếu-nữ đã sắp phải về nhà chồng. Về vấn-đề hôn-gia, thì tuy có thiếu-nữ đời này không phải cha mẹ đặt đâu ngồi đấy nữa, nhưng tự mình cũng chưa có quyền chọn lấy bạn trăm năm. Cho nên phải mối lái đi lại, thỏa thuận thì hai nhà mới trực-tiếp với nhau. Ngày cưới có dâu mặc đồ trắng (cũng như bên Pháp), nhưng mẫu trắng ở đây là mẫu tang. Cai tang-phục của cô dâu có ý nghĩa là từ ngày xuất-gia thì đối với cha mẹ, nàng cũng như một đứa con chết đi, mà về sau cô bỏ nhà chồng về, thì không còn linh-hồn mà chỉ còn tro cái xác.

Về nhà chồng lại cầm hăm trong nhà, hết sức thờ phụng cha mẹ chồng và chiều-chuộng chồng. Dâu chồng có lấy năm hầu bảy thiếp cũng không dám hé môi. Vì nàng biết rằng theo pháp-luật chồng có thể bỏ mình rất dễ: không có con, hoặc có tính ghen tuông hoặc hay nói chuyện phiếm... ấy là một vai có thể cho phép chồng li-dị vợ được.

Đến lúc sinh con ra, thì mình cũng không có quyền gì với con, vì con là người của vua của nước; mình chỉ là một cái máy đẻ mà thôi.

Đến 30 tuổi đời áo thêu hoa, mặc áo chùng thâm, đội mũ chùm đầu, ấy là về cảnh lão. Nếu người nào có tính cay nghiệt, thì chỉ còn đợi cho con có vợ rồi hành-hạ dâu cho bỏ lúc mình bị mẹ chồng hành-hạ. Nhưng hạng người ấy bên Nhật hiếm lắm. Số đông phụ-nữ đến cảnh ấy là chỉ điếm-tĩnh mà đợi chết mà thôi.

Thế còn hạng kỹ-nữ thì sao? Họ chẳng sung-sướng hơn những người kia ư? Phải, có thể thật. Nhưng vai trong tiêu-thuyết trong kịch, hay những bài thơ kiệt-tác của nước Nhật phần nhiều là bọn kỹ-nữ cả. Trải qua biết bao thế-kỷ, hạng ấy vẫn là cái mầm làm cho nghiêng thành đổ nước, bại-sản vong-gia! Chữ ái-tình ở nước Nhật hình như chỉ riêng dành cho bọn kỹ-nữ giang-hồ (nhưng gần đây phong-trào đổi mới, các cô trăm-anh khuê-các cũng đã được giữ một đôi phần).

Nhưng dâu giang-hồ hay kỹ-nữ, cái đời kia ngoài cái vô rục-rở, thì chỉ là một cảnh đồng lạnh-ngắt u-sầu.

Con nhà thợ thuyền cày cuốc, sinh ở nơi bùn lấm, bụi lấm, những đứa trẻ kia, nếu có chút nhan-sắc thì đến 7 tuổi đã bán vào nơi hồng-lầu. Begg không mà bà mẹ chẳng tương thì tới 13, 14 tuổi cũng bán mình vào các nhà máy.

Vào hồng-lầu, thế là những đứa bé ấy trong khoảng 18, 20, 25 năm tùy theo giấy giao-kèo của cha mẹ sẽ bị buộc vào một cái hoàn-cảnh rất đau đớn. Dâu tất mất lời, suốt ngày phải tập-tành, còn dâu la thú vui bề bạn, còn dâu là lòng âu-yếm nâng-niêu của mẹ cha.

Bên Nhật, trong những thành-phố lớn, mỗi phố ít ra cũng ba bốn nhà hồng-lầu. Mỗi nhà do một người đàn bà đứng tuổi chủ-trương. Họ tập cho trẻ mùa hát, cho học thuộc những bài hát phong-tình, những bài thơ kiệt-tác trong rừng văn Nhật, lại tập cho tô son điểm phấn để đón tiếp làng chơi. Cái tuổi thơ-ấu ấy mà các nghề chơi đã phải thuộc lấy làm lòng.

Đến chín tuổi thì những đứa trẻ ấy đã bắt đầu ra tiếp khách. Rồi thì: khi dâng hoa, rót rượu, khi đèn tỏ trắng

lên, má hồng thêm sắc, làn sóng gợn tinh của những ả tiều-kieu kia sẽ làm xúc-dộng tấm can-tràng biết bao đấng tu-mi nam-tử. Đến mười hai, mười ba là tới kỳ mua hoa bán lá. Hoặc nhà phú-thương, hoặc nhà võ-tướng sẽ mang tiền nghìn mà mua lấy tuổi xuân. Có thiếu-nữ kia được sao hay vậy, có quyền đâu mà chọn mặt gửi thân.

Nhưng kiếp phong-trần thế đã yên dàu: còn thân còn nợ, trong khoảng hơn mười năm nữa, cánh hoa tàn trải khắp bao lay. Cho đến khi tuổi đã hai nhăm, mà lòng còn giữ tuyết, thì mới tìm người tri-kỹ; mà thường thường là một gã thư-sinh, một nhà thi-sĩ thì mới có hi-vọng một ngày kia giàu có để mua hoa về vui thú trăm năm; nhưng cũng có khi tình-duyên trắc-trờ yêu hoa mà không hái được hoa, thì cũng đành quyền-sinh cho thoát vòng tình-lụy. Kịch-văn nước Nhật có nhiều áng tình-sử lâm-ly. Mà vai chủ-động phần nhiều là ca-nhi kỹ-nữ.

Khi tới ở Đông-kinh thì được dự đàm tang một vai chủ-động rất có tiếng tăm ở Nhật. Người ấy là con gái thứ ba của một ông lão thuyền-chài tên là NUGATA. Nàng ta có nhan-sắc, nên mới lớn lên thì một hồng-lâu có tiếng ở Đông-kinh mua về. Tuổi vừa hai mươi thì có KASUKÉ, ấy là tên nàng, nổi tiếng hoa-khôi ở đất đế-đô. Nàng lại bẻm tinh thông-minh, thông cả cầm-ký thi-họa, nên khắp mọi nơi đều kính nể biệt-tại.

Tại ấy sắc ấy làm cho say-mê một nhà thiếu-niên võ-tướng ở thủy-quân, con nhà dòng-dõi. Nhưng nghèo quá, chàng không có đủ tiền để mua nàng. Chàng bèn dụ nàng đi trốn, không những thế, muốn cho ái-tình khỏi bị ngăn-trở, chàng đành từ-chức, bỏ con đường phú-quí vinh-hoa. Người chủ

hồng-lâu đi kiện, nhưng kết-cục thiếu-tá YAMANOTo vẫn lấy nàng. Mà vụ kiện ấy lại càng làm nổi tiếng cho chàng, thành ra không bao lâu chàng tới tới bậc vinh-hoa phú-quí: đời phen làm thủ-tướng; hiện bây giờ chàng là bậc tâm-phúc của Nhật-hoàng. Nhiều người cho rằng chàng tới đến địa-vị ấy một cách nhanh chóng lạ-lùng, thế là một phần nhờ ở công hầu-tước YAMANOTo phu-nhân.

Tuy-nhiên, lấy chồng ngót bốn-mươi năm, vào Khanh ra tướng, mà phu-nhân vẫn giữ thái-độ rất khiêm-cung. Biết bao phen triều-dinh vời phu-nhân để ban tước-lộc mà phu-nhân một niềm chối từ. Con trai phu-nhân là đại-uy KYORHI YAMANOTo, hiện bây giờ là một nhà danh-tướng thủy-quân được thanh-niên Nhật rất hâm-mộ. Con gái phu-nhân cũng lấy những bậc tài măt trong nước; trong số đó là quan Đốc-thủy-quân TAKARABÉ, nguyên tống-trưởng bộ thủy-quân.

Phu-nhân mất, hưởng thọ 73 tuổi, để lại biết bao thương nhớ cho chồng con ci ấu chắt, khắp các báo trong nước đều ca-tụng công-nghiệp của phu-nhân, và nhắc lại cái tình sử lạ-lùng của đôi trai tài gái sắc.

Ngoài ra cũng còn nhiều tay kỹ-nữ khác, thân-thể cũng vẻ-vang. Trong ba bốn mươi năm gần đây, nhiều nhà chính-trị, ba vương-công, một bá-tước cũng đều lấy vợ ca-nhi. Mà phần nhiều họ công-nhận rằng bước công-danh một phần nhờ những tay nội-tướng có học-thức có kinh-luân không dốt nát như số đông những đàn-bà khác.

Tuy-nhiên, những người được thế thực là một số rất ít trong đám ca-nhi. Số đông, thì tới ba mươi tuổi, là thôi chốn hồng-lâu, vui chơi sơn-thủy, mượn cung đàn giọng hát mà ngày

thắng tiêu-dao. Nhiều người khác lại lập ra hồng-lâu do mình đứng chủ.

Một hôm tôi được cái thú sống trong chốc lát giữa đám ca-nhi ở Đông-kinh.

Chúng tôi vào một cái vườn u-thâm tịch-mịch, mà đường giải cái hồng lông-lánh dưới bụi cây xanh. Trông dằng xa, trong nhà, trước một cánh cửa dán giấy lấp-loáng bóng đèn, thấy người chủ đã đứng đợi. Chúng tôi tới nơi, chủ ra đón rồi mời vào một gian phòng hỗn bèn tường và sàn đều phủ một thứ chiếu hung hung đỏ, chân đi êm mát như những tấm thảm bằng nhung. Trên một cái bàn thấp, bày mấy cái khay sơn, trên có những cái tách mỏng tanh đựng những sơn-hào hải-vị. Tục Nhật-bản, khi mới bắt đầu ăn phải ngồi im không nói chuyện. Cho nên qua những cửa sổ, thì chỉ nghe tiếng lá trúc gió thổi ri-rào, tiếng dũa ngà chạm nhau lách-tách, cùng là tiếng rượu rót vào những cái chén xứ màu xanh.

Bỗng tự-nhiên không biết ở đâu đến, ở trong cái vườn u-thâm tịch-mịch kia, bỗng thấy hiện ra những cánh áo lụa long-lanh chẳng khác gì những con thiêu-thần thấy ánh đèn mà nhờ gió chiều bay tới.

Thì ra bốn cô ca-nữ. Cô hé nhất mặc cái áo xanh lông-lánh như nước suối mùa xuân, cô thứ hai mặc cái áo đỏ thắm tươi như vàng mặt trời mới mọc, cô thứ ba mặc cái áo tía-diễm trăm hoa, cô thứ tư, mà lại lớn nhất, mặc cái áo xanh biếc như da trời mùa hạ. Cả bốn cô cùng qui trước mặt chúng tôi, nét mặt tươi-tươi, nụ cười hớn-hở, tiếng nói véo-von như gió thổi, hai tay mềm-mại, mà ngón xinh-xắn như thể búp-măng.

Mỗi sơn má phấn, tóc đen như sơn, kim cài như hoa, cô nào cũng thùy-mị

yêu-kiều, cái vẻ đẹp thần-tiên ảo-mộng ngồi bụt khó tả cho nên.

Những cái đẹp thần-tiên ấy, tiếc rằng chẳng bao lâu nữa sẽ theo phong-trào mà tiêu-diệt đi mất. Đường doanh-sinh mỗi ngày một khó, rồi ra ai dám bỏ tiền mà mua những cái thú thanh-cao hiếm có ấy, vì một bữa tiệc mà có ca-vũ như tối hôm ấy mất đến tiền nghìn. Vả chẳng thiếu-niên Nhật bây giờ chỉ thích chớp bóng bay khiêu-vũ, chứ đối với họ thì cái thú cồ-tục kia nó đã cũ-kỹ quá rồi. Họ chỉ thích tóc húi ngắn, quần áo ăn mặc theo lối Thái-tây. Trước cái sóng phong-trào kia, không biết phụ-nữ Nhật có lấy làm phàn-nản chẳng !

..

Không, phụ-nữ Nhật bao giờ cũng nhu-mi thuần-thục. Dầu họ biết rằng chồng có tư tình với người khác họ cũng mặc không hề oán-trách gì. Mà có khi họ biết cả tên người tình-nhân của chồng họ cũng mặc kệ. Khi tôi ở Đông-kinh, được nghe chuyện một người thiếu-phụ vì có bệnh phải nằm nhà thương điều-trị ít lâu. Trong khi ấy thì ở nhà chồng rước gái về. Thế mà khi người thiếu-phụ kia khỏi bệnh ở nhà thương ra, về nhà, chồng cũng không biết. Thành ra người ấy về bắt được quả-tang người cướp chồng mình, chêm-chệ chiếm địa-vị mình. Thế mà người thiếu-phụ nhu-mi kia cũng không hề tỏ thái-độ giận, cứ ung-dung giúp người kia sắm-sửa hành-lý đi nơi khác.

Cái đức thuần-thục nhu-mi của dân-bà Nhật, thật là một của báu cho nước ấy, nhờ đó có biết bao nhiêu mẹ hiền vợ thảo, và biết bao nhiêu hảo-khiết anh-thu.

Trong lịch-sử Nhật gương liệt-nữ không phải là hiếm. Đồi phen đắng anh-thư không sợ chết mà giúp nước trong những bước nguy-nan.

Chắc ai cũng biết chuyện thống-chế Nom phu-nhân. Cách đây 20 năm, thống-chế (người đã có công to trong cuộc Nhật Nga chiến-tranh) muốn chết theo vua Meiji, nên tự mổ bụng; phu-nhân được tin, cũng bèn đồ đại-phục rồi lấy dao đâm ngực mấy nhát. Những cái chết ấy bình như đã trở nên một cái thường-tục của nước Nhật rồi.

Mà chính lúc tôi mới tới Nhật, cũng có xảy ra một chuyện kỳ-dị chẳng kém chuyện kia. Một người thiếu-phụ mới lấy chồng được vài tuần-lễ thì chồng phải cử đi tòng-chính ở Thượng-hải. Đức ông chồng « tàn-thời » kia vì say tình quá, lúc ra đi có ý rụt-rè. Người thiếu-phụ tự-nghĩ rằng mình như thế là có tội với tổ-quốc, bèn tự-sát để xui chồng thêm hăng-hái ở nơi chiến trường...

Có lẽ cũng nhờ cái giáo-dục của người dân-bà, mà người Nhật không kể gì sự chết, hết tâm dền bồi cho tổ-quốc, cho Nhật-hoàng. Cách mấy hôm gần đây, tôi đọc trong một tờ báo thuật chuyện một đứa bé lên mười tuổi đã nhiều lần ăn cắp. Mẹ y cho y chọn hai đường: một là vào nhà tù, hai là tự-sát. Đứa bé còn do-dự sợ-hãi, thì bà mẹ bèn lấy tay bóp chết ngay đứa con kia.

Nhưng đừng tưởng rằng như thế thì dân-bà Nhật hung-tàn quá, mà ít có lòng quảng-dại nhau-từ. Không, họ rất nhu-mĩ, rất trinh-tiết, mà hiền-sâu nghĩa chữ « thi-xã » và họ rất cần-mẫn.

Họ ham làm việc từ thừa nhỏ. Lúc còn ở nhà trường: nào học-tập, nào thể-thao, chăm-chút tinh-thần và rèn-tập thân-thể. Về các môn thể-thao ở

Thái-tây dân-bà Nhật chẳng kém gì các nước, trong cuộc thi toàn-cầu vừa rồi, họ giât được những giải có giá-trị về môn nhảy cao, môn chạy nhanh và nhất là môn bơi.

Lúc đã hơi nhớn lên, học bậc trung-học thì họ lại có các quan võ-tướng đến rèn-tập việc binh: nào phá lũy, nào đào hầm, nào múa gươm, nào lắp súng. Trong trận hoàn-cầu đại-chiến sắp tới về sau này, có lẽ phụ-nữ Nhật sẽ chiếm một địa-vị quan-trọng. Nhưng tiếc thay, người Nhật đã đem những người vốn bầm sinh ra để sinh-dục vào một công-việc trái hẳn: là đâm giết người.

Học xong, họ về nhà, mới đem thân vào trong cái vòng câu-thức mà ta đã tả ở trên kia.

Nhưng cũng có nhiều người học xong thì ra đời tìm kế sinh-nhai, trên ô-tô, trên tàu hỏa, trong các cửa hàng, các nhà « băng », hầu hết mọi nơi ta đều thấy họ chen vai thích cánh với đàn ông. Cũng có khi họ làm bồi ở các cao-lầu lầu-quán để quyến khách, đó là một cái mối cạnh-tranh kịch-liệt cho các nhà hồng-lâu.

Những hạng người ấy có xu-hướng theo hẳn Thái-tây, từ cách ăn mặc cho đến sự cử-chỉ, họ cứ quen dần lối chị em Âu Mỹ.

Ngoại hạng ấy, lại còn hạng dân bà lao-động nữa. Hạng này do cha mẹ bán cho những nhà công-nghệ to như các sở dệt vải, dệt lụa... lại phải chịu một cảnh khổ-sở hơn. Họ ăn ở thành từng toán, từng đội, như binh-lính trong trại. Cứ từng toán một, cắt nhau làm việc suốt đêm suốt ngày, mỗi toán phải làm 9 giờ một ngày, mà công-nhật chỉ độ rằm ba quan.

Nhưng hạng dân-bà này có tư-tưởng tân-tiến lắm. Họ biết rằng địa-

Vị của họ trong nước tuy thua-thiệt, nhưng công họ không phải là thường. Cho nên họ cũng bất-chước thợ-thuyền Âu Mỹ, họp nhau thành đoàn mà bênh-vực lợi-quyền chung. Trong cuộc biểu-tình của họ, ta không ngờ rằng những người dân-bà ngày thường thuần thực nhu-mi thế mà bỗng hăng-bá lạ-thường, lúc lâm-sự họ không sợ chết.

Cuộc đình-công thợ nhà in mới xảy mấy năm nay và những vấn-đề khó-khẩn trong công-nghệ vải lụa đã ghi vào lịch-sử lao-động biết bao nhiêu bậc anh-thu.

Tuy-nhiên, tựu-trung cái vẻ hăng-hái của họ bao giờ cũng có lộ cái vẻ ngày-thờ thủy-mị. Tôi đã được mục-kích nhiều cuộc biểu-tình ở Đông-kinh.

Họ mặc áo dài thêu hoa, cũng như những ngày tết hội, cũng tô son cũng điểm phấn, cũng uốn-éo dịu-dàng trên những chiếc ô-tô hàng mà cùng nhau hát bài quốc-ca. Cảnh-tượng tuy nghiêm-trọng mà vẫn có vẻ nên thơ, khách qua đường những muốn dừng lại xem và có cái cảm-tưởng rằng trước mắt mình có bày ra những lồng chim đang đua nhau vui hót. Vì thế mà họ được dư-luận hoan-nghênh, và cuộc biểu-tình có kết-quả.

Gần đây, những hoa khôi các cao-lâu từ-quân ở Đông-kinh cũng họp lại biểu-tình phản kháng một thứ thuế mới mà chính-phủ bắt đánh vào từng người khách một. Nghìn hai người quần áo chỉnh-tề họp nhau tại một gian phòng lớn ở Đông-kinh. Họ bèn bầu một người chủ-tọa, rồi một vài người lên diễn-đài bày tỏ ý-kiến rất hùng-hồn khiến công-chúng ai ai cũng cảm-động :

« . . . Thuế ấy rất bất công ! Thuế ấy làm hại ta. Trong tình-thế kinh-tế này

mà bắt khách-quen của ta tăng giá, như thế không đời nào ta chịu. . »

Họ vừa họp nhau thì một toán đàn ông đảng của chính-phủ, kéo nhau hoan-hô Nhật-hoàng, hoan-bô Nhật-quốc và phản-kháng những từ-quân cao-lâu.

Cảnh-tượng thật náo-nhiệt : chỉ các nhà báo và các nhà chớp bóng là được dịp may hiếm có.

..

Nhưng số đông phụ-nữ lao-động là ở nơi thôn-quê. Cũng như ở các nước khác, phụ-nữ nơi hương - thôn đều chia sẻ công việc của đàn ông ; có khi ăn mặc cũng giống như đàn ông, cũng quần cộc, cũng áo xanh, họ cùng nhau cấy bừa làm-lụng, và ở vùng duyên-hải, đàn bà cũng đánh cá, cũng chèo thuyền.

Một hôm cuối xuân, trời nắng, sóng lặng bề xanh, tôi được mục-kích một cái cảnh-tượng rất êm-dềm : trên mặt nước phẳng tờ không hề hơi gợn gió, một làn hơi xanh nhạt từ-từ lượn quanh mấy móm đá nhấp-nhỏ, rồi dần dần lẫn vào ngọn mấy cây tùng xanh biếc uó dường như giờ tay vờn ghẹo túp nhà gianh trên bãi cát vàng. Trên bãi cát kia, lẫn xen vào mấy tảng đá, thấp-thoảng mấy cô gái quê nhớn-như như đàn tiên-nữ mơ-màng, ẩn-nhiện trong cách ăn mặc giản-dị, chỉ có vài miếng vải che thân.

Rồi thì tự dưng xa thấy mấy người đàn ông đi lại, mập-mạp hung-hăng, ra hiệu cho dãy thuyền xuống bờ. Thế là bọn đàn-bà kia, trong ánh mắt, đã lần-lượt rún gót mà nhẩy vào thuyền. Khi thuyền đã men theo bờ bờ đi ra, thì bỗng nhiên thấy bọn đàn-bà lần-lượt dương hai cánh tay dịu-dàng qua trán rồi dầm bả xuống làn bề xanh.

Một hồi lâu họ lên thì nét mặt tươi-cười hơn-hở, người cầm con cua kẻ cầm chiếc hến, cua còn vẩy càng định trốn mà hến thì sắc vỏ long-lanh. Đoạn nghỉ-ngơi chốc lát, họ lại ra đứng uốn-éo ở mạn thuyền rồi bỗng nhiên nhanh như chớp, cả loạt đều văng mình xuống bể thẳm như những cái tên vàng.

Đó là những người thạo nghề lội nước, nhà họ ở trong làng men bờ, nhưng cứ đến mùa hạ lại kéo nhau ra mấy cái đảo ngoài bể để tìm cách sinh-nhai. Bọn họ ước chừng độ ba trăm người. Bắt đầu 15 tuổi đã phải đem thân bỏ-liều mà chống-chọi với sóng gió cho đến ngoài 40 tuổi mới thôi. Nhưng có một điều lạ, là chỉ đàn bà lặn-lội, còn đàn ông an-tọa mà hưởng sự thái-bình. Cứ theo báo *Asahigraph* ở Đông-kinh thì mỗi năm những người đàn bà ấy giúp cho gia-đình được một số tiền tới đến 56.000 *yens* (mỗi *yen* bây giờ giá 5f50 nhưng trước đây 2 năm thì giá là 12f50). Vì thế mà bọn phụ-nữ ấy có một địa-vị quan-trọng ở trong làng; nhưng thế cũng là dĩ-nhiên.

Vậy xem như thế thì phụ-nữ ở nơi thôn-quê đã có một địa-vị khá, tuy không vẻ-vang gì cho lắm, song cũng không đến nỗi long-dong như phụ-nữ ở phái thượng-lưu.

Số phụ-nữ ở phái này ít người có nghề-nghiệp, có nhiều người đi du-học bên Thái-Tây về, có bằng cấp các trường Đại-học, hay tông-học ở ngay trong nước cũng đủ bằng-cấp chính-phủ phát cho. Song rất nhiều người chưa được bổ dụng. Những bà học thuốc thì hiện nay chưa có khách mời, những bà đồ luật khoa tiến-sĩ hay cử-

nhân thì cũng chưa mượn-nghề mà sinh-nhai được. Mỗi đây tốn bao nhiêu giấy mực và trải qua biết bao nhiêu bài tranh-luận, chính phủ mới chịu cho đàn bà làm trạng-sư, song cũng chưa ai dám biên tên vào sổ.

Có một vài bà xướng lên phong-trào phản-kháng cổ-tục. Tôi xin kể lại đây câu nghị-luận của một người đàn bà Nhật chủ một tờ báo ở Đông-kinh :

— Người đàn bà Nhật không thể chịu ở mãi cái địa-vị hèn kém nhất trong hoàn-cầu : Hiện nay chúng tôi không được dự một phần nào vào gia-tài cha mẹ, không có quyền được có của riêng, không được tự ý mà chọn lấy chồng mà cũng không có quyền gì với con của chúng tôi sinh ra, trừ phi là khi nó bị cha bạc-đãi.

Như thế thì có lạ-lùng không ? Nhưng không thể nào chúng tôi có thể chịu thế được mãi. Cái gia-đình Nhật sắp đến lúc tan-nát : rồi thì phụ-nữ Nhật sẽ nhờ đó mà bay bổng, may ra sẽ được như phụ-nữ Tàu...

Cũng ngày hôm tôi được nghe câu nghị-luận ấy thì tôi lại được nghe câu nghị-luận này của một người bạn Âu rất hâm-mộ phụ-nữ Nhật :

— Bà còn ở xứ này bao nhiêu thì bà sẽ càng ngẫm thấy rằng cả về phần trí-tuệ lẫn tâm-hồn đàn bà Nhật hơn đàn ông Nhật nhiều lắm. Có lẽ vì thế mà người Nhật họ cố giữ đàn bà trong cái chế-độ cũ. Nhưng muốn sao mặc dầu, cái trình-độ văn-minh của một nước có thể do bằng cái địa-vị của đàn-bà. Vậy nước Nhật tự chiếm là văn-minh thì đợi đến bao giờ mới sửa đổi lại luật-pháp mà giải phóng phụ-nữ (1).

PHAN-ANH thuật

(1) Theo sách « *Le Japon intime* » của ANDRÉ VIOLLIS.

DICH THƠ' VĂN CỔ

Bài ca «Xuân-giang hoa-nguyệt dạ»

(Nguyên-văn của Trương Nhược-Hư
nhà Đường)

春江潮水連海平。
Xuân-giang trào thủy liên hải bình,
海上明月共潮生。
Hải thượng minh nguyệt cộng trào sinh,
Xuân-giang dạ nguyệt hoa hoa nguyệt,
Khách thi-hào tay dặt nên chương:
(Đôi câu đầu)

Trào xuân sông bề mênh mang,
Mảnh trăng trên vể theo làn trào lên
滉漾隨波千萬里。
Diễm diễm tùy ba thiên vạn lý,
何處春江照月明。
Hà xứ xuân-giang vô nguyệt minh,
江流宛轉繞芳甸。
Giang lưu uyển-chuyển nhiều phương
月照花林皆似霰。[diện,
Nguyệt chiếu hoa lâm dai như tản.
Ngìn muôn dặm láng trên mặt sông,
Chốn xuân-giang chung bóng trắng
trong;

Cối thơm, sóng lượn quanh vòng,
Vẻ bay như rặng, trang lồng màu hoa.
空裏流霜不覺飛。
Không lý lưu sương bất giác phi,
汀上白沙看不見。
Đình thượng bạch sa khan bất kiến,
江天一色無纖塵。
Giang thiên nhất sắc vô tiêm trần,
皓皓空中孤月輪。
Hiệu hiệu không trung cô nguyệt luân.
Trong không uo sương sa nào biết,
Trên bãi kia mờ hết cát phau;
Lặng trông trời nước một màu,
Mọi vòng trăng dải lâu lâu trên không.
江畔何人初見月。
Giang bần hà nhân sơ kiến nguyệt,
江月何年初照人。
Giang nguyệt hà niên sơ chiếu nhân,

人生代代無窮已。
Nhân sinh đại đại vô cùng dĩ,
江月年年望相似。
Giang nguyệt niên niên vọng tương tự.
Thấy trăng trước, bèn sông ai đó?
Trăng soi ta từ thuở năm nao?
Đời người lâu trải xiết bao,
Trông trăng nào có năm nào năm sai.
不知江月照何人。
Bất tri giang nguyệt chiếu hà nhân,
但見江流逐流水。
Đãn kiến tràng giang tống lưu thủy,
白雲一片去悠悠。
Bạch vân nhất phiến khứ du du,
青楓江上秋正愁。
Thanh phong giang thượng bất thắng sầu.

Trăng sông ấy soi ai chẳng biết,
Chỉ thấy sông nước xiết chảy xuôi;
Đám mây lững-dững trên trời,
Cây phong xanh, luống ngậm-ngùi hèn
sông.

誰家今夜扁舟子。
Thùy gia kim dạ biên chu tử,
何處相思明月樓。
Hà xứ tương tư minh nguyệt lâu,
可憐樓上月徘徊。
Khả liên lâu thượng nguyệt bồi hồi,
應照離人妝鏡臺。
Ưng chiếu ly nhân trang kính đài.
Nhà ai kẻ đêm giòng thuyền nhỏ,
Chốn nào lâu, trăng tỏ tương-tư?
Trăng lâu lấp-lánh thêm ưa.
Đài gương ai đó những chờ trăng soi.
玉戶簾中捲不去。
Ngọc hộ liềm trung quyên bất khứ,
搗衣砧上拂還來。
Đảo y chám thượng phất hoàn lai,
此時相見不相聞。
Thử thời tương vọng bất tương văn,

願逐月華流照君。
 Nguyên trục nguyệt hoa lưu chiếu quân.
 Trong rèm ngọc cuốn rồi vẫn thấy,
 Trên đá chàm lau hãy còn in ;
 Trông nhau mà khó lảng tin,
 Muốn theo trăng ấy theo bên mình
 chàng.

鴻雁長飛光不度。
 Hồng nhạn tràng phi quang bất độ,
 魚龍潛躍水成文。
 Ngư long tiềm dục thủy thành văn,
 昨夜閒潭夢落花。
 Tạc dạ nhàn đàm mộng lạc hoa
 可憐春半不還家。
 Khả liên xuân bán bất hoàn gia.

Hồng nhạn bay ngang càng rọi ;
 Vẽ ngư-long sóng lượn hiện ra ;
 Mộng xưa đầm nọ rơi hoa,
 Nửa xuân hậu nổi nhà xa chưa về.

江水流春去欲盡
 Giang thủy lưu xuân khứ dục tận,
 江潭落月復成斜
 Giang đàm lạc nguyệt phục tây tà,
 斜月沉沉藏海霧
 Tà nguyệt trầm trầm tàng hải vụ,
 碣石臨湘無限時
 Kiệt thạch Tiều Tương vô hạn thời

Đưa xuân vội ve-ve nước chảy,
 Trăng mặt đầm lại thấy xế tây ;
 Trăng tà mù bề che dầy,
 Tiều, Tương, Kiệt-thạch lối này bao-la.

不知乘月幾人歸
 Bất tri thừa nguyệt kỷ nhân qui,
 落月搖情滿江樹
 Lạc nguyệt搖 tình mãn giang thụ.
 Nương bóng nguyệt về nhà mấy kẻ,
 Nào vì cây, nguyệt xế bên sông ;

Vẫn-chương nhớ thợ hoa-công.
 Mấy câu ngâm vịnh giải lòng cho ai
 (Đôi câu cuối)

Bài ngâm «Bà-tửu văn-nguyệt»

(Nguyên-văn của Lý-Sạch đời Đường)

青天月几來幾時
 Thanh thiên hữu nguyệt lai kỷ thì,

我今停杯一問之
 Ngã kim đình bôi nhất vấn chi,
 人攀明月不可得
 Nhân phan minh nguyệt bất khả đắc,
 月行却與人相隨
 Nguyệt hành khước dữ nhân tương tùy.

Trăng kia lên đã bao lâu,
 Dừng tay chén cạn một câu đôi-hỏi ;
 Với trăng không thể tới nơi,
 Nhỏn-nhờ trăng cứ theo người trăng đi.
 皓如飛鏡臨丹闕
 Hiệu như phi kính lâm đan khuyết,
 綠煙滅盡清輝發
 Lục yên diệt tận thanh huy phát,
 但見宵從海上來
 Đãn kiến tiều tòng hải thượng lai,
 寧知曉向人間沒
 Ninh tri hiếu hướng nhân gian một.

Gương treo đan-khuyết khác chi,
 Khói xanh tan hết là khi sáng lờ ;
 Thấy đêm lên từ bể kia,
 Nào hay cái bóng gương che ban ngày.

玉兔攜藥秋度春
 Ngọc thỏ hảo dược thu phục xuân,
 姮娥孤懷與誰隣
 Hằng-nga cô hoài dữ thùy lân,
 今人不見古時月
 Kim nhân bất kiến cổ thời nguyệt,
 今月曾經照古人
 Kim nguyệt từng kinh chiếu cổ-nhân.

Xuân-thu thỏ luyện thuốc này,
 Ngã-n ân lặng-lẽ ai tây Hằng-nga ;
 Người nay ai thấy trăng xưa,
 Người xưa từng bóng trăng giờ soi thấu.
 古人今人若流水
 Cổ-nhân kim-nhân nhưc lưu-thủy,
 共看明月皆如此
 Cộng khan minh nguyệt giai như thử,
 惟願當歡對酒時
 Duy nguyện đương ca đối tửu thì,
 月光長照金樽裏
 Nguyệt quang tràng chiếu kim tôn lự.

Người đời như nước chảy mau,
 Xem vầng trăng vẫn in nhau đó mà ;
 Những mong chúc rượu nghe ca,
 Chén vàng này bóng Hằng-nga soi hoai.

Bài « cách-ngôn trị-gia »

(Nguyên-văn của Chu Bách-Lư)

黎明即起。灑掃庭除。要內外整潔。
Lê minh tức khởi, sái tảo đình-trừ.
yếu nội ngoại chỉnh-khiết,

Trị-gia này có cách-ngôn,
Thầy Chu lời dạy ôn-tồn hân-hoi;

(Dối câu đầu)

Trời chưa sáng đã dậy rồi,
Chăm-chăm rầy quét mọi nơi sâu hê.
既昏便息。關鎖門戶。必身自檢點。
Kỷ hôn tiện tức, quan tỏa môn hộ
tất thân tự kiểm-diểm.

Đêm thời nghỉ chờ thức khuya,
Trông nom cửu ngỗ thường lỗ khóa then,
一粥一飯。當思來處不易。
Nhất chúc nhất phạn, đương tư lai
xứ bất dị;
半絲半縷。恆念物力維艱。
Bán ti bán lữ, hằng niệm vật lực
duy gian.

Bữa thường ngẫm tự dân nên,
Tiệc từng mủn sợi chờ quên giữ-gìn.
宜未雨而綢繆,
Nghĩ vị vũ như trù mầu,
毋臨渴而掘井。
Vô lâm khát nhi quật tỉnh.

Chưa mưa, buộc tổ cho bền,
Giếng đào chờ đợi đến phen khát-cưỡng.
自奉必須儉約。
Tự phụng tất tu kiệm-trúc.
宴客切勿流連。
Yến khách thiết vật lưu-liên.

Chắt-chiu ăn-mặc: lối thường;
Chờ hề yến-tiệc hoang-toàng ngày đêm.
器具質而潔。瓦缶勝金玉。
Khí - cụ chất nhi khiết, ngõa bẫu
thắng kim ngọc,

飲食約而精。園蔬愈珍饈。
Âm-thực ước nhi tinh, viên sơ dĩ
trân tu.

Hồ dùng vàng ngọc lọ thêm,
Rau ăn khôn chuộng chả nem mọi đồ.
勿營華屋。勿謀良田。
Vật doanh hoa ốc, vật mưu lương điền.

Ở thường chẳng chuộng nhà to,
Chớ hề ruộng tốt muốn mua cho nhiều.
三姑六婆。實淫盜之媒。
Tam cô lục bà, thực dâm-dạo chi môi,
婢美妾嬌。非閨房之禍。
Tì mĩ thiếp kiều, phi khuê-phòng chi
phúc.

Chớ nên cô mụ dập-dìu,
Hầu sang thiếp đẹp há điều đáng khen.

奴僕勿用俊美。
Nô bộc vật dụng tuấn-mĩ,
妻妾切忌艷妝。
Thê-thiếp thiết kị diễm-trang.

Tôi đòi tốt bộ sao nên,
Vợ hầu trang-diễm chờ quên thói mà.

祖宗雖遠。祭祀不可不誠。
Tổ tôn tuy viễn, lễ-tự bất khả bất
thành,
子孫雖愚。經書不可不讀。
Tử tôn tuy ngu, kinh thư bất khả
bất đọc.

Kính thờ từ tổ đã xa,
Học-hành con cháu ai là đề ngu.

居身務期儉樸。
Cư thân vụ kỳ kiệm-phác.
教子要有義方。
Giáo tử yếu hữu nghĩa-phương.

Giữ mình kiệm-phác làm đầu,
Dạy con cốt phải theo vào nghĩa-phương.

勿貪意外之財。
Vật tham ý ngoại chi tài,
勿飲過量之酒。
Vật ẩm quá lượng-chi tửu.

Của phi-nghĩa chớ vợ quàng,
Rượu dùng uống quá mực thường nên
say.

與肩挑貨易。毋佔便宜。
Dữ kiến khiêu mậu dịch, vô chiếm
tiện-nghĩ,
見貧苦親隣。須多溫卹。
Kiến bần khổ thân lân, lu đa ôn tuất.

Bán mua sắc cạnh bớt tay,
Bà con cùng-khổn chớ thầy kẻ người.
刻薄成家。理無久享。
Khắc-bác thành gia, lý vô cửu hưởng,
倫常乖舛。立見消亡。
Luân thường quai xuyễn, lập kiến
tiêu vong.

Của khắc-bác được bao hơi,
Đạo thường sai lỗi nào trời để chi.
兄弟叔姪。類分多調寡。
Huynh - đệ thúc - đệ, tu phân đa
nhuận quả,
長幼內外。宜法肅辭嚴。
Trường-ấu nội ngoại, nghi pháp túc
từ nghiêm.

Anh em chú cháu giúp vì,
Trong ngoài trên dưới phép thì giữ
nghiêm.
聽婦言。乖骨肉。豈是丈夫。
Thính phụ ngôn, quai cốt nhục, khởi
thị trượng-phu,
重資財。薄父母。不成入子。
Trọng tư tài, bạc phụ mẫu, bất thành
nhân-tử.

Chớ nghe vợ bỏ anh em,
Chớ riêng tích của bỏ niềm phụng-thân.
嫁女擇佳婿。毋索重聘。
Giả nữ trạch giai tử, vô sách trọng
sinh,
娶媳求淑女。勿計厚奩。
Thú tức cầu thực-nữ, vật kế hậu liêm.
Rề hiền giả, của không cần,
Dân ngoan thời lấy, gác phần vốn to.

見富貴而生諂容者最可恥。
Kiến phú-quí nhi sinh siểm-dung
giả tối khả sỉ.
遇貧窮而作驕態者賤莫甚。
Ngộ bần cùng nhi tác kiêu thái giả,
tiện mạc thậm.

Nịnh giàu sang, rất thẹn-thò,
Khinh người nghèo khó, kể cho là hèn.
屠家戒爭訟。訟則終凶。
Cư gia giới tranh tụng, tụng tắc
chung hung,
處世戒多言。言多必失。
Xử thế giới đa ngôn, ngôn đa tất thất.
Kiện tranh nào có ai khen,
Lầm lời nhiều lỗi thêm phiền tư-lương.
毋恃勞力而凌逼孤寡。
Vô thị thế-lực nhi lăng bức cô-quả,
毋貪口腹而恣殺生禽。
Vô tham khẩu-phúc nhi tứ sát sinh-
cầm.

Chớ cậy thế lấn người thường,
Chớ tham khẩu-phúc chẳng thương
sinh-cầm.

乖僻自是。悔悞必多。
Quai tích tự thị, hối ngộ tất đa.
諂媚自甘。家道難成。
Hiểm nọ tự cam, gia đạo nan thành.
Trái ngang lắm sự sai lầm,
Biếng lười dẫu có còn nhảm thành-gia.
狎昵惡少。久必受其累。
Hiệp nặc ác-thiếu, cửu tất thụ kỳ lụy,
屈志老成。急則可相依。
Khuyết chí lão thành, cấp tắc khả
tương y.

Gần trẻ bợm lụy không xa,
Kính người già cả sau ra được nhờ.
輕聽發言。安知非人
之譖。當忍耐三思。
Khinh thính phát ngôn, an tri phi
nhân chi trảm-lố, đương nhẫn-nại
tam tư,

因事相爭。安知非我
之不善。當平心暗想。

Nhân sự tương tranh, an tri phi ngã
chí bất thiện, đương bình tâm ám
tưởng.

Nghe người nói phải biết ngờ,
Việc tranh phải biết ngần-ngờ lòng
mình.

施惠勿念受恩莫忘。
Thi huệ vật niệm, thụ ân mạc vong.

Làm ơn rồi chớ dính-ninh,
Chịu ơn người phải tắc-thành ghi sâu.
凡事當留餘地。

Phàm sự đương lưu dư-địa,
得意不宜再往。

Đắc ý bất nghị tái vãng.

Việc làm đề rộng về sau,
Gặp cơn đắc-ý d^ĩ dẫu lại hường.

人有喜慶不可生妒忌心。
Nhân hữu hỉ-khánh, bất khả sinh
đố kỵ tâm,

人有禍患不可生嘉幸心。
Nhân hữu họa-hoạn, bất khả sinh
hỉ-hạnh tâm.

Thấy người khá chớ ghen tuông,
Thấy người tai-nạn phải thương chớ
mừng.

善欲人見。不是真善。
Thiện dục nhân kiến, bất thị chân
thiện,

惡恐人知。便是大惡。
Ác khủng nhân tri, tiển thị đại ác.

Phô-phang thiện, có thiện chăng?...
Ác mà giấu-giếm, ác bằng chừng bao!

見色而起淫心。報在妻女。

Kiến sắc nhi khởi dâm-tâm, báo tại
thê-nữ,

恩怨而用暗箭。禍延子孫。
Nặc oán nhi dụng ám-liễn, họa diên
tử-tôn.

Nợ dâm trả vợ con vào,
Đám người giấu mũi hại bao nhiêu đời.

家門和順。雖饑殍不繼。亦有餘歡。
Gia môn hòa-thuận, tuy ung sôn bất
kế, diệc hữu dư hoan.

國課早完。即囊橐無餘。自得至樂。
Quốc khóa tảo hoàn, tức nang-thác
vô dư, tự đắc chí lạc.

Thuận-hòa nhà từng riêng vui,
Thuế vua đóng đủ khá người sự nghèo.

讀書志在盡賢。
Độc thư chí tại thánh-hiền,

爲官心存君國。
Vi quan tâm tồn quân quốc.

Sách hiền kinh thánh chăm theo,
Thờ vua yên nước ấy điều làm quan.

中分安命。順時聽天。
爲人若此。庶乎近焉。

Trung phân an mệnh, thuận thời
thính thiên; vi nhân nhược thử, thứ
hồ cận yển.

Chữ thời chữ mệnh thuận-an,
Làm người như thế sẽ bàn được nên.

Ai ơi! nhờ lấy chớ quên,
Phải đem lời dạy tiên-hiền ngẫm suy.

(Đôi câu cuối)

TÙNG-VÂN dịch



VĂN MỚI CỦA NGƯỜI TÀU



Nước Tàu từ năm 1917 đến nay, có bọn Hồ-Thích 胡適 đề xướng ra cuộc vận-dộng về tân-văn-học, rồi mà cái chủ-nghĩa cải-tạo văn-học của Hồ-Thích được tân-thiếu-niên Tàu hoan-ngênh. Tới nay nó đã như nước bề từ nguồn, biến đi hóa lại vô-cùng-tận, như vườn xuân hoa mới, màu này vẻ khác mĩ-miền vui! Cái cốt-yếu việc cải-tạo văn-học ấy như thế nào? Theo một bài tường-thuyết của giáo-sư Trần Cổ-Chi 陳顧芝 hiện giữ chức giảng-tịch ở trường Pháp-Hoa Đại-học ở Bắc-bình đang ở Trung-quốc Quốc-dân-tập (*La Revue Nationale Chinoise*) ra ngày 14 Juillet 1934 vừa rồi, tân-thanh-niên và tân-học-giả nước ta cũng có thể biết tường cái chân-tướng về cuộc vận-dộng cải-tạo rất quan-hệ cho văn-học và cho cả xã-hội Tàu ngày nay, phong-trào đó có nhiều vẻ đáng đề cho ta bắt-chước.

Trước khi bài tuyên-bố về tân-văn-học của Hồ-Thích 胡適 và Trần Độc-Tú 陳獨秀 đăng ra tạp-chí Tân-thanh-niên 新青年 năm 1917, đã có nhiều những tay trừ-thuật lập-ngôn Tàu nghĩ đến sự cần cải-cách văn-học. Họ cũng biết rằng chữ Tàu là một thứ chữ khó lòng dùng vào việc phổ-cập giáo-dục cho dân-chúng. Lại đến vấn-đề văn-học thời họ cũng đã biết rằng theo nền-nếp lễ lối xưa thì rằng hay xấu thật là hay, nhưng bất-quá văn-chương Tàu chỉ đề cho một số ít người hiểu biết mà thôi, không có một chút liên-lạc mật-thiết với đại-đa-số

binh-dân. Bởi thế cho nên họ muốn rằng những văn-chương sách vở của họ trừ-thuật ra sẽ có một số lớn dân-chúng hiểu-biết tới, mong thu lấy cái kết-quả có lợi ích nhiều hơn cho dân nước, vậy tất phải nhờ vào một thứ văn-tự ít điển-cổ mà dễ phổ-cập. Cái xu-hướng này thuần-nhiên là cái xu-hướng thực-hành. Từ năm 1917 mà đi, cái lý-thuyết về tân-văn-học đổi sang mặt khác. Những nhà khởi-xướng lên ai cũng thâm-nhiệm một ý-tưởng: nước Tàu cần phải một thứ văn học không phải khác lối văn-học cổ điển và quý-phái, phải có một lối văn-học diễn-tả bằng tiếng bạch-thoại hằng ngày người dân Tàu dùng để nói chuyện với nhau. Cái thuyết này cũng là quá bạo, nên lúc mới ra đời cũng có một vài lời phản-đối, song chẳng mấy lúc được ngay đại-đa-số quốc-dân hoan-ngênh, mà từ đấy đến ngày nay cứ càng ngày càng bành-trướng rộng rãi ra.

Nói theo một cái thể-cách chung, ta có thể giải-thích rằng: văn-học mới là văn-học dùng để suy-diễn tư-tưởng và cảm-tình người ở đời này ra lời bạch-thoại của dân-chúng nói hằng ngày, mục đích cho mọi người trong quốc-dân ai ai cũng đều có thể hiểu biết trực-tiếp được ngay. Rõ hơn nữa, có thể nói rằng cái văn-học mới này là cái văn-học như câu nói chuyện với nhau và lại là cái văn-học của dân-chúng. Cái văn-học theo lời nói chuyện ngày thường nó có cái ý-nghĩa phản-đối với

cái văn-học dùng lời cổ-diễn, lời văn-chương thuở xưa, có thể gọi là một cái văn-học « tự-tạo » ra, chứ không được « tự-nhiên ». Cái văn-học này là của dân-chúng, nghĩa là những đầu-đề nó không có hạn-chế ở trong một cái khu-vực chật-hẹp như cái văn-học đời xưa. Không đợi đến năm 1917, đã có biết bao các nhà trừ-thu, các nhà văn-sĩ đã dùng lối bạch-thoại viết ra các tiểu-thuyết rồi. Song-le, trước không ai để ý đến áng văn đó mà thôi. Vậy cái phong-trào tân-văn-học này nào có phải là mới-mẻ gì đâu, bất-quá chỉ là người ta đem một áng văn có sẵn đặt nó lên một trình-độ cao, lặt bỏ cho nó một cái giá-trị mới, hợp với cái trình-độ tiến-hóa mà thôi.

Do những cái nguyên-nhân gì ở thời-đại này lại có một cuộc cải-tạo như vậy? Trước hết tại văn Tàu càng ngày xem ra càng trụy-lạc, tất cần phải có một cuộc canh-tân. Sau cũng bởi cái văn-minh Tây-phương thấm-nhập vào nước Tàu, làm cho văn-học Tàu điên-đảo đảo-diễn khắp mọi phương-diện. Cái nguyên-nhân này mới là một cái chủ-yếu nguyên-nhân: Những nhà văn-học tân-thời bị nhiều ảnh-hưởng ngoài vào và lại ai cũng phản-đối với những cái tở-truyền (ta quen gọi là quốc-tử).

Ảnh-hưởng ngoại-quốc trong văn-học mới.— Trong cuộc vận-động tân-văn-học này thời những người truyền-bá tư-tưởng mới hay là những kẻ ưng-thuận theo những tư-tưởng mới ấy, hầu hết là những người đã đi ra ngoại-quốc về, là những người đã có hấp-thụ cái tri-thức về văn-hóa nước ngoài. Vậy cho nên những cái tác-phẩm của họ, dù nói tinh-thần hay bình-thức, đều có « cái dấu-hiệu Tây-phương ». Không những sách dịch thì họ cố tìm

cách bóc-lột sao cho giống như hệt với lối văn nguyên-bản, mà ngay trong những thiên tự-tác của họ, họ cũng dùng những thành-ngữ ngoại-quốc vào. Cái khuynh-hướng này kể ra chưa hoàn-toàn là một cái quang-cảnh tồi, bởi vì dân-chúng có hiểu biết đầu những lối « thổ-từ » vốn không phải là của văn Tàu ra. Ta coi đó sẽ thấy cái nhược-diểm đáng chú-ý: bọn văn-sĩ kia muốn có một cái văn-hóa phổ-thông cho dân-chúng mà té ra tới một cái hiệu-quả trái lại. Song-le nếu đứng sang một phương-diện khác, thì cái lối nói Tây-ngữ ấy lại có ích-lợi lắm, lại cần-yếu nữa. Bởi cái lối nói theo Tây-ngữ ấy mà làm cho chữ Tàu ngày thêm phong-phú hơn; nhờ có cái lối nói ấy mà dịch-thuật nổi được những tư-tưởng mới ở thời-đại này. Do cái học văn ngoại-quốc mà các nhà văn-sĩ Tàu có được những quan-niệm mới. Ví-dụ như những nhà văn-nho xưa có một cách khinh-thường coi rẻ tiểu-thuyết và kịch-bản; bây giờ người ta trái lại, không có thể nào khinh như vậy được. Cũng trong lúc này các nhà văn-sĩ Tàu đã thấm-thái được nhiều lối văn-chương mới mà vốn văn Tàu xưa kia không có, nhất là những lối thơ từ. Các nhà thi-sĩ từ-sĩ Tàu ngày nay đã làm ra lắm lối thơ mới, từ-diệu mới, khiến cho người đọc người xem lấy làm khoái-trá. Văn-học mới đã làm cho cái « vũ-trụ văn-chương » Tàu ngày một rộng-rãi thêm như thế đó. Trong làng văn mới bên Tàu, ai cũng có một tấm lòng mong làm cho nung-đúc những cái văn-minh khác vào trong văn-hóa Tàu, cho càng ngày văn-hóa này càng hợp với vũ-trụ và hợp với nhân-loại hơn.

Văn hay rằng công-cuộc đó tất phải nhiều thời-giờ thì mới có hiệu-quả, vì

việc ấy vừa khó-khăn lại vừa lớn-lao. Không thể nào trong một khoảng thời-gian có hạn mà người Tàu đã có thể và hấp-thụ được ngay những cái ảnh-hưởng về văn-hóa ngoại-quốc, bởi vì rằng trong lúc khởi đầu những việc canh-lân gì thì cũng có lẫn-lộn vào những điều quá-dáng, sau sẽ sửa dần. Lễ (tất-nhiên có một cuộc phảo-dộng lại rất mạnh đối-phó với điều quá-dáng. Trong cái thời kỳ dự-định, cái văn-học vốn xưa đã có vẫn được tôn-sùng, và tôn-sùng là phải, ai cũng phải công-nhận là áng văn-học cổ-diễn ấy có đại-giá-trị. Song muốn dung-hóa một cách sâu-xa những tư-tưởng mới vào nước Tàu, để cho có ngày trong nước họ thực-biện được ra một cái văn-hóa mới-mẻ mà họ phải cố-gắng làm cho đầy-đủ, thì áng văn cũ kia tuy vẫn qui, nhưng áng văn mới cũng phải cần.

Hơn 15 năm nay, dù những tác-phẩm (œuvres) có giá-trị có ảnh-hưởng và bền-lâu, ngày một hiếm, nhưng kết-quả không phải là không xứng-đáng với chủ-ý của người Tàu. Ví dụ như, theo mệnh-lệnh của bộ Học-vụ, thì cái tiếng bạch-thoại (nói chuyện) có quyền được đem ra dạy học; số người dân biết đọc sách biết viết chữ trong binh-dân ngày một nhiều thêm ra. Cái tiến-bộ lớn-lao ấy, những người khởi-xướng ra có thể thỏa lòng được.

Kết-quả cuộc vận-dộng về tân-văn-học của Tàu, chúng tôi sẽ xin thuật qua chia ra từng mục, chúng tôi không thể tả một cách tường-lập được, chỉ pho-bày đại-khái, song cũng đủ làm gương cho ta. Những kết-quả ở tân-văn (prose) về tiểu-thuyết và luận-bình rõ-ràng hơn những cái kết-quả trong thơ-từ và kịch-bản. Có lẽ cái tiếng nói dùng trong thơ từ là khó, nên

những tác-phẩm về thơ từ còn chậm nở hoa rực-rỡ.

Đoạn trên là nói về tính-cách chung của áng văn mới nước Tàu ngày nay. Đoạn này nói riêng về mấy lối thơ, từ-diệu và văn xuôi trong áng văn ấy.

Nói đến thơ mới của Tàu, tất không thể chẳng nói đến cuốn « Trường thí-thư » lấy dịch là (*Livre de l'essai continué*) của Hồ-Thích 胡適. Cái tên sách ấy có ý-nghĩa lắm: Nó làm cho ta hiểu ngay nội-dung sách đó. Những thơ từ của Hồ-Thích, Hồ vẫn tự-xưng là ở trong phạm-vi thí-ughiệm, chẳng bao giờ dám tự cho là đạt được đến cái kết-quả đã sở-ước. Tác-giả làm một bài khai-mạc rất dài ở đầu cuốn sách ấy đề tự kể cái lịch-sử cái cuộc tiến-hóa dần-dần từng bậc trong những quan-niệm của tác-giả đối với thơ từ. Cái công của Hồ thực ra ở chỗ lý-luận đó, vì Hồ là một nhà làm thơ có lẽ cũng tầm-thường thôi. Hồ nối theo quyề « Trường thí-thư », còn nhiều những tập xuất-bản nữa ra đời. Nếu muốn giải-thích đủ những thứ sách ấy thời ra ngoài phạm-vi bài luận-thuyết, vậy chỉ kể ra những tác-giả nhiều người đã biết danh và kể một cách rất giản-lược thôi. Trước hết phải nói đến nhà thi-sĩ đáng thương tiếc, đã bị chết trong một cái nạn tàu bay, nhà thi-sĩ đáng yêu và rất có tình là Từ Chi-Ma 徐志摩. Tiên-sinh trước học ở bên Anh-cát-lợi, sớm đã làm ra thơ từ, nay kiếm được ra tất cả chừng bốn năm tập thơ-từ của tiên-sinh; báo Tàu khen rằng thơ kia cảm được người ta cũng như là cái vẻ người của tiên-sinh vậy.

Rất nhiều bạn trẻ cảm về cái cách-diệu phong-nhã của tác giả, vì yêu tác-giả, họ bắt chước tác-giả. Thơ từ của Từ Chi-Ma thật là diễm-lệ, có một cái đặc-tính riêng. Bắt đầu làm những

bài thơ tự-do, rồi tiên-sinh buộc mình vào khuôn-phép. Tiên-sinh muốn thái-thái cái khuôn-mẫu làm thơ của Tây-phương vào trong lối văn văn Tàu, tiên-sinh có thể có một cái tương-lai mỹ-mãn ; nếu chẳng xảy ra cái nạn khiến cho tiên-sinh còn trẻ đã quyên-trần.

Một nhà thi-sĩ nữa, Quách Mạt-Nhược 郭沫若 đã có một cái ảnh-hưởng cũng vĩ-dại. Đã học qua y-học ở Nhật, nhưng mê văn-chương, tiên-sinh trở nên một người bạn với các « cô Thần-thơ » (*Les muses*). Do sự dịch những tác-phẩm của GÆRNE, đem thái-thái cái áng văn nhà đại thi-sĩ ấy vào trong nước Tàu, tiên-sinh đã cho bạn trẻ một cái cảm-dộng sâu-xa. Tiên-sinh có lập ra một hội nhà văn, có cơ-quan của hội là tạp-chí « Sáng-tác » (*La création*). Trong tạp-chí ấy tiên-sinh đã ấn-bản nhiều những bài thơ ca của tiên-sinh làm, sau có thu góp xuất-bản thành tập. Theo thể-tài thơ Tây, tác-giả làm ra những bài thơ ca tán-dương những cái lữ-truyền cũ và kể lại những tích hoang-đường (*légendes*) của nước Tàu xưa, tô-diêm vào một cái cảm-tình nhiệt-thành làm tinh-cách mới khác xưa.

Cái mãnh-lực và cái « nhiệt-độ » của lời thơ giọng ca tiên-sinh cũng đã làm một cái sức mạnh cây thành ra cuộc đắc-thắng của tiên-sinh. Tiên-sinh có ghé vai một phần vào cuộc đời chính-trị, rồi tiên-sinh viết ít thơ-từ lắm. Bây giờ, sinh hoạt ở Nhật-bản, tiên-sinh dể mình vào khoa-học, xã-hội-học và nghiên-cứu cổ-diễn, không làm thi-sĩ nữa, song cũng thành ra một nhà bác-học và một bậc triết-nhân.

Vậy chúng ta có thể xếp những nhà thi-sĩ làm hai hạng : những người tô-giải cảm-tình bằng một giọng văn

trang-nhã và não-nuột thời xếp về phái Từ Chi-Ma ; trái lại, bọn người nào chủ-trọng về phần tư-tưởng, tuy bề hình-thức cũng vẫn trang-nhã, thời dể vào phái Quách Mạt-Nhược. Hai phái đều thấy sự khuyết-diêm của lối « thơ tự-do », cho nên dần-dần tìm ra một cái hình-thức khuôn mẫu mới.

Thế là những học-sinh đi du-học đã đem các chủ-nghĩa và lẽ lối ngoại-quốc mà bắt chước làm thơ nước mình. Ảnh-hưởng văn-học Pháp, những nhà thi-sĩ như BAUDELAIRE, VERLAINE có rất nhiều người Trung-Hoa muốn bắt chước ; lối *sonnet* đem ra làm một lối thơ Tàu.

Song rút lại cũng vẫn còn là bắt-chước một cách hỗn-độn ; trừ Hồ Thích là người có ý đặt ra một phương-pháp, còn đều là bắt-chước lòng-bong.

Các nhà làm thơ mới ở nước An-Nam ta ngày nay coi đó hoặc có cảm-tưởng gì chăng ?

..

Nói đến tản-văn, lối liễn-thuyết ở Tàu ngày nay thịnh-hành nhất. Càng ngày càng nhiều, nhiều thứ liễn-thuyết văn hay chuyện hay, nhiều tác-giả ; ta chỉ nên kể những tên nào lừng-lẫy nhiều người biết hơn. Các báo Tàu hay dẫn tên Lỗ-Tấn 魯迅. Cuộc đắc-thắng của cuốn « Đời Ahy », do ở chỗ thiếu-niên Tàu tán-thưởng, lại được nhiều nước dịch ra nhiều thứ tiếng ngoại-quốc. Lỗ-Tấn có viết cả đoản-thiên, viết ra không nhiều, nhưng có một cái ảnh-hưởng lớn. Đó là bởi cái cách tả-thực của tác-giả khéo về tinh-thần lại còn chăm-chút nghiêm-nhặt về hình-thức văn-chương nữa. Tác-giả ưa lối trào-phúng, ưa bình-phẩm, lại ưa trách-phạt đời, nhiều khi ngồi bút không còn kiêng nể chi cả. Tác-giả ưa

cái triết-học của NIETZSCHE, nhuộm thêm màu yếm-thế. Lỗ-Tấn tiên-sinh rất yêu văn-chương Nga-la-tư, tiên-sinh đã dịch ra chữ Hán nhiều tiểu-thuyết Nga và lại phụ những lời bình-luận. Tiên-sinh là một nhà phê-bình có giá-trị, đã viết nhiều bài phê-bình. Mấy năm gần đây tiên-sinh dần-dà chú-trọng vào những áng văn phê-bình hơn hết.

Lối tiểu-thuyết tự-thuật: có nhiều tác-giả trong thời-đại giải-phóng, lẽ cố-nhiên, người ta ai cũng thích nói một ít chuyện thân-thể của mình, và lối tiểu-thuyết ấy dễ viết, song viết cho hay rất là khó. Úc Đạt-Phu 郁達夫 tiên-sinh đã có một hồi chiêm được chút thịnh-danh về lối ấy. Muốn tỏ cho ta biết những sự lỗi lầm của mình, tác-giả đã cả gan nói thật chuyện thân-thể và một vài lý-tưởng thái-quá bởi cái chủ-nghĩa cảm-tình quá siêu-việt.

Lại còn nhiều thứ tiểu-thuyết viết lối nhật-ký và lối thư-tín vãng-lai, tác-giả cũng lắm tay có tài.

Một bọn làm tiểu-thuyết khác, lấy những cái kỷ-ức về lúc còn bé hay khi đi học để làm chủ-đề cho những sách mình; ta nên kể Diệp Thiệu-Quán 葉紹鈞, một tay đại-biểu tốt của phái ấy. Những đoản-thiên của tác-giả đó tươi-tinh mà tỷ-mỷ, lại có nhiều tiểu-thuyết và đoản-thiên tả về vấn-đề hôn-thú, tác-giả giải-thuyết những nguyên-nhân chia rẽ gia-đình: hủ-tục quá mà khiến cho có những cảnh-huống đáng cho người ta yêu-cầu tự-do kết-hợp. Theo tinh-thần khác, mà dùng lối văn trào-phúng thì có những sách tả về cuộc sinh-hoạt hằng ngày của bọn trí-thức hay bọn binh-dân. Thầm Tông-Văn 沈從文 tiên-

sinh là một tấm gương tốt trong bọn làm sách vậy. Vì những bài văn hoạt-kê, tiên-sinh đã hóa ra một nhân-vật nhiều người biết tiếng ở Tàu. Những tiểu-thuyết của Lão-Xá 老舍 tiên-sinh thời phác-họa từng hạng người ở trong khu-vực từng nghề-nghiệp sinh-nhai và từng nơi ăn chốn ở riêng của họ. Tác-giả dùng một cách khéo-léo những tiếng thổ-âm (*le dialecte*) trong văn mình khiến người ta nhận rõ ra được cái vẻ đặc-biệt tỉnh Sơn-đông. Những tiểu-thuyết ấy thuộc về loài « tiểu-thuyết địa-phương ».

Cái khuynh-hướng chung và hiện-thời của tiểu-thuyết là bỏ lý-tưởng chủ-nghĩa của cá-nhân đi, không phục lối ich-kỷ chật-hẹp, mà xu-hướng về cái sự thực hiện-nhiên, tức là « tả-chân chủ-nghĩa ». Cuộc kinh-tế khủng-hoảng cả thế-giới và nông-nôï nội-chiến trong nước đã gây nên một cái ảnh-hưởng đặc-biệt cho cả xã-hội Tàu. Dân-chúng xô-nhau tụ-tập cả vào ở những nơi phố lớn thành to, chán-nản không ở nhà quê. Lấy những cái biệntrạng ấy làm chủ-đề, người ta phác-họa ra cuộc vận-động thợ-thuyền, tả nỗi thống-khổ của dân quê; nhiều tác-giả, lấy những pho tiểu-thuyết, họ truyền-bá những tư-tưởng xã-hội; do thế phát-sinh ra cái lối « văn-chương lao-động ». Xét nội-dung thời những tiểu-thuyết-gia ấy thật không chịu xét sự thực đến tận nơi tận chốn lại thường đem cái ý riêng của mình xen vào trong bài tả-cảnh nữa. Trong cái thời-ký quá-độ này, nhà tiểu-thuyết rất có danh nhiều người biết là Mao-Thuân 茅盾 tiên-sinh. Cái thân-thể của tác-giả cũng nhiều cảnh ba-đạo, lại thêm có xen vào cái đời chính-trị, trước mắt tác-giả, tương-lai có lẽ rồi còn rục-rỡ. Những tiểu-thuyết của Ba-

Kim 巴 金 tiên-sinh lại lộ một cái tinh-thần khác, thật riêng một lối. Tác-giả còn trẻ tuổi, song tác-phẩm sản-xuất ra đã được nhiều rồi, người ta đã có thể nói « sách của tiên-sinh trời lên hơn cái tuổi trời của tiên-sinh ». Tác-giả không những phác-họa ý-tưởng cao-thượng và những cái lịch-lãm của mình, song cũng miêu-tả cả cái đời thuyề-thợ và cuộc sống-còn của bọn binh-dân ở vùng thôn-đ. Đối với bọn dân-hèn, tác giả rất được cảm-tình, vì có những cái ý-tưởng phản-đối chính-phủ Tàu.

Những bạn gái nổi danh về tiểu-thuyết thời cũng có, song không là mấy, đại-khái như Đinh-Linh 丁玲 nữ-sĩ và Lu-Ann 廬隱 nữ-sĩ. Đinh-Linh 丁玲 nữ-sĩ và nhiều người nữa. Đinh-Linh nữ-sĩ, một nhà nữ-tiểu-thuyết-gia nổi tiếng hơn cả trong bạn phụ-nữ bây giờ, tỏ tài ra với công chúng về những bài nói về tâm-lý phụ-nữ và sinh-hoạt phụ-nữ trong gia-đình. Có

khi tiếng đồn rằng : Nữ-sĩ bị bọn hủ-bại mưu ám-sát, làm cho công-chúng càng đề ý đến nữ-sĩ ; sự thực nữ-sĩ vẫn còn sống.

Chúng tôi không thể kể ra hết tên các nhà làm tiểu-thuyết. Tất cả những nhà tiểu-thuyết mà kể tên ở trên kia đều là những người đã chịu ảnh-hưởng của Tây-phương từ tinh-thần đến hình-thức. « từ ruột đến vỏ », cũng là Tây cả. Các nhà tiểu-thuyết ấy cũng có dịch những tiểu-thuyết của ngoại-quốc ra chữ Hán để giới-thiệu cho quốc-dân Tàu những thiên kiệt-tác của các xứ khác, khiến cho người Tàu hiểu thêm một nền mỹ-thuật mới nữa.

Dẫu cho ta không thể xét hết các lối văn và các thứ sách mới, xem qua ta đã đủ thấy người Tàu biết nhận cái ảnh-hưởng của Thái-tây về hình-thức cũng như về tinh-thần. Đó cũng là một cái gương cho ta theo.

NGUYỄN TIẾN-LÃNG



VIỆT-NAM TỔ-QUỐC TÚY-NGÔN.

越南祖國粹言

XIX

893— *Khôn-ngoon chẳng lại thực-thà,
Lừa thưng trao đấu chẳng qua
dong đầy (1).*

894— *Lạt mềm buộc chặt (2).*

895— *Lừa xe nước gạo (3).*

896— *Ngày lâu lá dâu thành lụa (4).*

897— *Làm khi lành để dành khi đau (5).*

898— *Lửa gần rơm lâu ngày cũng bén
(6).*

899— *Lấy vợ không cheo như quèo-
ngòeo không mấu (7).*

900— *Lấy của che thân, không ai lấy
thân che của (8).*

901— *Lúa giỗ ngã mạ, vàng rạ thời mạ
xuống được (9).*

902— *Liệu cơm gắp mắm, liệu con gả
chồng (10).*

1) *Lừa-thưng* là lúc mà-củ thì cần cái thưng dong đầy, đến lúc dong thực để bán cho người ta, thì đưa cái thưng trao đi để dong cho vơi. *Tráo đấu* là mà-củ thì đấu to, dong bán thực thì tráo cái đấu bé vào. Đó là cách buôn bán gian-dối lừa đảo. Nhưng buôn-bán mà không đủ tin-nhiệm với khách, thì bị mất khách mà thua-lỗ to, lợi bất-cập hại. Nên đây nói không bằng thực-thà làm đầy-dủ, vẫn lợi nhiều hơn.

2) Ví với khi cãi lẽ với ai, không cần phải gắt-gồng cứng-cỏi, cứ nói một cách mềm-mỏng lẽ-đo mà giữ lý-nhất-định không sai, thì tất là thắng được bên kia. Xem cái lạt mềm càng dễ buộc mà buộc càng chặt hơn là cái lạt cứng thì đủ biết.

3) Dịch câu cách-ngôn Hán-ngữ: «一勺水安能救車薪之火 = Nhất thược thủy an năng cứu xa tân chi hỏa». Là một gáo nước cứu sao được

một cái xe củi bị cháy. Ví với những sự nguy-nan họa-hại lớn, mà ít sức thì không thể vãn-hồi được.

4) Ví về sự bền-chí thì việc phải thành. Như đem cái lá dâu so với miếng lụa, thì hai đáng khác nhau hẳn. Thế mà bảo tôi có thể biến cái lá dâu này ra miếng lụa, thì không ai tin. Nhưng nếu chịu chờ ít lâu, đem lá dâu cho tằm ăn, tằm nhả ra tơ, tơ dệt nên lụa. Thế là thành công. Coi đó thì việc gì bền-chí mà làm không ngại lâu đều thành cả.

5) Khuyến người ta phải cần-kiệm để dự-phòng về sau. Vậy lúc lành-mạnh phải làm việc nhiều cho được nhiều lợi, liệu ăn dùng cho vừa, còn để dành phòng khi đau yếu thì có mà chi-độ. Xã-hội Thái-Tây người ta lập ra nhiều hội, như hội tiết-kiệm, hội tương-tử cũng là do ý đó.

6) Ví với cái cảm-tình trai gái. Lễ tự-nhiên, hai cái cảm-tình trai gái khác nhau mà gần nhau thì giữ-gìn thế nào rồi nó cũng bắt vào với nhau, không sao tránh khỏi. Rơm là vật dễ bén lửa, thế mà để lửa gần rơm thì lâu rồi cũng bén lửa vào rơm mà cháy lên. Tình trai gái cũng thế. Thế cho nên muốn cho tránh khỏi sự điều tiếng không hay và sự bất-ưng mà phải thuận về trai gái, thì không gì bằng dự-phòng mà nghiêm-cách đi là hơn. Cũng như đừng để lửa gần rơm thì không bao giờ bén.

7) *Quèo-ngòeo* là cái đồ dễ kéo những cành cây cao xuống, như kéo cành dâu cao xuống để hái lá. *Quèo-ngòeo* làm bằng cái ngọn tre mà quay ngược

lại đề dùng, cuối đầu chỗ quèo đề cái nhánh tre lại và cắt ngắn đi làm cái mẩu. Lấy vợ nộp cheo là đề công-dân chứng-kiến cho. Cờ-lệ nộp cheo ở các làng, bằng trầu rượu, thịt xoi hay là tiền. Bảy giờ nộp bằng tiền cả. Lại lệ mới phải vào sổ giá-thú. Sự đó là để làm chắc-chắn cho cả hai bên vợ chồng về mọi việc gia-đình sản-nghiệp. Nhất là cho người chồng, nếu gặp người vợ bội-hôn thì sẽ có bằng-chứng mà truy-tố. Như có cái quèo-ngòe để kéo trở lại. Thế mà kẻ lấy vợ không chịu nộp cheo hay là không vào sổ giá-thú thì khác gì cái quèo-ngòe không mẩu còn lấy gì mà kéo.

8) Răn kẻ coi của trọng hơn thân. Của là cái mà người ta làm ra. Làm ra để mà tiêu-dùng cho khỏi thiếu-thốn khốn-khở, để mà cứu chữa những cái tai-nạn cho mình, để mà làm cho mình sung-sướng, thế là lấy của che thân. Ai cũng nghĩ và làm như thế. Còn như kẻ bo-thiết làm ra của mà không dám tiêu dùng, chịu mọi điều khổ-sở mà giữ cho của còn lại, thế là lấy thân che của. Tưởng không ai nghĩ và làm như thế bao giờ. Vậy kẻ coi của trọng hơn thân nên tỉnh-ngộ.

9) Phép làm ruộng, muốn không sai thời-tiết, thì cứ theo cái phép đã nghiệm và lập-thành, trông ngọn lúa vụ này mà ngả mạ gieo mạ thì vừa cấy vụ sau.

10) Đây là răn nhà có con gái không nên cầu cao. Người dọn cơm liệu cơm nhiều ít mà gấp mắch cho đủ, không nên thừa-thiếu quá. Cũng như người gả chồng cho con, liệu tư-cách con mình mà gả chồng cho vừa phải, không nên cầu kỳ quá thì không bao giờ lỡ-làng. Ngày nay trọng tự-do, nếu chỗ mà con đã thuận xứng-dáng thì cha mẹ không nên trái ý con nữa.

- 903— *Mời quần mới áo thì hay, chứ
mới vợ mới chồng thì không ra gì*
904— *Cả vú lấp miệng em (2). [(1).*
905— *Tiền của là chùa muốn đời,
Người ta là khách vãng chơi mới*
906— *Nhời nói dối máu (4). [thời (3).*
907— *Miếng ăn quá khẩu thành tàn,
Miếng thịt miếng nhục tôi van
thầy mày (5).*
908— *Vội thì vội không lợi sang sông (6).*
909— *Thuận vợ thuận chồng, tát bể
đông cũng cạn (7).*

1) Mời đây là thay cũ đổi mới. Quần áo cũ thì nên bỏ đi mà may quần áo mới. Càng mới luôn thì càng hay. Đến như vợ chồng là tình-nghĩa kết-hợp với nhau. Tình càng cũ càng sâu, nghĩa càng cũ càng nặng, người ta một đời người, một vợ một chồng mà thôi. Chết độ đa-thê có cho người đàn ông được lấy nhiều vợ, nhưng chỉ có người vợ lấy trước là «*thê*—*Vợ cả*», còn lấy sau đều là «*thiếp*—*Vợ lẽ*». Thiếp là tiếp cho vợ cả, phải thuộc quyền vợ cả. Còn như góa vợ góa chồng mà phải lấy vợ lấy chồng mới khác là sự chẳng may nó bắt-buộc, không ai muốn chi sự mới đó. Thế cho nên đã kết-hợp với nhau làm vợ làm chồng, tình sâu nghĩa nặng, thì dù bên nào có điều gì kém hoặc lỗi nhầm, cũng nên bù đắp sửa chữa cho nhau, mà hòa-thuận ở cùng nhau cho trọn đời, tự gây lấy hạnh-phúc cho gia-đình. Như thế mới xứng-dáng là người tự-lập, mới là người trọn đạo luân-lý.

Còn gặp đôi nào mà hai cái tính phản-trái nhau quá, sẽ có hại đến thân-thể của nhau, hoặc tội-ác đã nhiều, vạn bất-dắc-dĩ mới phải quyết-tuyệt nhau mà tìm người vợ chồng mới. Còn như tham sắc tham của, trai ruồng bỏ vợ cũ lấy vợ mới, hoặc yêu vợ lẽ bỏ xó vợ cả; gái nay chồng này mai chồng mới khác, thì đều là kẻ bạc-tình, có tội với luân-lý.

Ngày nay đã cho trai gái tuyển-trạch tự-do, thì luật ly-dị phải bắt có nhiều tình-tiết khó-khẩn và song-phương thỏa-thuận mới được. Thế mà luật nhiều nước lại cho ly-dị dễ-dàng, thành ra động trái ý nhau, động có lợi-hại là họ bỏ nhau. Một đời người mới vợ mới chồng luôn luôn. Thôi bạc-ác ngày càng nhiều mà xã-hội cũng chịu lắm ảnh-hưởng xấu.

2) Vì với sự áp-chế. Trẻ con khóc là vì nhiên duyên-cớ: vì đói vì bị đau hoặc vì bị bệnh gì. Người nuôi trẻ thấy trẻ khóc phải xét xem nó khóc vì cớ gì. Nếu cây có cái vú to để thấy nó khóc thì cho là nó đói mà lấp đầy vú vào miệng nó cho nó nín, nhưng không phải ý muốn của nó đòi bú thì nó cũng không nín. Đàn anh đối với đàn em cũng vậy. Đàn em dân-chúng vì có điều bất-bình hoặc nguyện-vọng gì mới phải nài-kêu, nếu kẻ cầm quyền cứ cậy quyền-thế mạnh mà cấm-chỉ, lấp miệng người ta đi, không thêm nghe, thì thực là ức người ta quá. Cũng như em bé bị ức, sao chịu nín ngay được.

3) Người ở đời phải cần có tiền của mới sống. Tiền của có sung-túc, người mới đủ dùng mà phát-đạt. Song ruộng vườn, nhà cửa, tiền bạc cho đến mọi cái sản-vật khác, lúc người chết đều không mang theo được, mà bỏ lại rồi nó lại chuyển tay cho mọi người khác dùng. Người ta mỗi kẻ ra đời rồi chết, chỉ trong mấy chục năm, mà tiền của cũng đất nước thì còn mãi. Thế tức là của là chủ vĩnh-viễn, mà người ta mỗi kẻ chỉ là khách qua chơi mà thôi. Thế thì kẻ ho-thiết về của, nhận làm của mình, chịu bất-nhân bất-ngĩa mà giữ lấy cướp lấy há chẳng lắm dư.

4) Những lời vu-cáo, gièm-pha một cách độc-ác khiến cho người ta thiệt đến danh-dự, tính-mệnh, lìa nhau, đâm-giết nhau, thì những lời nói ấy

rất đáng ghê tởm. Mỗi tiếng trong lời nói là một bát máu của kẻ độc-ác phun ra để hại người.

5) Lời người vợ khuyên chồng không nên tham miếng ăn của người ta cho, như cổ bàn ở việc làng, ở các đám ma chay, khao-vọng của người làng, cùng là phần biếu bằng thịt xói. Vì những miếng ăn ấy, ăn vào mang nợ không trả không được, mà trả thì rốc hết sản-nghiệp không đủ. Tham phần biếu thì vừa phải rốc hết sản-nghiệp lại phải đem thân đi luồn-lụy chỗ quyền-môn mới kiếm được chút tước-phẩm mà được phần biếu. Coi đó thì những miếng ăn ấy là làm nhục cho người ta cả. Nhân tiếng « nhục » có hai nghĩa: « nhục 肉 là thịt », lại có nghĩa « nhục 辱 là dơ-nhục », nên đây nói « miếng thịt miếng nhục », tức là lối văn hai-ngữ. Dùng lối hai-ngữ, mượn lời vợ để van-vỉ mà khuyên-can người chồng không nên tham những miếng ăn trong làng vì nó làm nhục người. Ý nói: miếng ăn quả miệng thì sang hèn đều thành chất tàn-phế cả. Thế mà ăn vào là bị nhục, hoặc bị nhục mới được ăn, thế thì thịt chẳng là nhục là gì. Vậy tôi van lạy thầy mày không nên tham-luyến đến miếng thịt phần làng nữa.

6) Khuyên không nên muốn chóng một cách quá hiếm-nghèo mà sức mình không làm nổi. Như có việc cần-cấp phải sang bên kia con sông lớn, nhưng cũng phải đợi có đò nó đưa sẽ sang. Chứ nếu thấy việc vội mà lợi ỏa xuống nước để bơi sang, giữa sông kiệt sức tắt chết đuối thì còn đâu mà sang được nữa.

7) Khuyên vợ chồng làm việc gì cũng phải nên thuận ý nhau mà làm. Nếu thuận nhau thì to như bẻ đông mà vui lòng cùng nhau tát mãi cũng cạn. Mà đã không thuận nhau thì việc dễ đến đâu cũng sinh chán-nản mà bỏ dở.

HẾT

ĐÔNG-CHÂU và ĐOÀN-NAM

TƯ-TƯỞNG KINH-TẾ CỦA MẶC DỊCH (1)

I

Thời-đại và hoàn-cảnh của Mặc-Dịch

Thời-đại và hoàn-cảnh là hai cái rất có quan-hệ với quan-niệm cốt rể (quan-niệm kiêm-ái cùng phương-pháp triết-học) và chủ-nghĩa ứng-dụng của ông Mặc-Dịch, mà tư-tưởng kinh-tế của ông lại xây dựng ở trên cái nền móng kiêm-ái và ứng-dụng, nên chúng ta muốn biết rõ nguyên-ủy tư-tưởng kinh-tế của ông thì trước hết phải xét qua hoàn-cảnh đời ấy.

a) Khoảng giữa đời Xuân-thu là lúc chế-độ phong-kiến và chính-thể giai-cấp thịnh đến cực-diểm, song từ đó trở về sau thì lại mỗi ngày một suy và sinh ra rất nhiều lưu-tệ. Chẳng những thế mà thôi, mà cái đặc-sắc của chính-trị nhà Châu là sự « chuống vảo », đến lúc bấy giờ cũng thiên-lệch quá mà thành ra cái tệ văn-hoa quá-độ, gây nên cái xã-hội giả dối rồi. Mà những người thông-thái như bọn ông Không-tử, tuy cũng biết la chế-độ phong-kiến cần phải sửa đổi, nhưng không thể cứu chữa lại được; và các cụ lại e nổi « chất-thực nhiều hơn văn-hoa thì thành ra què-kệch », nên đối với cái xã-hội giả-dối khốn-nạn ấy chỉ giữ thái-độ điều-hòa, chứ không dám quyết ý cải-tạo. Ông Mặc-tử thì không thế; ông biết chắc rằng cái xã-hội ấy đã hư-hỏng quá rồi, không phải chủ-nghĩa cải-lương có thể cứu chữa được, nên ông quyết ý đem tinh-thần cải-tạo mà ra sức phá hủy cái xã-hội cũ ấy để lập thành một xã-hội mới-mẻ và phải lẽ hơn.

b) Theo sau cái chính-thể quý-tộc đời ấy có hai cái hiện-tượng rất là tàn-ngược: một là họ hết sức hà-hiếp bọn binh-dân để làm cho nhà mình giàu thêm, hai là họ hết sức lấn cướp nước người để làm cho nước mình mạnh thêm. Cái hiện-tượng tham của và thích chiến-tranh ấy đều bởi cái lòng tự-tư tự-lợi của kẻ cầm quyền thống-trị mà sinh ra. Song chỉ riêng mình họ sung-sướng mà thôi, còn dân-chúng thì khổ về nổi ăn đói mặc rét và sống nguy chết uổng. Đứng trước cái hiện-tượng đó, không phải không có nhiều người hiểu biết và muốn tìm cách cứu chữa, song đại-đề họ không sức mạnh mà chỉ nói suông như thuyết « Trừ bỏ binh-bị » của ông Hươg-Tuất, thuyết « Thà rằng tiết-kiệm còn hơn xa-xỉ » của ông Không-tử, nên cũng chẳng ích gì. Ông Mặc-tử thì không thế, ông định hẳn hai cái phương-pháp thực-hành có thể trừ-diệt hai cái hiện-tượng xấu kia một cách tuyệt-cầu. Đối với cái hiện-tượng « thích chiến-tranh », trước hết, ông xướng lên cái thuyết « kiêm-ái » để khuyên người ta yêu nhau, để trừ-diệt cái mầm-mống sinh ra sự chiến-tranh tức là một cách cứu chữa ngay từ tâm-lý của xã-hội. Thứ nữa, ông lại căn-cứ vào quan-niệm kiêm-ái mà xướng lên chủ-nghĩa « phi-chiến » là một thuyết trực-triệt mà hoàn-toàn. Đối với cái hiện-tượng cướp lẫn của nhau, ông biết những lời nói suông cùng những sự súi ngấm đều không đủ cứu-chữa, nên ông chú-ý về sự gây dựng lại nền kinh-tế của xã-hội, nghĩa là tìm

(1) Dịch theo nguyên-văn của ông Tiền Thực-Phủ.

cách phá trừ những cái có thể gây nên sự cướp-bóc và những cái có thể dùng để cướp bóc lẫn nhau, mà lập thành một cái xã-hội giúp đỡ lẫn nhau và lấy sức làm việc làm ngôi chính.

c) Đối với những lý-thuyết phiếm suông mà vô-hiệu của phái chủ-nghĩa cải-lương, ông Mặc-tử vứt hết đi mà chuyên gắng sức làm lộn cái chủ-nghĩa thực-tế của mình. Đồng-thời, đối với cái thái-độ tiêu-cực của phái chủ-nghĩa phóng-nhiệm, ông Mặc-tử cũng không ưa, nên ông thường công-kích thái-độ của Dương-Chu cùng lý-thuyết của Lão-tử. Lúc ấy, học-thuyết của Lão-tử đã có thể lực lon-lao ở trong xã-hội, đã được một số đông người tin-nguỡng, nên ông Mặc-tử phản-đối Lão-tử có vẻ kịch-liệt hơn đối với kẻ khác. Ông Lão-tử xưng lên cái thuyết « Không làm việc thì đời mới bình-trị », và thuyết « Không chuộng người giỏi, tự-nhiên dân không cạnh-tranh », đều là một thứ chủ-nghĩa phóng-nhiệm một cách tuyệt-đối. Ông Mặc-tử lại xưng lên cái thuyết « Có làm việc thì đời mới bình-trị », và thuyết « Có dùng người giỏi thì chính-trị mới hay », đều là những chỗ cực-lực công-kích họ Lão đó. Song chẳng những thế mà thôi, ông Mặc-tử lại còn có thuyết « Người trên nên đồng-tâm mà người dưới không được bè đảng », tức là ý muốn thực-hành chủ-nghĩa can-thiệp mà hạn-chế quyền tự-do của dân-chúng, cũng là chỗ phản-đối chủ-nghĩa phóng-nhiệm một cách rõ-ràng. Lúc ấy, lại có một hạng người về phái chủ-nghĩa tiêu-cực khác nữa, như bọn Thần-môn, Hạ-biêu, Tiệp-Dur Trượng-nhân Trương-Thư, Kiệt-Nịch ở trong sách *Luận-ngữ*, đều là những kẻ vì thấy xã-hội như bần mà sinh lòng chán ghét, ôm cái chủ-nghĩa « hay lấy một mình ». Đến bọn Nguyên-

Nhuỡng, Dương-Chu thì sự hiền đời và ghét đời lại có phần tiến lên bậc nữa, nên lại ngông-cuồng và phóng-dăng hơn bọn trên. Ông Mặc-tử cho rằng: Chủ-nghĩa « chán đời » là sự hành-vi của kẻ bèn nhát, chứ thế-giới vốn là bởi tay người tạo nên, thì chẳng những không chán được nó, mà thực ra cũng không nên chán nó, nên ông mới có cái thuyết: « Nếu có lợi cho đời thì dầu sảy tràn mòn gót cũng nên cố sức mà làm » để ngăn cản cái phong-trào yếm-thế. Nhất là đối với Dương-Chu ông lại càng ghét lắm, nên mới xưng lên cái thuyết « tự khổ là thần-thánh » để phản-đối cái thuyết « vị ngã » của y.

d) Ông Mặc-tử đã là một nhà thực-hành chủ-nghĩa cải-tạo, nên chẳng những hết sức phản-đối lý-thuyết phóng-nhiệm và tiêu-cực, mà đến đối với chủ-nghĩa cải-lương theo lối điều-hòa thỏa-hiệp ông cũng chẳng tán-thành. Ông Khổng-tử là một tay lĩnh-tự trong phái cải-lương, trên kia đã nói; gia dĩ tín-dồ của ông là lộn nhào đời sau lại xoay ra mặt bảo-thủ, thành thế tinh-thần đạo Nho mất hết mà chỉ còn có hình-thức không thôi, lại càng hủ-lậu hết sức. Ông Mặc-tử sinh-trưởng ở nước Lỗ, nên lúc nhỏ cũng có theo bọn nhà Nho học đạo ông Khổng, song sau ông biết cái lễ-giao của họ là phiền-phức quá, hại sức khỏe và mất công việc, tốn tiền của mà làm nghèo dân, nên mới bỏ đạo Nho mà lập ra một học-thuyết khác. Trong thiên « Lỗ vấn », ông Mặc-tử đã kê rõ bốn chỗ sai-lầm của đạo Nho như sau này:

« Đạo Nho có bốn điều rất bậy, có thể làm loạn thiên-hạ: Họ bảo trời không biết gì mà quỷ-thần cũng không thiêng, không tin có trời với quỷ là một điều đủ làm loạn thiên-hạ. Làm ma lâu ngày mà chôn theo nhiều của,

quan-quách lấy dầy làm quý, khám-liệm lấy nhiều làm sang, tống-táng một người chết như dọn một cái nhà mới, con cháu thì khóc-lóc suốt ba năm, vịn tường mới đứng dậy được, chống gậy mới đi lại được, kỷ đến mất mờ tai điếc mới được là hiếu, đó cũng là một điều có thể làm loạn thiên-hạ. Gảy đàn gõ trống, tập múa tập hát, cũng là một điều có thể làm loạn thiên-hạ. Họ lại tin rằng mọi việc ở đời đều có số-mệnh, như: người thọ hay yếu hoặc giàu hay nghèo, nước trị hay loạn, nhà yên hay nguy, đều có số nhất-định, không thể thêm bớt được. Thuyết ấy là một thuyết mà người trên tin thì tất không chăm việc chính-trị, mà kẻ dưới tin thì tất trễ-nải sự làm ăn, nên cũng có thể làm loạn thiên-hạ.

e) Vì chịu sự kích-thích của hoàn-cảnh và sự yêu-cầu của tâm-chí, ông Mặc-tử không thể không hết sức làm những công việc cứu đời. Song khốn nỗi ông là một kẻ bình dân, trong tay không hề có một chút quyền-bình gì, mà ông lại không muốn cõ động dân-chúng dùng thủ-đoạn bạo-dòng mà đánh đổ bọn quý-tộc, thì những kế-hoạch « cứu đời » của ông làm thế nào mà thực-hiện được ru? Ông đã có cách: ông lợi-dụng tấm lòng mê-tín của xã-hội, đem ngay cái chủ-nghĩa của mình xây lên trên cái nền móng tôn-giáo, đem lý-thuyết « lòng trời » và « có ma » ra làm hậu-thuần cho chủ-nghĩa, và chính mình thực-hành ngay một cách đi tu khổ-hạnh là ăn mặc tiết-kiệm và không dùng âm-nhạc suốt đời.

Vì cái hoàn-cảnh đó nó đã tạo-thành nền móng quan-niệm kiêm-ái và chủ-nghĩa ứng-dụng cho ông, nên tư-tướng kinh-tế của ông cũng bởi đó mà sản-xuất.

II

Quan-niệm cõi rě và phương-pháp triết-học của Mặc-tử

Quan-niệm cõi rě của ông Mặc-tử là chủ-nghĩa kiêm-ái, tức là nền tảng của mười cái đại-cương trong học-thuyết của ông. Ông Mạnh-tử có nói: « Họ Mặc theo chủ-nghĩa kiêm-ái, gặp việc có lợi cho đời thì dẫu sây trán rạc cẳng cũng cố sức mà làm »; câu ấy thật đã là hết được tinh-thần của đạo Mặc. Chủ-nghĩa kiêm-ái của họ Mặc bao giờ cũng lấy cái lợi thực-tế làm chuẩn-đích; nên ông Mặc chẳng những phản-đối cái chế-độ làm cho xã-hội có kẻ quá giàu và quá nghèo, cùng sự hưởng lợi không đều mà thôi, lại còn ghét cả thói cướp lợi của người để làm sướng cho mình nữa. Bởi vậy ông quyết-ý phá hẳn cái xã-hội cũ mà lập thành một cái hoàn-cảnh kiêm-ái và ông tin rằng cái lý-tướng ấy có thể thực-hiện được.

Ông nói: « Kẻ nhân-giã làm việc, chỉ có một cái mục-đích là làm lợi hay trừ hại cho thiên-hạ... Thấy việc có lợi cho người, làm ngay; thấy việc bất-lợi cho người, thôi ngay. Và lại, cái chỗ kẻ nhân-giã lấy mình làm kiểu mẫu cho đời là: những sự vì muốn đẹp mắt, thích tai, ngon miệng, ấm thân, mà hại đến cái của ăn dùng của dân-chúng, thì không khi nào làm ». Đó đều là những câu ông chú-thích cho rõ nghĩa kiêm-ái. Muốn biết cái xã-hội kiêm-ái ở trong lý-tướng ông thế nào và lấy gì chứng-thực là ông tin cái lý-tướng ấy có thể thực-hiện được, thì xem những đoạn sau này:

1° Cái xã-hội kiêm-ái ở trong lý-tướng ông Mặc tổ-chức thế nào? Ông nói: « Ai cũng coi nhà người như nhà mình thì còn ai ăn trộm của ai? Ai cũng coi thân người như thân mình thì còn ai nổi giết hại ai? Ai cũng coi

gia đình người như gia đình mình thì còn ai nữ làm loạn nhà ai? Ai cũng coi nước người như nước mình thì còn ai xâm-lược ai?» Tóm lại, những câu ông nói trên đó, là cực-lực phản-đối cái xã-hội có tính-chất riêng tây; ông cho rằng hết thảy những cái hiện-tượng xấu-sa như-bần-điền bởi cái quan-niệm «riêng tây» mà sinh ra, nếu sửa đổi lại cho xã-hội thành ra một đám người coi nhau như con một nhà thì những sự rắc-rối kia không làm gì có nữa.

20 Về việc cải-tạo xã-hội, ông Mặc đã nói rõ nguyên-tắc và phương-pháp tổ-chức như thế, song lại sợ người đời hiểu lầm mà cho là một cái lý-tưởng suông, nên lại có những lý-luận sau này để chứng-minh cái lý-tưởng đó có thể thực-hiện được. Ông phê-bình một việc hoặc một vật gì là tốt hay xấu, chuyên lấy chỗ «hữu-dụng» hay «vô-dụng» làm chuẩn-dịch. Ông cho rằng: cái phạm-vi chữ «tốt» với cái phạm-vi chữ «dùng» bao giờ cũng đúng khớp nhau, những việc đã không dùng được thì không thể gọi là tốt, mà trái lại là phạm những việc tốt đều là việc hữu-dụng. Lúc ấy, đã có người hỏi vặn ông rằng: «Những lời ông nói cũng tốt thật đấy, nhưng chắc đâu là đã dùng được?» Ông đáp lại một cách quả-quyết rằng: «Nếu không dùng được tôi quyết không bảo là tốt; đã gọi là tốt thì sao lại không dùng được?»

Về lẽ đó, ông Mặc còn nói đi nói lại nhiều lần. Trước thì ông đem cái lòng «ích kỷ» của loài người mà cắt nghĩa, sau lại dẫn nhiều chứng-cớ về sự kiêm-ái để chứng-minh thêm.

Ông nói: «Cứ lấy tấm lòng hiếu-tử đối với cha mẹ mà suy thì đủ rõ. Thứ hỏi, tấm lòng hiếu-tử, muốn kẻ khác yêu và làm lợi cho cha mẹ mình hay

muốn kẻ khác ghét và làm hại cha mẹ mình? Lấy lý mà suy, tất nhiên họ muốn kẻ khác yêu và làm lợi cho cha mẹ họ. Vậy thì họ muốn được thế, trước hết họ phải làm thế nào? Muốn yêu và làm lợi cho cha mẹ người trước thì sau người sẽ đáp lại ta bằng sự yêu và làm lợi cho cha mẹ ta chẳng, hay là mình phải ghét và làm hại cha mẹ người thì người mới đáp lại bằng sự yêu và làm lợi cho cha mẹ mình? Lẽ tất nhiên là mình có yêu và làm lợi cho cha mẹ người thì người mới cũng đáp lại ta một cách như vậy... Cách-ngôn đời xưa có câu: «Chẳng lời rói nào không có tiếng đáp lại, chẳng cái ơn nào không có sự đền lại. Người cho ta quả đào, ta biếu lại quả mận», đều là ý nói: «mình yêu người thì người yêu mình, mình ghét người thì người cũng ghét mình đó».—Đoạn ấy là ông dẫn chứng bằng cách trái lại.

Thứ nữa, ông lại dẫn mấy câu chuyện cũ để tỏ ra rằng: cái chủ-nghĩa kiêm-ái, các bậc thánh-triết đời xưa cũng đã làm qua, chứ không phải tự ông lập-dị. Ông nói: «Xách trái núi mà nhảy qua sông cái là một sự từ-thượng-cử đến giờ chưa từng có ai làm được. Chứ cái sự yêu-mến lẫn nhau, làm lợi cho nhau này có phải khó-khăn thế đâu, thánh-triết đời xưa cũng đã nhiều ông làm qua rồi đấy». Ông sở-dĩ có câu thuyết-minh ấy là vì đời ấy cũng có nhiều người hoài-nghĩ cái thuyết của ông, thậm-chí có kẻ nói: «Kiêm-ái thì nhân thật đấy, nghĩa thật đấy, nhưng thực-hành thế nào được; tôi chắc cái đạo kiêm-ái không thể làm được cũng như câu chuyện xách trái núi mà nhảy qua sông cái vậy?»

Lại thứ nữa, chúng ta thử xét xem ông Mặc-lữ giải nghĩa hai chữ «Kiêm-

ái» của ông thế nào? - Về chỗ đó, ông Mặc tử có hai lối giải-nghĩa thường dùng: một là đem chữ «lợi» làm bồi-thần, hai là lấy chữ «riêng» làm giới-hạn. Khi nào nói đến nghĩa kiêm-ái, ông cũng nói luôn cả 6 chữ «kiêm tương ái giao tương lợi», nghĩa là yêu mến lẫn nhau và làm lợi cho nhau, đó là chỗ ông giải nghĩa bằng lối bồi-thần; vì «yêu mến lẫn nhau» là lý-luận của chủ-nghĩa kiêm-ái, mà «làm lợi cho nhau» là phương-pháp thực-hành cái lý-luận ấy. Ông Lương Khải-Siên nói: «Yêu mến lẫn nhau tức là chủ-nghĩa lợi-tha của ông Thác-nhĩ-tư thái, làm lợi cho nhau tức là chủ-nghĩa hỗ-trợ của ông Khắc-Lỗ bào-dặc-kim». Không phải là một câu phê-bình quá đáng vậy. Những lý-luận đem chữ «lợi» làm bồi-thần để giải rõ nghĩa kiêm-ái, trong sách Mặc-tử có rất nhiều. Nay hãy trích-dịch vài đoạn:

Tro g thiên «Kiêm-ái-thượng» có một đoạn rằng: «Bằng thánh-nhân có chí bình-trị thiên-hạ, không thể không xét kỹ xem nguồn gốc sự biến loạn bởi đâu mà ra. Vậy thử hỏi sự biến-loạn bởi đâu sinh ra? Chắc ai cũng phải trả lời rằng bởi sự không biết yêu nhau mà sinh ra. Con em không hiếu-thuận với cha anh thì người ta gọi là «loạn»; nay xét xem tại sao mà con em lại không hiếu-thuận với cha anh, thì tại kẻ làm con chỉ biết yêu mình mà không yêu cha, nên mới làm hại cha để lấy lợi cho mình, kẻ làm em chỉ biết yêu mình mà không yêu anh, nên mới làm hại anh để lấy lợi cho mình; vậy cái sự loạn đó có phải vì có gì khác đâu, đều bởi sự không biết yêu nhau mà ra cả. Trái lại, kẻ làm cha anh không tốt với con em thì người ta cũng gọi là «loạn». Nay xét xem tại sao mà cha anh lại không tốt với

con em, thì tại: cha chỉ biết yêu mình mà không yêu con, nên mới làm hại con để lấy lợi cho mình; anh chỉ biết yêu mình mà không yêu em, nên mới làm hại em để lấy lợi cho mình; vậy cái sự loạn đó có phải vì có gì khác đâu, đều bởi sự không biết yêu nhau mà ra cả. Mà cho đến sự trộm cướp cũng thế. Kẻ ăn-trộm chỉ biết yêu nhà mình mà không biết yêu nhà khác, nên mới trộm của nhà khác để làm lợi cho nhà mình; kẻ ăn cướp chỉ biết yêu thân mình mà không biết yêu thân người, nên mới làm hại người để cầu lợi cho thân mình; vậy cái sự loạn đó có phải vì có gì khác đâu, đều bởi sự không biết yêu nhau mà ra cả... Thế cho nên, hễ loài người biết yêu lẫn nhau thì đời bình-trị, mà ghét lẫn nhau thì đời suy loạn».

Trong thiên «Pháp-nghi» có một đoạn rằng: «Trời cũng muốn cho loài người yêu mến lẫn nhau và làm lợi cho nhau, chứ không muốn cho loài người oán ghét lẫn nhau và làm hại lẫn nhau đâu. Sao biết trời cũng muốn thế? Vì trời đối với người, yêu mến hết thầy, làm lợi hết thầy, chứ không bỏ sót một ai».

Trong thiên «Kiêm-ái-trung» có một đoạn rằng: «Hết thầy mọi sự họa-loạn oán thù ở đời đều bởi không biết yêu nhau mà sinh ra, nếu người nhân-giả rất phản-đối sự không biết yêu nhau. Nhưng đã phản-đối nó thì lấy gì mà thế cho nó? Mặc-tử này xin nói quyết rằng: phải thay nó bằng cái đạo yêu mến lẫn nhau và làm lợi cho nhau».

Tóm lại, những chỗ ông Mặc giải nghĩa kiêm-ái, đều lấy sự «hỗ lợi» làm thuyết bồi-thần; nghĩa là nếu bỏ mất tình-thần hỗ-lợi mà làm thế để lấy lợi riêng, thì không thể gọi là kiêm-

ái được. Nhưng muốn bài-trừ cái lòng tự-tự tự-lợi ấy thì dùng cách gì? Ông lại nói toạc ngay rằng chỉ có cái đạo yêu mến lẫn nhau và làm lợi cho nhau là có thể trừ bỏ được cái lòng riêng ấy.

Còn đến chỗ giải nghĩa chữ «kiêm» thì ông Mặc-tử thường lấy chữ «riêng» để chia rõ giới-hạn. Trong thiên «Kiêm-ái ha», ông có nói:

«Phàm đã chê người ta là không phải tất phải có thuyết khác để thay vào; chứ đã chê người ta mà lại không có thuyết khác để thay vào, thì cái lời chê của mình, chẳng có giá-trị gì hết. Bởi vậy, Mặc-tử này nói rằng: nên lấy đạo «chung» thay cho đạo «riêng». Vì tôi xét ra, phàm những cái bởi lòng «chung» mà sinh ra đều là cái lợi lớn của thiên-hạ, mà những cái bởi lòng «riêng» mà sinh ra đều là cái hại lớn của thiên-hạ vậy... Nếu ai cũng cứ lấy lòng «chung» mà làm việc, tức là đem những cái tai thông mất sáng góp lại mà trông nghe họ nhau, tức là đem những cái tay cứng chân mạnh góp lại mà làm việc giúp nhau, tức là đem những điều khôn hơn biết hơn góp lại mà dạy bảo lẫn nhau. Thế cho nên, những người tuổi-tóc mà không có con cháu cũng có người phụng dưỡng cho được hưởng hết tuổi trời, những người bỏ-côi từ thuở thơ ngây cũng có chỗ tựa nương để mà sống». Trong thiên «Thiên-chí hạ», ông lại nói:

«Chung là một sự làm theo ý trời mà riêng là một sự làm trái ý trời. Theo đạo chung thì chuộng nghĩa mà theo đạo riêng thì chuộng sức. Chuộng nghĩa là thế nào?... Kẻ lớn không đánh kẻ bé, kẻ mạnh không khinh kẻ yếu, bọn đông người không làm hại bọn ít người, kẻ khôn-ngoaan không lừa-dối kẻ ngu-dại, kẻ sang không hà-

hiếp kẻ hèn, kẻ giàu không khinh-bí kẻ nghèo, người khỏe không cướp của những người già yếu.... Những cái đó gọi là «đức trời». Những người làm được những điều đó là người thánh-tri, là người nhân-nghĩa, là người trung hậu, là người từ-hiếu; nghĩa là phàm những tiếng tốt ở trên đời đều về phần những người ấy cả... Chuộng sức là thế nào?... Kẻ nhờn đánh kẻ bé, kẻ mạnh khinh kẻ yếu, bọn đông người ăn hiếp bọn đơn người, kẻ khôn-ngoaan lừa dối kẻ ngu-dại, người sang hà-hiếp người hèn, người giàu khinh-bí người nghèo, kẻ khỏe-mạnh cướp của những kẻ già yếu. Những điều đó toàn là những điều bậy. Phàm những người làm những điều đó là đồ giặc-cướp, là quân trộm cắp, là những đứa bất-nhân bất-nghĩa bất-từ bất-hiếu; nghĩa là phàm những tiếng xấu ở trên đời đều về phần hạng người ấy cả».

Cái chỗ phân-biệt đức chung với đức riêng đó, đối với đạo Mặc cũng là một điều rất trọng-yếu. Ông Mặc-tử cho rằng chỉ những người thực-hành được cái chủ-nghĩa «yêu mến lẫn nhau và làm lợi cho nhau» thì mới thật là người có đức chung, nên tin đồ đạo Mặc đều tự-xưng là «kiêm-sĩ», nghĩa là người chung đó. Trái lại, phàm những kẻ có lòng tự-tự tự-lợi đều là người có đức riêng, nên ông Mặc thường tặng cho bọn quân-chủ đời ấy một cái biệt-hiệu là «biệt-quân», nghĩa là vua riêng; và những bọn sĩ-phu đời ấy một cái biệt-hiệu là «biệt-sĩ», nghĩa là người riêng vậy. Nói thật ra, thì ông Mặc tặng cho bọn kia cái huy-hiệu ấy chính là một cách thống-mạ họ là kẻ thù-dịch chung của loài người đó.

Kiểm-hồ

TÙ' HÔN

Xe-bỏ Lao-kay tới ga Hà-nội, Văn-Anh tay xách cái va-li bước xuống, đi thẳng ra đường, thuê xe về một hiệu thợ cạo. Ngồi trên xe chàng thấy trong lòng vui-vẻ lạ thường. Không phải chàng vui là vì đã lâu nay mới được thấy phong cảnh Hà-nội, một cái phong cảnh mà chàng vẫn cho là thần-tiên, đã hai năm nay bây giờ mới được dịp thấy lại, hay là vì đã được từ giữa nơi rừng xanh núi đỏ, tịch-mịch buồn-rầu. Chàng vui là vui vì chốc nữa đây chàng sẽ được gặp mặt Bích-Đào người vị-hôn-thê của chàng mà chàng sắp đem hết tâm-hồn chỉ khi để hi-sinh với người yêu ấy.

Bốn năm về trước, Văn-Anh đương học ở năm thứ ba trường Sư-phạm, bấy giờ chàng mới 18 tuổi, mẹ chàng đã hỏi Bích-Đào cho chàng. Bích-Đào là con gái thứ ba ông phán T. mới về hưu-trí ở Hà-nội, là bạn cũ với cha chàng, mà đôi trẻ đã biết nhau từ khi còn bé.

Khi chàng mới đỗ ra, ông Phan gọi cho cưới ngay trước khi chàng bỏ đi làm giáo-học. Nhưng chàng nghĩ chưa được yên trí, vì rồi ra thế nào chàng cũng phải bỏ lên thượng-du dạy học trong một hạn là hai năm, chàng không muốn trong hai năm ấy, Bích-Đào phải vì chàng mà lặn-dặn ở nơi rừng xanh nước độc, hay nếu không theo chàng đi được thì phải chịu cái cảnh gôi lê chần đơn ở ở đợi. Bởi vậy chàng phải nói với ông Phan bây hoả là cưới lại, để cho chàng xin bỏ lên thượng-du dạy học đã, hết hạn hai năm về sẽ làm lễ cưới cũng chưa lấy gì làm muộn,

Chàng bỏ lên Lai-châu dạy học, trí

chàng lúc nào cũng tưởng-tượng đến Bích-Đào, một cô gái bình vóc thướt-tha kiêu-mị, một cô gái có cái khuôn mặt trái soan với cái màu da trắng nõn mà lúc nào trên môi cũng hé một nụ cười tươi tắn, mà nụ cười ấy nó có thể an-ủi được lòng chàng những khi chán-nản. Ngoài ra cái sắc đẹp mà trời đã phú cho Bích-Đào, Văn-Anh lại còn yêu nàng về những đức tính hay, những đức tính mà các cô con gái nhà có giáo-dục cần phải có. Tuy ở Hà-nội mà nàng không đua đòi bạn-bữ ăn-mặc theo lối tàn-thối lờ-loẹt, nàng vẫn giữ cái khăn vấn bâng nhưng cái áo the với cái quần lĩnh thâm. Đối với các cậu con trai khác thì cách ăn-mặc ấy bây giờ là cổ hủ, nhưng đối với Văn-Anh thì chàng lại cho thế là đẹp, vì theo ý chàng thì người đẹp mà ăn-mặc nhũn-nhặn thì lại làm cho tăng thêm vẻ đẹp lên, chỉ có những người xấu-xi mới cần phải làm lờ mờ mà thôi.

Nhan sắc cùng những đức tính của Bích-Đào làm cho Văn-Anh phải đem lòng kính-phục. Chàng đã chắc sau này, nàng có thể giúp chàng gây nên được một cái gia đình êm-ấm và chắc chắn, cho nên trong hai năm dạy học ở Lai-châu, chàng hết sức cần-kiệm để gây lấy một cái vốn. Bấy giờ trong tay đã có ngót nghìn bạc, chàng định đem số tiền ấy về cưới Bích-Đào, còn thì để mở cửa hàng cho nàng buôn bán ngay ở phố huyện H. là nơi chàng mới bỏ về dạy học. Chàng định bụng chàng thì đi dạy học, cứ tháng tháng lĩnh lương để dành, còn ăn tiêu thì đã có tiền lời buôn bán của vợ. Như thế

trong 15 năm nữa, chàng sẽ có một cái vốn to, chàng sẽ tậu một khu ruộng rồi xin từ chức giáo-học mà cùng vợ con về hưởng sự an-nhàn vui thú.

Những ý-tưởng tốt-đẹp ấy chàng đã sắp sẵn ở trong trí ngay từ khi mới bỏ đi dạy học. Trong mười phần công việc nay đã đạt được hai ba. Nghĩ đến cái tương-lai rực-rỡ, chàng lấy làm sung-sướng lắm.

Xe kéo đến trước cửa một hiệu thợ-cạo ở bờ hồ thì đỗ xuống, Văn-Anh vào hiệu cắt tóc, cạo mặt và tắm rửa sạch sẽ, vì mấy hôm đi đường trường sợ cảm, không dám tắm. Rồi mở va li lấy cái áo trắng dài mà chàng đưa giặt là từ khi chàng còn ở Lai-châu ra mặc. Hôm ấy tuy là một ngày về tháng bảy, nhưng trời giờ heo may, hơi lạnh-lạnh, chàng phải lấy cái áo lương ba chi mặc ra ngoài, kéo mặc một cái áo trắng sợ người ta bảo là « công-tử từ thời áo trắng » và đi vào dòi giầy tây đen không có cổ. Chàng cho trong lúc kinu-tế khó-khận này mà ở vào cái địa-vị chàng ăn mặc như thế là vừa phải.

Ngắm vuốt đầu đầy rồi, chàng xách va-li đi lại nhà ông phán T. vừa đi vừa nghĩ những lời êm dịu để sắp nói với Bích-Đào.

Cánh cửa mở ra, Văn-Anh bước vào. Cậu út con ông Phán vừa trông thấy chàng đã vội reo : « a a ! anh giáo đã về ! » Rồi chạy ra ôm chặt lấy Văn-Anh mà mừng rỡ và ngẩng đầu lên gác gọi ông Phán.

Cậu út thân-yêu Văn-Anh như thế là vì khi Văn-Anh còn học ở trường Sư-phạm, sau khi đã hỏi Bích-Đào rồi, chàng thường lại nhà ông Phán chơi. Mỗi khi lại chơi chàng âu-yếm cậu út lắm, âu-yếm như em ruột vậy. Có khi chàng xin phép vợ chồng ông Phán đưa cậu đi chơi hay xem chớp bóng.

Văn-Anh chưa kịp hỏi chuyện cậu

út thì vợ chồng ông Phán đã ở trên gác đi xuống.

Thấy Văn-Anh về, vợ chồng ông Phán đều tỏ ý vui mừng. Sau mấy câu hỏi thăm chiều-lệ, ông Phán gọi người nhà pha nước và đi làm cơm cho Văn-Anh ăn vì ông biết rằng chàng vừa về lâu Lao-kay thì chắc chưa ăn cơm chiều, Văn-Anh cũng chẳng dám làm khách, vì chàng đói thực, và lại chàng đã coi nhà ông Phán như nhà mình rồi, thì việc gì còn phải từ-chối nữa. Chàng mở va-li lấy ra một cặp nhưng biếu vợ chồng ông Phán, rồi cùng ông Phán ngồi uống nước và nói chuyện.

Tuy ngồi nói chuyện với ông Phán, nhưng bao nhiêu tâm-trí chàng đề cả vào Bích-Đào, vì từ lúc đến nhà ông Phán đến bây giờ, chàng chưa trông thấy Bích-Đào đâu. Chàng tưởng nàng còn phải bận làm cơm ở trong bếp liền đứng dậy vào nhà sau đi tiểu để nhìn mặt Bích-Đào cho đỡ nhớ, nhưng cũng chẳng thấy, sau chàng đánh bạo hỏi cậu út :

— Chị đi đâu, em ?

— Thưa anh, chị đi chơi.

Nghe cậu út nói, Văn-Anh bán tín bán nghi, vì chàng vẫn tin rằng tối đến Bích-Đào không hay đi chơi đâu bao giờ, chỉ trừ khi bà Phán có sai đi đâu thì bất-đắc-dĩ nàng mới phải đi mà thôi, nên lại hỏi lại cậu út :

— Để sai chị đi đâu ?

— Thưa anh, để không sai chị đi đâu cả, chị lại chơi đang kia.

Văn-Anh bực mình về câu trả lời viên-vòng của cậu út, chơi ở đang kia thì còn ai biết là chơi ở đâu, chẳng lẽ lại cứ Lỗi-gặng cậu mãi thì không tiện. Chàng có ý trách Bích-Đào, vì hôm về đến Lao-kay, chàng đã gửi điện-tức về báo cho vợ chồng ông Phán và nàng biết thế nào tối hôm ấy chàng cũng về tới Hà-nội. Thế mà tối hôm

ấy nàng không ở nhà đợi chàng về đã, lại nhẩy đi chơi.

Chàng ra nhà ngoài ngồi ăn cơm. Bữa cơm đáng lẽ ngon lắm, nhưng vì vắng mặt Bích-Đào xem ra chàng ăn có chiều uể-oải.

Chàng đương vừa ngồi ăn vừa nghĩ tới Bích-Đào, thì chợt nghe thấy tiếng nàng vui vẻ chào bạn ở ngoài cửa. Nét mừng lộ ra trên mặt, chàng vội nhìn ra thì vừa thấy Bích-Đào đi vào.

Bích-Đào vẫn tóc trần, rẽ ngôi lệch, đầu bôi nước hoa thơm nức, mặt đánh phấn, môi thoa son đỏ chót, tai đeo hoa dâm, mình mặc cái áo nhiễu tây màu rất mỏng, trông thấy rõ cả ống chân, tay xách cái ví dâm, ông-ẹo trên đôi giầy da đàn cao gót đi vào. Nàng vừa đi đến bên Vân-Anh vừa nhăn-nhó nũng-nịu nói :

— Kia anh! anh về lúc nào thế? Gớm em mong anh mãi. Lâu nay anh ở trên Lai-châu có được mạnh-khỏe không? Anh hãy cứ ăn cơm cho xong đi rồi ta sẽ nói chuyện.

Nàng nói liền-thoảng và làm những điệu-bộ lẳng-lơ khác nào như một cô đào nói với một quan-viên vậy. Trong khi nàng nói, Vân-Anh cứ chăm chú nhìn nàng, nét vui trên mặt chàng bỗng đổi ra vẻ sợ, chàng không ngờ nàng lại thay đổi chóng đến thế, thay đổi cả từ cái dáng-diệu cho đến cách ăn nói, bao nhiêu những cái vẻ dịu-dàng êm-dềm và e-lệ khi xưa, bây giờ đã đổi ra những vẻ thô-tục sỗ-sàng. Tuy bụng hãy còn đói, chàng và vội vàng hết bát cơm ấy, rồi chẳng kịp uống nước, chàng đứng dậy xách lấy vali và nói thoái-thác xin phép vợ chồng ông Phán để lại nhà người bạn làm ở nha-học-chính lấy cái giấy đi đường mà chàng đã nhờ bạn lấy hộ, để mai đi sớm đến chỗ trường mới. Vợ chồng ông Phán cố năn-nèo giữ chàng ngủ

lại đây, mai hãy lại nhà bạn, nhưng chàng bất-định không chịu ở. Mà từ hôm ấy chàng cũng không trở lại nhà ông Phán nữa.

Một tháng sau, bấy giờ Vân-Anh đương dạy học ở trường huyện H., chàng nhận được thư của mẹ gửi đến, bảo cho biết rằng ông Phán T. gọi cho cưới Bích-Đào và giục chàng nhờ người chọn lấy ngày lành rồi sắp sửa xin phép mà về làm lễ cưới. Xem xong thư, chàng trả lời vắn tắt mẹ rằng chàng không dám lấy Bích-Đào nữa. Mẹ chàng tưởng trong khi chàng dạy học ở Lai-châu, chàng đã lấy một người vợ Thổ giầu-giếm ở đâu hử, không thì cơ sao mà lại từ-hôn Bích-Đào. Bà cụ hơi có tính nghiêm-khắc và không muốn trái ước với người bạn thân của chồng, liền tốc thẳng đến chỗ chàng dạy học để xem xét tình-hình và hỏi chàng tại sao mà từ hôn Bích-Đào. Bấy giờ chàng mới kể thực chuyện với mẹ rằng :

— Trước kia thì chàng thực không yêu ai bằng Bích-Đào, nhưng bây giờ tả n-tình nàng đã đổi khác. Bích-Đào ngày nay không chín-chắn và thủy-mị như Bích-Đào hai năm về trước. Bích-Đào ngày nay chỉ thích ăn mặc theo lối tân-thời cho đẹp, và chỉ thích ăn chơi chứ không thiết làm ăn gì cả. Chàng sợ lấy nàng rồi thì cái số lương tháng hơn năm chục đồng của chàng không đủ sắm quần áo và mua phấn-sáp cùng nước hoa cho vợ.

Rồi chàng kết-luận : một người đàn ông cần-kiệm lương tháng lại ít thì không thể nào kết-duyên được với một cô gái tân-thời đã vô nghệ-nghiep lại thích diện cho sang.

Nghe Vân-Anh nói, mẹ chàng cũng thuận cho chàng từ-hôn Bích-Đào.

LÊ ĐỨC-NHUỘNG

KHẢO VỀ LUÂN - LÝ

HỌC-SỬ' NƯỚC TÀU (1)



XVII

CHƯƠNG TƯ NĂM

Tư-tưởng luân-lý đời Đường

TIẾT THỨ I. — Tóm đại-khái

Xét đại-khái về thời-thế. — Ông Lý Uyên nhân khi cuối đời Tùy rối-loạn, đánh lấy Trường-an mà lên ngôi làm vua, tức là vua Cao-tổ nhà Đường. Nối ngôi vua Cao-tổ là vua Thái-tôn. Vua Thái-tôn giúp Cao-tổ dựng nghiệp nhà Đường, công lao rất lớn; lại dùng được nhiều kẻ hiền-thần ủy-giao cho việc nước, hết sức làm việc chính-trị. Nước Tàu khi ấy thịnh-trị lắm, gọi là đời thịnh-trị năm Trinh-quân. Thế-lực nhà Đường lan khắp ra các nước, như là những nước : Thổ-phồn, Đột-quyết, Ấn-độ, Khiết-dan, Thập-vi, Mạt-bạt. Nước Nhật-lân từ đời Đường Thái-tôn cho đến cuối đời Đường cũng có sai sứ đưa lưu-học-sinh sang nhà Đường để thân lấy văn-hóa đời Đường.

Sau khi vua Đường Cao-tôn mất đi rồi, thì có bà Thái-hậu lên làm vua cầm quyền, làm rối-loạn cả quốc-chính, tức là bà Tắc-thiên Võ-hậu. Bà Hoàng-hậu vua Trung-tôn là họ Vi cũng chuyên giữ quyền-chính, thế-lực nhà Đường mới dần suy đi. Đến đời

vua Huyền-tôn mới trừ được họ Vi đi, lên làm vua, trông gương những tệ-chính đời trước, bèn kén dùng lấy người hiền-tướng để giúp việc, răn bỏ những thói xa-xỉ, chấn-chỉnh lại chính-trị, thế nước nhà Đường lại thịnh lên, gọi là đời thịnh-trị năm Khai-nguyên. Khi ấy thế nước nhà Đường giàu mạnh mãi lên, mới đặt chức Tiết-độ-sứ ở những nơi cõi-yên để phòng-bị ngoài biên-thùy. Nhưng quyền-lực của quan Tiết-độ-sứ ngày càng to, thế-lực lằng-lắm không thể hạn-chế được, nên mới sinh ra một hồi loạn An Lộc Sơn. Sau hồi loạn Lộc-Sơn rồi, chế-độ và tài-chính trong nước đều rối-loạn cả, ngoài thì có Tiết-độ-sứ lằng-bức, trong thì có kẻ hoạn-quan chuyên-quyền, trong ngoài liên-lạc với nhau làm lay-chuyển cả chính-quyền, ngôi thiên-tử thường bị phế đi lập lại luôn, chính-trị hủ-bại đạt đến cực-điểm. Khi ấy ở phương đông trộm giặc nổi lên, vào đánh đất Trường-an cướp mất nhà Đường. Nhà Đường kể từ vua Cao-tổ đến Thái-tôn, Cao-tôn, Trung-tôn, Duệ-tôn, Huyền-tôn, Túc-tôn, Đại-tôn, Đức-tôn, Thuận-tôn, Hiến-tôn, Mục-tôn, Kinh-tôn, Văn-tôn, Võ-tôn, Tuyên-tôn, Ý-tôn, Hi-tôn, Chiêu-

(1) Nguyên-văn của người Nhật Tam-phổ-dùng-tác, Trương Tôn-Nguyên, Lâm Khoa-Đường dịch ra Hán-văn. Xem Nam-Phong từ số 168.

lớn, công là mười chín đời vua, 290 năm thì mất.

Xét đại-khái về cõi tư-tướng. — Nhà Đường khi mới sáng-nghiệp đã định ra những chế-độ về quan chế, điền-chế, binh-chế, học-chế. Học-chế thì ở kinh-sư đặt ra nhà Quốc-tử-học Đại-học, Từ môn-học, ở ngoài châu huyện thì đặt ra các nhà học-hiệu. Những người xuất-thân ở học hiệu ra gọi là sinh-dồ. Ngoài châu-huyện lại cho khảo xét để rộng tìm kẻ nhân-tài. Người nào đỗ lên gọi là hương-cống. Những người hương-cống sinh-dồ lại vào thi ở bộ Lễ trong kinh, người nào đỗ lên thì dùng ra làm quan-lại. Vua Thái-tôn là người rất chuộng văn-học, khi mới lên ngôi đặt ra Hoảng-văn quán, kén lấy những kẻ sĩ văn-học cho là học-sĩ. Lại với những bậc danh-nho trong thiên-hạ cho làm học-quan. Sai ông Nhan-Sư-Cổ hiệu chỉnh những chỗ sai-lầm trong sách Ngũ-kinh, Khổng Dĩnh-Đạt làm ra sách *Ngũ-kinh chỉnh-nghĩa*. Bởi thế những người học-giả ần-dật mới lần-lượt hiện ra đời, mà những sách tan mất ở trong thiên-hạ cũng dần-dà sưu-lập lại. Đời vua Thái-tôn Huyền-tôn, những sách vở ở trong bí-thư-phủ có đến hàng vạn quyển. Song những sách đời ấy mới là bản sao chép lại, vì đời ấy chưa có cái thuật ấn loát. Đời Đường từ Cao-tổ Thái-tôn đã khích-khuyến việc học, nên học-phong thịnh dần mãi lên. Song những kẻ học-giả đời ấy chỉ chần v về văn-thơ, còn đến việc nghiên-cứu nghĩ sách thì suy kém lắm.

Từ đời Lục-triều trở lại, Đạo-giáo và Phật-giáo đã thấm-thía vào nhân-tâm, nên đến đời Đường lại càng thịnh lên. Những các đời vua cũng có ông tin theo Đạo-giáo mà bảo-hộ cho Đạo-giáo, cho nên Đạo-giáo truyền-bá

cũng rất tiện-lợi. Song cái thế-lực vẫn không bằng Phật-giáo. Phật-giáo từ đời trước truyền lại đến đời Tùy đời Đường là một thời-kỳ rất 'ong-thịnh, có nhiều bậc cao-tăng ra đời, phát-khởi ra các tông-phái cũng nhiều. Vả nhau có Phật-giáo thịnh lên nên nghề mĩ-thuật của Phật-giáo phát-dạt lên cũng chóng, ảnh hưởng đến cả nước Triều-tiên và Nhật-bản.

Đời Đường thế lực lan khắp ra các nước láng giềng, nên có giao-thông với các nước cũng nhiều, bởi thế mới truyền đến nhiều tông-giáo mới, như là: Yên-giáo. Cảnh-giáo, Ma ni-giáo, Do-thái-giáo. Yêu-giáo tức là giáo Tào-la-á-ti-thắc (*Zoroaster*); Cảnh-giáo tức là Gia-tô-giáo về phái Nam-tư-thao-lưu (*Nestorius*), đều từ nước Ba-tư truyền vào khi đời Thái-tôn nhà Đường; mà truyền-bá rất chóng, song những thế-lực giáo ấy vẫn không bằng Phật-giáo với Đạo-giáo.

TIẾT THỨ II. — Nho-giáo đời Đường

Vua Đường Thái-tôn là một bậc anh-minh quân-chủ nối sau đời Cao-lỗ, chuyên khích-lệ về việc học-văn. Tư-tướng đời ấy đã bị phải Đạo-giáo với Phật-giáo chi-phối hết cả. Vua Thái-tôn cũng phải tôn-kính Lão-tử và Thích-già. Nhưng lại xét biết rằng Nho-giáo là một yếu-đạo để giúp đời trị dân, bèn nhận Nho-giáo cho làm chính-giáo của nhà-nước, mà định ra phương-pháp để làm cho phổ-thông.

Đời Đường vì có ông vua tướng-lệ về Nho-giáo, nên những người bác-học năng-văn mới xuất-hiện ra. Những nhà học huấn-hỗ như là: Lục Đức-Minh, Khổng Dĩnh-Đạt, Nhan Sư-Cổ. Nhà văn-chương như Hàn-Dũ, Liễu Tôn-Nguyên; thi-gia trước nhất thì có Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư-Dị, và Vương

Hội, Dương Quynh, Lư Chiêu-Lân, Lạc Tân-Vương, Đỗ Thâm-Ngôn, Vương Xương-Linh, Cao-Thích, Vương-Kiến, Đỗ-Mục; nhà chữ tốt thì có Nhan Chân-Khanh, Ngu Thế-Nam, Chử Toại-Lương, Âu Dương-Tuân, Trương Húc. Song kể về văn-thơ thì phát-dạt hơn trước nhiều, nhưng về đường nghiên-cứu kinh-nghĩa thì còn kém lắm. Suốt đời Đường hơn 290 năm, mà người có tiếng ở trên tư-tướng-sử chỉ có hai người là Hàn-Dũ với Lý-Tường. Về đường nghiên-cứu kinh-nghĩa sở dĩ còn kém, cái nguyên-nhân nó bởi tại định ra sách *Ngũ-kinh chính-nghĩa*. Nguyên từ đời Nam Bắc-triều trở lại, nhiều người bàn xét về kinh-nghĩa vẫn phân-tranh nhau luôn, vua Thái-tôn muốn cho học-thuyết thống-nhất, mới sai Khổng Dĩnh-Đạt định ra sách *Ngũ-kinh chính-nghĩa*. Sách *Ngũ-kinh chính-nghĩa* thì có *Châu-Dịch chính-nghĩa* 10 quyển, *Thượng-thư chính-nghĩa* 20 quyển, *Mao-thi chính-nghĩa* 70 quyển, *Lễ-ký chính-nghĩa* 70 quyển, *Xuân-thu Tả-truyền chính-nghĩa* 60 quyển. Từ khi *Ngũ-kinh chính-nghĩa* đã tuyên định ra rồi, thì bao nhiêu những học thuyết phân-tranh tự đời Nam Bắc-triều trở lại mới tuyệt-diệt đi. Kể học-giả chỉ học thuộc lòng lấy bộ *Ngũ-kinh chính-nghĩa*, không còn ai chịu cố sức sáng-lập ra tân-thuyết nữa, nên cái kết-quả khiến cho những người nghiên-cứu về Nho-giáo, mới phải đốn-tỏa mà suy kém dần.

Hàn Dũ 韓愈. — Tên tự là Thoái-chi, người đất Nam-duong thuộc về Đặng-châu. Nguyên ở đất Xương-lê, nên mới lấy tên đất làm hiệu. Sinh về năm Đại-lịch thứ ba (768) đời vua Đại-tôn, mất về năm Trường-khánh thứ tư (824) đời vua Mục-tôn, thọ 57 tuổi. Ông khi mới lên ba tuổi thì mồ côi cha,

chị dâu là Trịnh-thị mới nuôi cho đi học. Ông cố gắng hết sức học-hành, thông cả sáu kinh và những sách chữ-từ bách-gia. Thi đỗ tiến-sĩ, làm quan đời vua Hiến-tôn đến chức Hình-bộ Thị-lang. Ông là người tháo-hoạch kiên-cố, thực là một kẻ nho-giả cốt-ngạnh. Khi vua Hiến-tôn rước Phật-cốt vào trong cung, ông dâng bài biếu lên can-ngăn. Hiến-tôn cả giận, muốn đem xử tử-hình, sau giáng làm quan Thự-sử Trào-châu. Rồi lại triệu về cho làm Binh-bộ Thị-lang, tiến lên làm Lại-bộ Thị-lang. Từ sau khi Tư-Mã Thiên, kể về văn-chương thì có một mình ông hơn cả, nên đặt tên thụy là Văn Văn. Những sách ông làm ra thì có *Hàn Xương-lê tập* 40 quyển, *Luận-ngữ bút-giải* 2 quyển, *Thượng-tôn thực-lục* một quyển. Sách *Luận-ngữ bút-giải* cũng có thuyết bảo rằng không phải tự ông làm ra. Hàn Dũ tự-nhiệm là bậc thuân-thủy nho-giả, nên hay bác Phật-giáo và bài xích cả Lão Trang.

Luận về tính người — Hàn Dũ luận về tính người thì thấy nói ở trong thiệu *Nguyên-tính-luận*, theo về cái thuyết «tính tương cận, lập tương viễn» và «duy thượng-tri dĩ hạ-ngu bất-di» của Khổng-tử mà lập làm cơ-sở, rồi mới xướng ra cái thuyết tính có ba phẩm. Ông lại phân-biệt tính với tình, cho tính là tự khi người ta mới sinh ra đã có, còn tình thì khi nào tiếp-xúc đến sự-vật mới sinh ra. Những điều nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, đều sẵn đủ cả ở trong tính. Tính sở dĩ là tính là cốt tại thể. Còn như những khi mừng, giận, thương, sợ, yêu, ghét, muốn, là cái tính-bất của tính. Tính sở dĩ là tính là bởi đó. Tính với tình phân ra có thượng, trung, hạ ba bậc: Bậc thượng là thiện, bậc trung thì có thể dặt lên dặt xuống cũng được, bậc hạ thì

là ác. Ông lại bàn về tính bậc thượng thì cốt lấy tín làm căn-bản, mà đủ cả những điều nhân nghĩa lễ-trí. Tính bậc trung thì không thể hoàn-toàn được cả năm điều. Tính bậc hạ thì không có cả năm điều. Ông lại bàn về tính có ba hàng, tính bậc thượng thì dấu động đến thất-tính mà vẫn xử được bậc trung-thượng. Tính bậc trung thì dấu có quá với bất-cấp, nhưng rồi lại trở về bậc trung. Tính bậc hạ thì quá và bất-cấp mà không trở lại trung được nữa. Lại thuật về những điều quan-hệ của tính với tính, cho rằng tính dữ là bậc thượng thì tính cũng là bậc thượng, tính bậc trung thì tính cũng trung-thượng, tính bậc hạ thì tính cũng thấp kém.

Thuyết luân-lý. — Thuyết luân-lý của Hàn Dũ cũng thấy bàn ở trong thiên *Nguyên-dạo*. Thiên *Nguyên-dạo* là một bài luận-văn của ông rất là chú-lực. Thuyết luân-lý của ông thực là thuộc về tông h Nho-giáo mà kiến-thức tự thành một nhà; ông lại cho rằng truyền-thống của Nho-giáo đến đời thầy Mạnh là tuyệt, mà ông tự-nhiệm là một người ở sau đời thầy Mạnh. Ông thiệu-thuật Nho-giáo có nhiều thuyết cũng là tự tâm-dã, như là cho sách *Hại-học* là khéo truyền được cái tinh-thần của Nho-giáo, thực là một điều trác-kiến. Đối với những thuyết của Khổng tử nói về điều nhân, Mạnh tử thì nói nhân-nghĩa, Hàn Dũ lại nói cả nhân, nghĩa, đạo, đức, hoặc là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Thế thì bốn chữ nhân-nghĩa đạo-đức là trước tự ông Hàn Dũ. Ông có thuyết-minh về nghĩa bốn chữ nhân-nghĩa đạo-đức rằng: « Rộng yêu gọi là nhân, làm mà phải gọi là nghĩa; cứ theo điều phải mà đi gọi là đạo; có đủ ở trong mình không đợi cầu ở ngoài gọi là đức ».

Hai chữ đạo-đức tự Lão-tử dùng ra, nhưng Lão-tử gọi là đạo-đức cùng với Khổng-tử gọi là đạo-đức, tuy rằng chữ giống nhưng mà nghĩa khác. Hàn Dũ muốn biện rõ cái đạo-đức của Lão-tử là khác, nên mới phát minh ra lời lẫn-ngữ ấy. Thuyết ngũ-luân tự đời cổ truyền lại đến Hàn Dũ chủ-trương lấy cái đạo vua tôi, cha con, thầy bạn, chủ khách, anh em, vợ chồng, cho làm sáu luân, để thay cái thuyết ngũ-luân, cũng là một lần-thuyết vậy.

Bài-bác Phật Lão. — Hàn-Dũ tự-nhiệm là chính-thống của Nho-học mới làm ra một bài *Nguyên-dạo luận* để công-kích Đạo-giáo và Phật-giáo. Cái lẽ căn-bản của ông hết sức công-kích Đạo-giáo Phật-giáo là cho rằng hai giáo ấy trái với cái đạo trị nước.

Ông lấy bậc cái lý-tưởng của Lão-tử, cho rằng Lão-tử có cái lý-tưởng lại muốn hồi về đời thái-cổ, mới tưởng-tượng bịa ra một đời thái-cổ trị-bình, nhưng kỳ thực đời thái-cổ quyết không phải là đời trị-bình, đó là một xã-hội còn mờ-mịt, cha con anh em chưa biết thân yêu nhau, hề thấy kiếm được thức ăn gì thì tranh cắn lẫn nhau. Đấng thánh-nhân mới chế ra lễ-nhạc để thư-sướng cho tình tình người ta, và để cứu chữa cái tình-trạch, tranh-cướp lẫn nhau. Bởi vậy đấng thánh-nhân mới lập ra chế-độ là muốn trị-bình thiên-hạ không thể thiếu được. Nếu chế thánh-nhân mà bảo rằng: « Ông thánh-nhân không chết thì không bao giờ thôi được giặc cướp », đó là không biết cái chân-ý của thánh-nhân vậy. Hàn-Dũ lại bài-bác cái thuyết nhân-nghĩa của Lão-tử, cho rằng Lão-tử chỉ biết về đường nhân-nghĩa vật, cũng như ngồi dưới giếng mà trông lên trời thì tưởng trời là nhỏ. Lão-tử lấy

những sự rủ-rỉ làm nhân, lẫn-mẫn làm nghĩa, nhân của bậc thánh-nhân thì quyết không phải hẹp-hòi như thế. Thích-nghĩa rõ ra thì rộng yêu mới gọi là nhân, làm mà hợp-nghĩ mới gọi là nghĩa, hợp cả nhân với nghĩa lại thì tức là đạo đức. Còn như cái nhân-nghĩa vật của Lão-tử, thì không phải là cái chí của thánh-nhân vậy.

Hàn-Dũ lại cho Phật-giáo là những lời quái-dẫn kỳ-quặc, đủ làm hại cho nhân-tâm; bảo rằng Phật-giáo bỏ cả đạo vua tôi cha con, lại cấm cả đường sinh-dưỡng, mà theo về đường thanh-tĩnh tịch-diệt, thế là chỉ muốn trị yên lấy cái tâm mình mà bỏ ng ai cả việc thiên-hạ nước-gia, con chẳng biết yêu cha, tôi chẳng biết tôn vua, dân chẳng biết chăm việc của mình. Nhưng không biết rằng người ta sinh còn ở trên đời, trước phải có cái đạo tương-sinh tương-dưỡng, nếu vua ra lệnh mà bề tôi chẳng vâng theo, thì nhân-dân không được hoan-toàn kiếp-sống. Thế cho nên cả phàn vua tôi, cái nghĩa cha con, tức là giúp cho cái đạo dưỡng-sinh không thể bỏ được. Hàn-Dũ lại dâng bài *Phật cốt-biêu* lên can vua Hiến-tôn, bảo rằng Phật là người di-dịch, muốn tin theo đề cầu lấy thọ-mệnh, không những là không thể được, mà lại sinh ra cái vạ làm hoặc cả nhà nát. Nếu quả có ông Phật sống mà lại châu, thì chẳng qua thủ-tiếp lấy cái lễ bài-yết mà thôi. Nay đem rước cái xương tan vào trong cung thì rõ là vô-vị, nên đem vứt vào nước lửa để giải sự nghi-hoặc cho thiên-hạ. Xem thế thì biết Hàn-Dũ ghét đạo Phật như thế nào.

Lời phê-bình. — Hàn-Dũ là một nhà văn-chương đệ-nhất-lưu ở về sau đời Lục-triều, lại là một nhà kinh-bọc suốt đời Đường không ai hơn được. Nguyên từ đời Lục-triều trở lại vẫn lưu-bánh cái thẻ văn biên-lệ đối nhau từng câu, văn chương đã mất cả khí phách, Hàn-Dũ mới theo lối văn của Tư-Mã Thiên, Ban-Cổ, mà xướng lên một thẻ văn-chương hùng-hồn cương-khien, nên Tô Đông-Pha có khen rằng: « Văn ông hay chấn-khởi được sự suy-vi từ tâm đời trước ». Ông lại là một kẻ chính-trực mà ôm chí kinh-luân giúp đời, dẫn uy-vũ cũng không chịu khuất, nghị-luân hùng-hồn, thế mà suốt đời vẫn-vấp không được gặp thời, cái tiết-thảo thanh-bạch thực đáng kính vậy. Hàn Dũ lại tự-nhiệm là một nhà Nho-giả thuần-túy, cực-lực bài-xích đạo Phật đạo Lão, so với những nhà học-giả đời Tống đời Minh, tuy mượn tiếng là bài-bác Phật Lão mà vẫn ngầm lẫn cả thuyết Phật Lão, thì cái thái-đo của ông Hàn lại càng rõ-rệt hơn. Song ông không nghiên-cứu cho kỹ cả học-thuyết của đạo Phật đạo Lão, mà chỉ bài-xích bừa di, thì cũng không khỏi có điều nghị-luân còn là bi-tướng, mà cái tư-tưởng cũng còn là thiên-bạc. Tuy ông nổi tiếng về văn-chương, mà về phần tư tưởng thì cũng không có gì. Ấy một nhà tư-tưởng hơn nhất ở đời Đường mà còn như thế, thì cái cội triết-học về đời ấy không chấn-chinh lên được cũng là bởi thế vậy.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU dịch-thuật

— ĐỜI SÚNG ĐẠN —

Một truyện trinh-thám mạo-hiểm hồi Âu-chiến (1)

IX

Trong khi bọn Mã-tu đem Lê-Ti và Mạch-Hải ra xe đi thì trong bụi cây gần đấy vẫn có một người đàn ông lực-lưỡng che mặt nạ đứng nhìn hết cả. Người ấy tay cầm súng, đã toan chạy ra cứu hai người, nhưng chợt nghĩ thế nào nên lại lánh mặt không ra. Chiếc xe hơi hồng-thập-tự đi rồi và Mã-Tu cũng đã trở vào, người ấy mới kéo chiếc mặt nạ xuống, thì quái lạ thay, người ấy là ai? Ấy là người vì nghĩa bỏ mình, nhà chánh trinh-thám của nước Mỹ là Khắc-Tur đó. Nhưng Khắc-Tur đã chết rồi kia mà?

Mã-Tu lập kế đem được bọn Lê-Ti vào nhà thương phong rồi, cho rằng đại-công thế là thành, lấy làm đắc-ý lắm. Vừa lúc ấy viên giám-đốc nhà thương phong là bác-sĩ Khang-Đồn gọi giấy nói lại hỏi, Mã-Tu bốn-hở trả lời, bảo rằng đã bắt được hai đứa ấy rồi, hiện đang đưa về nhà thương đấy, chỉ độ nửa giờ nữa thì về đến nơi; từ nay việc bí-mật của nước nhà không sợ tiết-lậu nữa, sự thắng-lợi trong chính-chiến có thể hi-vọng được. Duy

phải giam-cầm hai đứa ấy cho thật nghiêm-mật, giám-thị cho thật cẩn-thận, đừng để chúng trốn mất, đó là việc yến cần v. v. .

Mã-Tu vui sướng tự-dắc, gọi người nữ-dăng-viên giữ việc nhà bếp ra bảo rằng :

— Hôm nay đảng ta có ba người mới ở tò-quốc đến Pháp sẽ ăn cơm ở đây, chị liệu dọn bàn và sắp-sửa thức ăn đi.

Nữ-dăng-viên vâng một tiếng rồi tất-tả đi dọn bàn. Mã-Tu một mình ngồi ở trong phòng, ngửa mặt lên trần dường như nghĩ-ngợi. Đang mơ-màng thì chợt Khắc-Tur ở đâu hiện vào, mặt đeo mặt nạ, tay cầm súng, đến vỗ vào lưng Mã-Tu sẽ nói :

— Mặc-Nhĩ tướng-quân ! Bây giờ tôi mới tìm được ngài. Biết điều thì cứ im, nếu không thì súng này tất nổ.

Mã-Tu giật mình quay lại, ngạc-nhiên kinh-hãi, mặt tái đi, bất-dắc-dĩ phải giơ tay lên hàng. Khắc-Tur nghiêm-nghị nói :

— Những hành vi của mày tao đây biết cả rồi. Thương thay cho Mặc-Nhĩ tướng-quân, vì mày mà bị hại, thực là

(1) Xem Nam-Phong từ số 197.

một điều đáng giận. Mày mượn cái mặt mày giống tướng-quân để lừa người, nhưng lừa được ai chứ không lừa được tao. Bây giờ tao phải trả thù cho tướng-quân Mặc-Nhĩ.

Nói xong, Khắc-Tư toan trói Mã-Tu thì chầy gờ ba tên đồ-dăng của Mã-Tu vừa đến. Đây cửa vào, ba đứa trông thấy cái cảnh tượng Mã-Tu bị bắt thì giật mình, mới chia nhau ra bỏ vây lấy Khắc-Tư. Khắc-Tư hăng-hải tả xung hữu đột, đánh với cả bốn người. Được một lúc thì chàng mất súng. Than ôi, có một mình đánh với bốn người mà lại mất súng thì chàng chống đỡ làm sao lại được, nên kháng-cự được một lúc thì chàng bị bắt. Lột mặt nạ ra, Mã-Tu không biết chàng là ai, mới qua lại bảo đồ-dăng :

— Thằng này đã biết hết những hành-vi bị-mất của ta rồi, giam cô nó lại để tra xét rồi cho nó phát súng để lấp cái mồm nó lại.

Mấy tên đồ-dăng bèn lấy thừng trói Khắc-Tư lại rồi đem đến một cái buồng nhỏ. Cái buồng này đồ-dặc bày-biện rất sơ-sài chỉ có một cái giường, một cái bàn tròn và mấy cái ghế mà thôi. Chúng quăng Khắc-Tư vào cái giường khóa cửa lại, rồi cùng nhau ra ăn uống. Bốn tên quây-quần chung quanh cái bàn chén chầu chầu anh, cười nói huyền-thiên, rất là vui sướng. Được một lúc thì đồng-hồ đánh hai giờ, Mã-Tu đứng dậy nói xin lại bỏ tư-lệnh một lát, mời các người hãy ngồi đợi ở đây, chúng sẽ về ngay. Thằng họ võ-trang vào, Mã-Tu nghiêng-ngang đi ra một cách đường-hoàng lẫm-liệt.

Lệ-Ti và Mạch-Hải bị chúng bắt đến nhà thương phong, đứng trước mặt

viên giám-đốc nhà thương là bác-sĩ Khang-Đồn, Lệ-Ti lớn tiếng hỏi :

— Tôi với Mạch-Hải không bệnh-tật gì, ông nghe người nói láo mà bắt chúng tôi đến đây là nghĩa gì ?

Khang-Đồn lắc đầu :

— Đó là tự Mặc-Nhĩ tướng-quân bảo với tôi rằng các người bị bệnh phong, vậy nghĩa-vụ tôi là phải bắt các người đến đây để điều-trị chứ sao ?

Hai người nghe nói nổi giận dùng-dùng, đều chỉ tay vào mặt Khang-Đồn mà mắng thăm-lệ, nhưng Khang-Đồn chẳng kể vào đâu, cứ sai người bắt giam mỗi người một nơi khóa chặt cửa lại.

Khắc-Tư bị chúng trói ném nằm chổng-gọng ở trên giường, nhìn ra chung quanh, chàng cố tìm lấy một kế để thoát thân. Chợt thấy trên mặt cái bàn tròn có một gói thuốc lá và bao diêm, chàng sực nghĩ ra được một kế lấy làm mừng lắm. Chàng cố lặn cho ngã xuống đất, rồi lại cố lặn cho đến chân cái bàn, hết sức đập vào cái bàn, cái bàn đổ xuống, bao diêm và gói thuốc cũng rơi xuống. Chàng lấy gót giày cứ đập mãi vào bao diêm, diêm bị đập nóng và cọ sát vào nhau mới bật lóe ra lửa cháy bùng bùng. Chàng mới giơ tay lên ngọn lửa để đốt cái dây trói. Chàng phải nghiêng rặng mà chịu rất chịu bỏng xém cả hai tay mới đốt đứt được cái dây. Thế là cởi được trói tay, chàng ngồi dậy cởi nốt cho hai chân. Đứng dậy được, chàng ngửa mặt lên trời mỉm cười, trên sắc mặt vui mừng, chàng tỏ ra rằng chàng có hi-vọng thoát được.

Sau khi mở được cửa-sổ nhảy ra sân, Khắc-Tư chạy một mạch ra ngoài cửa. Ở đây, một chiếc xe hơi đã đỗ sẵn, người tài-xế đang cúi-húi sửa máy.

Khắc-Tur chạy đến đâm một cái thạt mạnh vào gáy người tài-xế, người tài-xế choáng-váng ngã quay ra. Chàng nhẩy dè lên ngực, rồi hai tay bóp lấy cổ. Người tài-xế bị đâm vào chỗ hiểm nên chỉ rầy-rua được một lúc là chết. Khắc-Tur lột lấy bộ quần áo tài-xế mặc vào cho mình rồi vác xác người tài-xế vứt qua cửa sổ vào trong buồng. Xong đầu vào đây chàng tự ngắm mình rõ ra là một người tài-xế, duy còn cái mặt chàng sợ người nhận biết được, mới lấy cái áo tơi khoác ra ngoài rồi kéo cao cổ áo lên đến tận mũi, kéo sụp chiếc mũ xuống gần mắt, thế là khác hẳn thân-hình, dù người quen biết cũng khó bề nhận được. Một lúc Mã-Tu ở trong nhà đi ra lễ-g-lặng lên xe, chàng cũng ngồi ngay vào chỗ của người tài-xế rồi mở máy cho xe chạy thẳng đến bộ tư-lệnh.

Mã-Tu không những mặt giống Mặc-Nhĩ tướng-quân mà lại giống cả cái giọng nói, cho nên những bộ-hạ không ai biết chàng là Mặc-Nhĩ tướng-quân giả. Đến bộ tư-lệnh, Mã-Tu vào ngay buồng giấy. Tìm trên bàn giấy, chàng nhặt được một bức ảnh, dưới có đề mấy hàng chữ : « Khắc-Tur, chánh sở trình-thăm nước Mĩ », chàng cầm lấy ngắm đi ngắm lại, thì thấy người trong ảnh thật là giống người chàng bắt được ở nhà Mặc-Nhĩ. Bấy giờ chàng mới biết rằng những cơ-mưu bí-mật của chàng đã bị nhà trình-thăm Mĩ biết hết cả rồi, mới nổi giận, cầm bức ảnh xé tan ra từng mảnh. Chàng giận-dữ quay trở ra, thì vừa gặp Khắc-Tur và viên Tổng-tư-lệnh tiến vào.

Mã-Tu đột-nhiên trông thấy Khắc-Tur thì giật mình thất sắc, khôn-xiết lúng-lúng hãi-hùng. Khắc-Tur tay cầm cái kính một mắt, cười nhạt rún vai nói một cách chế-nhạo :

— Ông Mã-Tu, ông thù gì cái ảnh của tôi mà lại xé nó ra như thế ?

Mã-Tu nghe nói trên mình, toan sẵn đến đánh, nhưng viên Tổng-tư-lệnh tiến lên, trừng con mắt sáng quắc nhìn Mã-Tu. Mã-Tu biết thế mình kém, mở cái cửa bên toan chạy ra ngoài, nhưng cánh cửa vừa mới mở thì phục-binh ở ngoài ập vào. Mã-Tu đành thúc-thủ, đứng cúi gằm mặt xuống đất. Viên Tổng-tư-lệnh đến lột hết những huy-chương ở trên áo Mã-Tu, rồi lớn tiếng mắng :

— Đồ khốn-non! Mày lấy nguy-kế giết chết Mặc-Nhĩ tướng-quân, mày phải chết. Những huy-chương này là những vật vinh dự của nước Pháp ta, mày là con chó của quân thù ta, sao đáng được đeo.

Nói xong, Tổng-tư-lệnh sai trói Mã-Tu dẫn ra sân trại xử bắn.



Lệ-Ti bị tù ở nhà thương phong, một mình trong một cái buồng, lấy làm buồn-bực lắm. Gặp lúc người đàn bà khản-hộ đem cơm chiều vào, trong trí nàng mới nảy ra một kế. Nàng lấy cái khăn quàng ra, quàng ngay vào cổ người khản-hộ trong lúc người này vô-ý, rồi hai tay thắt lại thật chặt. Người đàn bà khản-hộ vùng-vẫy kháng cự, nhưng không phải là địch-thủ với Lệ-Ti nên bị nàng giết ngã xuống đất, rồi bị nàng thắt cổ chết. Lệ-Ti lột lấy bộ áo khản-hộ mặc vào mình rồi mở cửa chạy ra, đang tìm cách để cứu Mạch-Hải thì chợt nghe có tiếng giầy ở đằng xa đi lại. Nàng ngừng lên nhìn thì là bác-sĩ Khang-Đồn. Lệ-Ti sợ-hãi luống-cuống, đành cúi đầu xuống mà đi, nhưng bác-sĩ thấy người khản-hộ đi trước mặt mình mà sao lại có

ý giấu mặt, mới gọi bảo đứng lại. Kịp khi nhìn rõ mặt, bác-sĩ mới giật mình, buột mồm kêu lên : Lệ-Ti !

Lệ-Ti biết sự đã bại rồi, toan sấn qua Khang - Đồn mà chạy, nhưng Khang-Đồn giang hai tay ra cầu lại. Lệ-Ti nổi giận dấm cho một cái vào giữa ngực, rồi ù té chạy. Khang-Đồn cần rắng nhìn đau vừa chạy vừa kêu cầu-cứu. Khi ấy ngoài đường có hai người cảnh-sát đang đứng nói chuyện với nhau, thấy Lệ-Ti thì chạy mà Khang-Đồn thì vừa đuổi vừa kêu, mới chạy vào để bắt Lệ-Ti. Sau lưng Khang-Đồn đuổi theo ra, trước mặt cảnh-sát ập vào, Lệ-Ti ở giữa không cánh để bay lên trời nên đành chịu bắt. Khang-Đồn nói với bọn cảnh-sát rằng Lệ-Ti là người bị bệnh phong, nhờ hai người cưỡng-bách bắt giam lại bộ.

Lệ-Ti đã hết lời biện-bạch, nhưng hai người cảnh-sát không tin, nhất-dịnh bắt nàng để giam lại. Chính lúc hai bên đang đằng-co nhau thì một đội hiến-binh rầm rầm đi ở bên ngoài. Người chỉ-huy là một trang thiếu-niên trượng-phu, mặc áo tơi đen, khi-vũ hiên-ngang, uy-phong lẫm-liệt. Người ấy là ai? Lại chính là nhà chánh sở trình-thám Hoa-kỳ : Khắc-Tur !

Nguyên Khắc-Tur sau khi bắt được Mã-Tu rồi, bèn xin với viên Tổng-tur-lệnh giúp thêm quân lính để đi bắt nốt những đồng-dăng vây canh của Mã-Tu. Viên Tổng-tur-lệnh mới cấp cho Khắc-Tur mười lăm hiến-binh đi giúp sức. Khắc-Tur liền đốc-suất hiến-binh đến nhà Mặc-Nhĩ tướng-quân. Khi ấy ba tên đồng-dăng của Mã-lu vẫn còn ở đây, đang cùng nhau ăn uống say-sua, Khắc-Tur và hiến-binh ập vào bắt được hết cả. Khi giải về bộ

Tur-lệnh qua nhà thương phong thì vừa gặp Lệ-Ti đang bị cảnh-sát bắt, Khắc-Tur mới can-thiệp vào cứu được Lệ-Ti. Khắc-Tur biết bác-sĩ Khang-Đồn cũng là trình-thám của Đức mới sai hiến-binh xích tay lại cùng với ba tên Đức kia giải về bộ Tur-lệnh.

Lệ-Ti nhìn đến người đã cứu mình, tưởng là ai, chẳng ngờ lại là người mà nàng vẫn đinh-ninh rằng đã chết rồi. Nàng nửa tin nửa ngờ, thất-thanh hỏi :

— Ông Khắc-Tur ! Có phải Khắc-Tur đấy không ? Tôi tỉnh hay mê thế này ? Khắc-Tur đã chết rồi kia mà ?

Khắc-Tur lại gần nắm lấy tay Lệ-Ti, cười :

— Phải, tôi đây. Cô đừng lạ, tôi chưa chết đâu. Sự tôi chết đó là giả mà thôi. Rồi cô sẽ biết.

Lệ-Ti thấy Khắc-Tur quả-nhiên còn sống thì vui mừng quá, mới nói chuyện đầu đuôi cho Khắc-Tur nghe. Khắc-Tur vội-vàng cùng Lệ-Ti vào trong nhà thương để cứu Mặc-Hải.



Hôm sau, Lệ-Ti đang một mình ngồi ở trong buồng thì Mặc-Hải vui-vẻ cầm một bó hoa đến tặng nàng. Lệ-Ti cầm hoa mỉm cười cảm ơn, rồi đem cắm vào một cái bình bằng pha lê để ở trên bàn. Hai người đang trò-chuyện thì Khắc-Tur cũng đẩy cửa vào. Khi ấy Lệ-Ti nghĩ đến Khắc-Tur đã bao phen hi-sinh tính-mệnh để cứu mình, thì trong lòng cảm-khích vô-cùng, quên hẳn cái thái-độ lãnh-dạm ngày trước mà coi Khắc-Tur cũng như Mặc-Hải. Tình cờ không hẹn mà nên, bấy giờ Khắc-Tur cũng cầm một bó hoa hồng đến tặng Lệ-Ti. Lệ-Ti trông thấy Khắc-Tur vui mừng chạy ra đón tiếp, nắm

tay mời ngồi. Khắc-Tư lễ phép nghiêng mình, miệng mỉm cười, hai tay nâng bó hoa. Lệ-Ti nhận hoa tỏ ra ý vui-sướng, ôm bó hoa để lên môi hôn một cách nồng-nàn. Mạch-Hải đứng ở bên thấy thế, trong lòng nổi ghen, mặt đỏ bừng cúi gằm xuống. Lệ-Ti biết ý, mới đem hoa của Khắc-Tư cắm vào một cái bình khác, rồi trở vào hai bình hoa tươi-cười nói với hai người:

— Hoa của hai ông cho đều tươi đẹp cả, tôi lấy làm ưng ý lắm.

Mạch-Hải nghe nói thế mới nguôi lòng. Ba người ngồi nói chuyện với nhau hồi lâu, một lúc Khắc-Tư nghiêm sắc mặt nói với Lệ-Ti:

— Chiều hôm nay, sau khi mặt trời lặn, cô có thể thi-hành chức-vụ được. Công-cuộc tôi đã dự-bị cả rồi. Tôi tính cô nên cưỡi máy bay mà đến miền rừng Âu-la, như thế vừa đỡ khó-khăn, vừa đỡ nguy-hiểm, cô nghĩ sao?

Lệ-Ti tỏ ý rất bàng lòng. Khắc-Tư lại nói tiếp:

— Cách rừng Âu-la độ ba bốn dặm có một cái nhà nhỏ. Trong cái nhà ấy tôi đã sai một tiểu-đội binh Pháp đóng giữ, ở đấy họ có một bộ máy phát điện, vậy tối hôm nay cô ở trên không trông xuống, cứ chỗ nào có điện-quang ấy là ám-liệu của ta đó. Cô cứ mở ô dù mà nhảy xuống, những quân Pháp ở trong cái nhà con ấy sẽ là những chân tay giúp sức cho cô. Cô cứ thế mà làm việc, sự thành-công có hi-vọng đấy.

Lệ-Ti gật đầu, Khắc-Tư lại quay sang nói với Mạch-Hải:

— Ông cũng nên đi giúp sức cho cô Lệ-Ti, vậy ông sắm-sửa đi, chẳng có đến lúc lâm sự lại lúng-túng.

Mạch-Hải nhận lời, Khắc-Tư bèn cáo-từ về. Trước khi ra cửa, chàng cầm lấy tay Lệ-Ti nói với nàng bằng một giọng thiết-tha:

— Cô Lệ-Ti ơi! Bây giờ cô đã tin tôi chưa?

Lệ-Ti ngậm-ngùi trả lời:

— Trước kia tôi vô-cố ngờ ông, bây giờ lấy làm hồ-thẹn lắm. Từ nay tôi đã biết lòng ông rồi, đêm-mấy-ngờ sẽ tan ở trong óc tôi, ông đừng ngại nữa.

Khắc-Tư muốn nói nữa, lại dường như ngại lời, sau cùng đành bạo nói:

— Vậy cô có yêu tôi chăng?

Lệ-Ti diễm-nhiên áp:

— Điều ấy tôi khó nói lắm.

Khắc-Tư biết rằng nàng còn nặng tình với Mạch-Hải, trong lòng không vui, bèn cáo-từ đi ra.

Một giờ sau, Lệ-Ti đã cải-trang, nghiêm-nhiên là một nhà nữ-phi-hành. Nàng đi đi lại lại trong phòng để đợi Mạch-Hải đến là đi, đi vào nơi nguy-hiểm...

(Còn nữa)

Tùng-Toàn dịch-thuật



VĂN-UYÊN

Kim-Trọng Thúy-Kiều hợp vịnh

Gặp-gỡ nhau từ hội dạp-thanh,
Lân-la vừa rập mối tơ-tình;
Kể yề tang chủ nèn xa ư ất,
Người chuộc oan cha phải bân mình;
Đàn hạc sầu riêng nơi gác tía,
Cờ hoa vui gượng chốn lầu xanh;
Còn trời may lại còn duyên nhĩ,
Này chiếc gương loan vỡ lại lành.

Kim-Trọng Thờ-quan hợp vịnh

Hương lửa duyên Kiều khéo cột nhau,
Kim-lang duyên trước Thờ-lang sau;
Cây trong vườn thủy hoa chưa nở,
Nước mặt sông Tiền ngọc vội sâu;
Chủ mán ngăn-ngor khi vớt trượt,
Anh đồ tung-hứng lúc về lầu;
Mười-lăm năm ấy tình-chung cả,
Hai bác chia riêng một gánh sầu.

Thúy-Kiều

Thôi đừng trách lẫn mệnh ghen tài,
Vì mối tơ-tình buộc đẩy thôi;
Mồ cở thương hoài con dĩ đại,
Bóng hoa mê lịt cậu đồ troai;
Duyên kia buộc lại tình dan-diu,
Oan nọ xui nên bước lạc-loài;
Giữ ngọc gìn vàng ai dặn đó,
Mối tình đã xẻ khắp cho ai.

Kim-Trọng

Trang-mạo thiên-tư tốt thế mà,
Văn-nhân sao học tính trắng hoa;
Chỉ quen phong-nhã nghề chim gỏi,
Chẳng giữ trăm-anh cái nếp nhà;
Ấn bút phòng văn thì lạnh ngắt,
Túi đàn cặp sách khéo lân-la;
Trong biên Lãm-thủy tròn hai tháng,
Bể được trên đảo một chiếc thoa.

Thúy-Vân

1

Tình chị thôi em đã hiểu rồi,
Giả vờ mà thử hỏi nhau chơi;
Tơ duyên nếu chấp người hóm nọ,
Chẳng lạy thì em cũng chịu lời.

2

Doan-trang ngọc nói về hoa cười,
Đầy-dặn khuôn trăng nở nét ngai;
Duyên chị đã dành vàng chấp nỡ,
Ngọc-duong kim-mã ấy duyên ai.

Vương-Quan

Nổi dòng kinh-sử nghiệp nho-gia,
Anh yển ngày xuân cũng thướt-tha;
Bầu-bạn khéo làm mẹ cả chi,
Oan-khiên không biết gỡ cho cha;
Trời còn nuông phúc nhà Viên-ngoại,
Vua cũng thương tái hội chế-khoa;
Ấn-nhĩa nhớ chi ân-nghĩa đảo,
Châu Trần mà kết với sai-phà.

Tiền đồng

Vui hội thanh-minh dạo suốt ngày,
Biết vui nào biết cái gì hay;
Gió trăng lưng túi hai vai nhẹ,
Mà gánh tương-tư nặng nề thay.

Đạm-Tiên

1

Tài-sắc chứng bao hồi chị dàu,
Nửa chừng voi dứt nợ phong-lưu;
Ti-bà nhớ khúc Tâm-duong đó,
Nén chàng cho ai thấy bạc đầu.

2

Bảo chị dàu non dưới cửu-tuyền,
Hồng-nhan chưa hẳn đã vô-duyên;
Mong-mạnh chút phận danh còn mãi,
Tài-sắc nghìn thu tiếng Đạm-Tiên.

Chung-công

1

Ngọn bút con dao cụt lại già,
Thay đen đổi trắng khó chi mà;
Tình oan riết đủ ba trăm lạng,
Sẵn món từ-tâm cụ thể a?

2

Thương nỗi Vương-ông mắc tụng-đình,
Tội tham đã vết sạch-sạch-sạch;
Ba trăm lạng bạc trong ba bữa,
Hiếu-nữ làm sao chẳng bán mình!

Quản phủ Lôi-châu

Ăn tở chẳng biết có hay không?
Nhờ lượng đèn trời bóng chi-công;
Bạc có ba trăm không tội lệ,
Cho hay mặt sắt vẫn hơi đồng.

Thằng bán tơ

Giắt mỗi oan-khiên khéo ỡm-ỡ,
Lời-thối chi thế chú hàng tơ;
Giật-giảm buộc lại cho vương-vit,
Thêu truyện quần-thoa mãi đến giờ.

Thúc-ông

Mang việc gia-đình cáo cửa công,
Giả dờ ai lại dở như ông;
Nguyên-đơn một lá đầu phơ bạc,
Hình-pháp ba cây má quện hồng;
Đương lúc lửa hương vừa bén tiếng,
Nỡ nào đàn nhịp dễ ngang cung;
Phủ-đường trải mấy lò than lửa,
Mà vẫn cha con vẫn vợ chồng.

Thúc-sinh

Sớm đào tối mận những lần-la,
Nói giống thu-hương thế cũng là;
Giọt lệ thương ai mang khóc mẹ,
Tấm lòng mẹ gái chẳng kinh cha;
Kẻ xuôi ngo-ngân trông người ngược,
Con ở bang-khuảng thẹn chúa nhà;
Đã vững tay cò tay lại bỏ,
Trăm điều thôi chớ chắt vào ta.

Thúc-sinh sợ vợ

Cái thân sợ vợ thế mà thôi,
Sợ một ai ngờ sợ cả đôi;

Miệng đắng bồ-hồn khi rượu ép,
Mặt xanh trâm đồ lúc gương soi;
Trước màn su-lũ đầu chia khúc,
Ngoài cửa viên-môn trống nửa hồi;
Kẻ cấp ba già người mới ngã,
Bốc rời từ đấy sẽ mua vui.

Hoạn-Thư

Vốn dòng họ Hoạn nếp cung-trang,
Rất mực khôn-ngon nói dịu-dàng;
Khuôn-phép thực nòi quan Lại-bộ,
Tình duyên sớm kết bạn thư-nhang;
Trăng-hoa chỉ vị người đơn-bạc,
Dòng-tổ xui nên thiếp phủ nhang;
Lượng cả sẵn lòng dung kẻ dưới,
Kẻ chi khánh bạc với chuông vàng.

HƯƠNG SƠN

...

Lời bà lão Nam-phong

(Hát xẩm)

Theo thì đòi, theo thì đòi,
Chị em ơi! những ngón theo đòi,
Gái già này tướng khó coi lắm mà!
Xưa nay trong cái đạo đàn bà,
Thối nhà mà bấu-tuyệt; người ta khen
thường.
Sao cho đi khỏi làm đường,
Ngan thu chờ để cái mệ hương ô-danh.
Buổi đời đương lúc cải-canh,
Cải vầu-minh cổ đã đánh ta phải đòi
thay.

Nhưng ở trong còn lắm điều hay,
Bước qua mà nhắm mắt, sau này ra
Gái già này tuổi chưa là bao, [sao.
Gọi là già vậy, chứ mái đầu cũng chưa
hoa dâm.

Chẳng đẹp chi nhưng cũng có duyên
thăm,

Phỏng mà quần trắng giấy dâm còn
lắm người yên.

Cái « một » chị em trang-diêm mỹ-
niên,

Hà là chả biết những điều tối-làn.
Nhưng gái này cái đó không cần,

Miền là giữ được cái nhân-cách người.

Trẻ ranh những thói nực cười !

Gái này thì xin kiêu, mặc ai đua dân !

Lấy chồng thì gánh vác giang san,
Chỉ lòng « ăn bám » thì còn hàn mà
lâm chi.

Chị em ơi, đã sinh ra phận nữ-nhì,

Gái hiền gái dâm thế thì mới hay.

Cương-thường nếp cũ đã xây,

Ra tay mà phá-hoại, lờ g nay sao dang.

Tiếc thay chủ! nghĩa cũ-càng.

Bây giờ biết gửi cái tấm can-trang vào
ai.

Nghĩ đời càng ngàn đời mà cho đời !

Tương-giang-thì

...

Mừng thọ bảy-mươi

Mười

Trời còn hậu dâm Nho-gia,

Làng vắn lại có ông già bảy mươi ;

Tang-thương cuộc thế đời đời,

Còn gương cựu-học còn nói tư-vấn.

Nói

Làng Phú-diền có ông già ra dáng

diết,

Khéo ngo-ngo ngác-ngác tựa người
ngây ;

Tóc bạc phơ da đỏ hây-hây,

Nghề thế-sự dù dờ dừ hay ông cũng gât;

Thế mà thực lòng Nho tính Phật,

Đạo thánh-hiền học được chữ thanh-tu.

Khi thiện-lân giảng diễn, khi sơn-thủy
ngao-du,

Pho thánh-huấn, chiếc la-kình dưng-
dinh.

Từ-hiếu môn-phong nhân khởi kính,

慈孝門風人起敬

Thanh-cao phẩm cách thế xưng hiền ;

清高品格世稱賢

Chẳng khoa-danh cũng tiền thần-tiên,

Lọ là phải trọng chức cao quan làm
hạnh-phúc.

Trò thế-sự sáng tai nghe thêm nhức óc,

Cho nên ông giả học lối si-lung ;

Hỏi ông ông cứ ung-dung,

Tai ông điếc mà lòng ông nào có điếc.

Rượu giới-mi nay mừng một tiệc,

Sự gia-dinh chán-lạc cũng nên say.

Càng say, càng điếc càng hay.

NGUYỄN THIỆU-TIÊN

...

Già

Mười

Càng già càng dẻo càng dai,

So già với trẻ xem ai cứng mềm ;

Ai ơi thử li mà xem,

Biết tay lão luyện càng êm càng tinh.

Nói

Thế-gian bạch-phát duy Công-đạo,

Lão-nhân đầu thượng bất tương nhiều;

Ai ơi già vẫn có nhiều,

Bao nhiêu trẻ bấy nhiêu già đấy nhĩ.

Bát thập Thôi-công phùng Mã-thị,

Thất tuần Trần-từ ngộ Thi-nương ;

Càng già thấy trẻ lại càng thương,

Chờ có thấy già-đương mà lại sợ.

Bạch-đầu-ông với hồng-nhan-nữ,

Dẫu rằng già cũng chẳng chạy non ai ;

Càng già càng dẻo càng dai.

Vinh nhục

Vinh vinh nhục nhục,

Hễ là người biết nhục thì vinh ;

Trai trung hiếu gái tiết-trinh,

Không giữ được dẫu có vinh thì cũng
nhục.

Ra trường danh-lợi vinh liền nhục,

Vào cuộc trần-ai khóc lại cười ;

Thấy ăn ăn thấy nói nói thấy cười cười,

Xét cho kỹ ăn mặc nói cười ừ cũng khó.

Ở trần-gian mấy người tri-ngộ,

Nên đem gương thời cò mà soi ;

Ở đời khó lắm ai ơi !

N. N.

THỜI-ĐÀM

PHÁP

Trường Thuộc-địa đổi tên

Trường Thuộc-địa đào-tạo những quan cai-trị và tư-pháp các thuộc-địa, từ nay đổi tên lại là « Pháp-quốc hải-ngoại quốc-gia học-hiệu » (*Ecole Nationale de la France d'outremer*).

Hãng ô-tô Citroen vỡ nợ

Hãng Citroen là một hãng chế-tạo xe hơi rất lớn ở Pháp đã bị khánh-tận. Giá-trị của hãng là 1994 triệu phat-lãng, mà tiền nợ thì những 2134 triệu, thế là lỗ 140 triệu. Đã dùng phương-pháp để cho hãng ấy vẫn còn làm việc được và cho các thợ khỏi bị thất.

Quan Ngoại-giao tổng-trưởng sang Ý

Quan Ngoại giao tổng-trưởng LAVAL sang Ý hội-kiến với thủ-tướng MUSSOLINI về việc bang-giao. Cuộc điều-dinh Pháp Ý lần này rất quan-trọng, tất cả Âu-châu đều chú-ý, vì có liên-can đến tính-cách tự-lập của Áo và tình-thế Tiểu-dòng-minh, nghĩa là can-dự đến sự hòa-bình Trung-Âu vậy.

Số người thất-nghiệp

Số người thất-nghiệp hiện nay là 395.000 người, tức là tăng hơn tuần trước 10.000 người.

MỸ

Mĩ định đào kênh nối Đại-tây-dương với Thái-bình-dương

Ông VINSON, chủ-tịch ủy-viên hải-quân ở nghị-viện, xin đào một con

kênh dài 227 cây số, tốn hết 722 triệu đồng đô la. Con kênh này nối Đại-tây-dương với Thái-bình-dương, chạy từ Greyton qua tới Briton.

Số ô-tô chế-tạo trong năm nay

Trong một năm nay, Mỹ chế-tạo được tất cả 2.850.000 chiếc, vừa ô-tô vừa camion. Năm 1933 chỉ được có 1.986.000 chiếc thôi.

Các nước trả nợ

Ngày 15 *Décembre* là kỳ-hạn các nước phải trả nợ chiến-tranh cho Hoa-kỳ theo như điều-ước Versailles đã định.

Số tiền các nước nợ Hoa-kỳ phải trả kỳ 15 *Décembre* này là 228 triệu Mĩ-kim, thế mà Hoa-kỳ chỉ nhận được có 200.000 Mĩ-kim thôi.

..

NHẬT

Nhật lo đối-phó với Anh

Theo báo « *Word telegram* » ở Mĩ thì Nhật hiện đương bí-mật điều-dinh với Xiêm về việc đào một con sông ngang qua eo biển Kra, để tránh *Singapour* là căn-cứ hải-quân của Anh.

Khai-mạc cuộc Quốc-hội thứ 67

Quốc-bội Nhật bản thứ 67 đã khai-mạc hôm 26 *Décembre*, có Nhật-hoàng đến dự.

THỜI-CỤC NƯỚC TÀU

Gần đây Tưởng Giới-Thạch đã đánh dẹp được quân cộng-sản ở Giang-tây, nhưng về mặt Qui-châu Hoài-châu, quân cộng-sản tràn đến quấy-rối. Theo tin báo « Hongkong Times » thì đảng cộng-sản có lẽ đã chiếm hạt Qui-định cách Qui-dương là tỉnh-thành Qui châu năm cây số; lại có bọn cộng-sản khác đánh phủ-an. Quân cộng-sản lại chực qua sông đánh vào tỉnh Hoài-châu. Thế là nội-địa nước Tàu nạn cộng-sản cũng chưa tiêu-trừ được hết.

Miền đông-bắc thì người Nhật thực-hành chính-sách di-dân, yêu-cầu chính-phủ Mãn châu phải nhường hẳn đất năm huyện: Mát-lâm, Hồ-lâm, Hoa-xuyên, Thang-tư, Bảo-thanh làm đất di-dân của Nhật. Bộ dân-chính chính-phủ Mãn-châu đã báo cáo cho nông-dân năm huyện phải lập tức dời đi nơi khác.

Các nhà đương-cục quân Nhật muốn trừ-tuyệt sự phản-kháng của nhân-dân bốn tỉnh đông-bắc, đã bách chính-phủ Mãn-châu phải hạ-lệnh tịch-thu những súng ống và hết thảy những khi-cụ có thể dùng để đánh nhau được, dù là các đồ làm ruộng như cây bừa cũng không cho nhân-dân chứa ở trong nhà.

Chính-phủ Nhật vừa cử Nam-thứ-lang nguyên-lục-quân đại-thần sang làm đại-sứ ở Mãn-châu kiêm chức Quan-đổng quân tổng-tư-lệnh.

Tôn-sùng Khổng-giáo

Gần một năm nay chính-phủ Trung-hoa đã thực-hành việc khôi-phục văn-

hóa cũ. Vì vậy việc tôn-sùng Khổng-tử đầu đẩy lại sôi-nổi lên. Chính-phủ Nam-kinh có trích ra một số tiền mười vạn đồng để chi về việc trùng-tu Khổng-miếu ở Khúc-phụ. Chính-phủ lại ra lệnh định lệ đối với dòng-dõi họ Khổng như sau này :

1) Từ xưa đến giờ, đối với người thừa-tự đức Khổng vẫn được tập-tước là (Diễn-thánh-công 衍聖公). Hiện tước Diễn-thánh-công bây giờ là cháu đời thứ 77 đức Khổng, tên là Khổng Đức-Thành, mới 18 tuổi. Nay nước Trung-hoa đã đổi là dân-quốc, thì cái tước-hiệu về đời quân-chủ ấy không thích-hợp nữa. Vậy tước Diễn-thánh-công nay đổi là : « Đại-thành chí-thánh tiên-sư phụng-tự quan 大成至聖先師奉祀官 ». Chức ấy được ngang với một vị quan lớn trong chính-phủ.

2) Con cháu dòng-dõi bốn vị Á-thánh, tức là tứ-phối : Tăng-tử, Nhan-tử, Tử-tư, Mạnh-tử đều được thụ chức : « Phục-thánh phụng-tự quan 復聖奉祀官 ».

3) Người cháu đức Khổng và những người cháu bốn vị Á-thánh đều được nhà nước cấp học-phí cho ăn học đến bậc đại-học.

4) Tại Khúc-phụ là quê-hương đức Khổng, chính-phủ xuất tiền lập ra một trường tiểu-học đặc-biệt để dạy các cháu đức Khổng và bốn vị Á-thánh.

VIỆC TRONG NƯỚC

Cứu-tê nạn-dân miền bắc Trung-kỳ. — Ngày 17 Décembre Hội-đồng Cứu-tê ở Bắc-kỳ đã họp hội-đồng tại Hội-quán Hội Khai-trí Tiến-đức do quan Võ-hiền Hoàng Trọng-Phu chủ-tọa, có

đồng-đủ các quan chức thân thương nghiệp-chủ Tây Nam đến dự, hội-đồng bàn các cách quyền tiền giúp cho nạn-dân bị bão-lụt ngày 25 tháng 10 tây (16 tháng 9 ta) ở miền bắc Trung-kỳ

(Nghệ-an, Hà-tĩnh và Quảng-bình). Hội-đồng định mở một cuộc lạc-quyên khắp xứ Bắc-kỳ, và định mở các cuộc vui như chợ phiên, diễn kịch, chớp bóng. Đã gửi các sổ quyên nhờ các quan đầu tỉnh khắp xứ Bắc-kỳ giúp việc. Hạn lạc-quyên trong hai tháng rưỡi, kể từ mồng 1 tháng giêng đến rằm tháng ba tây.

Quan Toàn-quyền ROBIN có cho phép tổ chức một ngày lạc-quyên khắp các xứ trong cõi Đông-dương để lấy tiền giúp cho nạn-dân. Ngày lạc-quyên ấy định vào ngày 10 *Eévrier* 1935 tức là mồng 7 tháng giêng ta.

Hội-đồng Chính-phủ. — Ngày 26 *Décembre* Hội-đồng Chính-phủ đã khai-mạc kỳ hội-đồng thường-niên năm 1934 tại Sài-gòn, do quan Toàn-quyền ROBIN làm chủ-tọa.

Hội-đồng làm việc đến chiều ngày 29 thì họp kỳ bế-mạc.

Bãi tòa Kiểm-duyet báo chí. — Quan Toàn-quyền ROBIN nghị-dịnh bãi tòa Kiểm-duyet các báo-chí cả toàn cõi Đông-dương, kể từ ngày mồng 1 tháng giêng năm 1935.

Đường hỏa-xa Tourane—Quảng-ngãi đã chạy được. — Đoạn đường hỏa-xa từ Tourane vào Quảng-ngãi đã làm xong, từ mồng 1 *Janvier* 1935 bắt đầu vận-tải hành-khách và hàng-hóa. Sô Hỏa-xa đã đặt chuyến xe tốc-hành ngày nào cũng có một chuyến chạy Hà-nội—Quảng-ngãi và Quảng-ngãi—Hà-nội. Duy chuyến tốc-hành Hà-nội—Sài-gòn thì mỗi tuần lễ ba chuyến.

Số thu vào của công-nhu Đông-dương. — Sô công-nhu Đông-dương kể từ đầu năm đến hết tháng 9 năm 1934, số thu vào được 36.437.716 đồng, ít kém năm ngoài (cũng khoảng tháng giêng đến tháng 9) 4.786.000 đồng.

Số thu vào của sô Hỏa-xa. — Kể từ mồng 1 tháng *Janvier* đến cuối tháng *Septembre* 1934, sô Hỏa-xa thu vào được 2.375.100 đồng, so với thời-kỳ ấy năm 1933 thì kém mất 119.426 đồng.

Đường hỏa-xa Hải-phòng — Vàn-nam cũng thời-kỳ ấy thu được 2.717.791 đồng, kém năm ngoài 331.908 đồng.

Những nhà bị khánh-tận và phát-mại trong cõi Đông-dương khoảng chín năm trước đây. — Trong khoảng chín năm trước đây (từ năm 1925 tới năm 1933), bốn tòa-án Thương-mại ở Đông-dương đã tuyên những án khánh-tận và phát-mại như sau này:

I. — NAM-KỲ: Sài-gòn và Chợ-lớn

Năm	Án khánh-tận	Án phát-mại
1925	46	9
1926	52	11
1927	39	12
1928	73	13
1929	95	6
1930	87	14
1931	100	26
1932	64	27
1933	34	27
Cộng	590	145

II. — CAO-MIÊN: Nam-vang

Năm	Án khánh-tận	Án phát-mại
1925	3	0
1926	5	0
1927	1	3
1928	16	6
1929	18	5
1930	32	7
1931	22	15
1932	11	8
1933	16	1
Cộng	124	48

III.—BẮC-KỲ: Hải-phong

Năm	Ấn khánh-tận	Ấn phát-mại
1925	18	1
1926	8	0
1927	13	0
1928	14	2
1929	15	4
1930	12	2
1931	21	5
1932	16	12
1933	12	6
Cộng	129	32

IV.—BẮC-KỲ: Hà-nội

Năm	Ấn khánh-tận	Ấn phát-mại
1925	11	2
1926	9	3
1927	8	2
1928	11	2
1929	8	1
1930	7	1
1931	48	5
1932	16	12
1933	47	12
Cộng	105	40

Tổng-cộng 918 ấn khánh-tận và 265 ấn phát-mại.

Báo mới và sách mới

Ngày nay. — Bản-báo được, tin rằng đến 27 Janvier này thì Tuần-báo « Ngày nay » sẽ ra số đầu. Báo xuất-bản mỗi tuần ba kỳ, mỗi một, mỗi mười và hai mươi. Mỗi số 0\$10, một năm 3\$00.

Bản-báo có lời chào mừng bạn đồng-nghiệp và giới-thiệu cùng đọc-giả.

Mấy văn thơ (Nguyễn-thế-Lữ). — Ông Nguyễn-thế-Lữ là một nhà văn còn trẻ tuổi chuyên về mặt văn thơ mới trong báo Phong-hóa. Lắm bài văn của ông rất có ý-tưởng thâm-trầm, và được nhiều độc-giả hoan-ngheh lắm. Nay tác-giả lại sưu-tập các bài thành một cuốn để hiến các bạn mộ văn mới. Văn lạ, sách in đẹp các bạn văn-chương được tin này, chắc lấy làm mừng lắm.

Tiếng suối reo. — (Khái-Hưng) Bản-báo không phải giới-thiệu ông Khái-Hưng cùng các độc-giả nữa. Ông Khái-Hưng chuyên về mục tiểu-thuyết trong tòa-soạn Phong-hóa, và đã từng in ra lắm sách có giá-trị, mà bản-báo đã có nói ở đây. Lần này, ông soạn các « truyện-ngẫu » trong Phong-báo mà in thành một cuốn sách nhan đề là: Tiếng suối reo để hiến bà con. Thật là một món quà đặc-biệt hiến các bà con đã thường-thức văn « Hồn-bướm mơ-tiên », « Nửa chừng xuân » và « Gánh hàng hoa ».

Văn đàn bảo-giám. (Cuốn thứ hai in lần thứ hai. —) Hiện Nam-ký có một tập văn thơ phú, văn sách kim cổ rất quý là bộ Văn đàn bảo-giám. Quyền thứ hai bộ này hết đã lâu, nên hiện đó có cho in lại; lần này lại thêm nhiều bài và có nhiều bức ảnh cổ truyền lại rất quý, nhà văn-báo Tấn-dã có để bài tựa. Giá 1\$10 một quyền.

Thú văn thơ (Xuân-Thiện). — Ông Xuân-Thiện có gửi biếu bản-báo một tập thơ của ông đã làm trong khi nhàn-hạ. Xin kính lĩnh tạ và giới-thiệu cùng các độc-giả.